



CÔNG TY CỔ PHẦN
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT ĐU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

TÀI LIỆU
THỰC HIỆN CÔNG
PHIÊN HỢP THỰC HIỆN NĂM 2021

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2021

QUY CHẾ LÀM VIỆC TỔNG HÀNH SÁNG CÔNG

I. Mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng, dân chủ và tuân thủ y các quy định của Pháp luật, nội quy Công ty;
- Tạo niềm tin cho công tác tổ chức, tiến hành hiệu quả công thành công.

II. Quy định tham gia hiệu quả công:

- Công có thể quy định cho đi đến của mình tham gia vào các vấn đề của Công ty trong phạm vi quy định của mình. Người quy định không nhất thiết phải là công của Công ty. Người quy định có thể chỉ định các quy định trong phạm vi quy định phù hợp với quy định của pháp luật và quy định này. Người quy định không quy định lợi ích cho người khác.
- Việc đi đến và quy định, thay đổi đi đến và người quy định phải có sự chỉ định bằng văn bản theo đúng quy định.

III. Trách nhiệm hiệu quả:

- Tất cả các công nhân tham gia hiệu quả làm việc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy phép và các giấy tờ khác liên quan để xác minh theo cách tiếp cận hợp pháp.
- Không hút thuốc lá trong phòng hiệu quả.
- Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc đi đến hiệu quả. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt chuông.

IV. Biện pháp thông qua các vấn đề hiệu quả:

1. Nguyên tắc: Tất cả các vấn đề trong quá trình làm việc của hiệu quả (trừ các vấn đề thông qua bảng hình thức báo phiếu kín) đều được thông qua bằng cách lý giải nội dung quy định công khai của tất cả công nhân. Thủ tục quy định theo sự phân bổ và đi đến. Mọi công nhân khi tham gia hiệu quả phải chấp hành Thủ tục quy định, trong đó ghi sự phân bổ quy định quy định (sự phân bổ và quy định) của công nhân và có đóng dấu treo của Công ty. Phiếu quy định (các nội dung được thông qua bằng hình thức báo phiếu kín) có in mã vạch để ghi nhận nội dung phiếu báo công nhân thông tin.

Công nhân chấp hành quy định ký ngay và sau đó có quy định tham gia và biện pháp quy định nội dung tiếp theo theo hiệu quả. Chủ tịch không có trách

nhì m d ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã tỉ n hành tr c khi c ông n mu n tham d không b nh h ng.

- 2. Cách bi u quy t:** C ông bi u quy t (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) t ng v n b ng cách ánh d u vào ô t ng ng trong Phi u bi u quy t, sau ó chuy n l i Phi u bi u quy t cho Ban t ch c. i v i nh ng c ông ã nh n phi u bi u quy t nh ng không tỉ n hành b phi u, s c ph n do c ông ó i di n/s h u/ c y quy n s c tính là bi u quy t “Không ý kiến”.
- 3. Thi i m bi u quy t:** Ngay sau khi k t thúc ph n th o lu n, các c ông chuy n Phi u bi u quy t v cho Ban t ch c. Trong quá trình h p, các c ông có th bi u quy t tr c các n i dung và chuy n Phi u bi u quy t cho Ban t ch c.

4. Ki m phi u:

Ban ki m phi u g m 3 thành viên do oàn ch t ch xu t và c i h i nh ng c ông thông qua. Ban ki m phi u tỉ n hành công vi c thu phi u, ki m phi u v i s tr giúp c a t giúp vi c.

Trong tr ng h p c n thi t, oàn ch t ch s m i i di n quý v c ông d h p tham gia giám sát quá trình thu phi u và ki m phi u bi u quy t v i Ban ki m phi u.

V. Phát bi u ý ki n, th o lu n n i dung và gi i áp các th c m c t i i h i:

- 1. Nguyên t c:** C ông tham d i h i khi mu n phát bi u ý ki n th o lu n phi ng ký n i dung phát bi u và c s ng ý c a oàn Ch t ch.
- 2. Cách th c phát bi u:**

C ông phát bi u ng n g n và t p trung vào úng nh ng n i dung tr ng tâm c n trao i, phù h p v i n i dung ch ng trình ngh s c a i h i ã c thông qua. oàn Ch t ch s s p x p cho c ông phát bi u theo th t ng ký, ng th i gi i áp các th c m c c a c ông.

VI. Trách nhi m c a oàn Ch t ch:

- i u khi n i h i theo úng ch ng trình ngh s , các th l quy ch ã c i h i thông qua. oàn Ch t ch làm vi c theo nguyên t c t p trung dân ch và quy t nh theo a s .
- H ng d n i h i th o lu n, l y ý ki n bi u quy t các v n n m trong n i dung ch ng trình ngh s c a i h i và các v n có liên quan trong su t quá trình i h i.
- Gi i quy t các v n n y sinh trong su t quá trình i h i.

VII. Trách nhi m c a T th ký.

- Ghi chép y , trung th c toàn b n i dung di n bi n i h i và nh ng v n ã c các c ông thông qua ho c còn l u ý c a i h i.
- T p h p v n b n ý ki n c a c ông.

3. Số n th o Biên b n h p i h i và các Ngh quy t v các v n ã c thông qua t i i h i ng c ông.

VIII. Trách nhi m c a T ki m phi u.

1. Ph bi n th l và nguyên t c bi u quy t.
2. Phát và thu phi u bi u quy t, ti n hành ki m phi u; l p, xác nh k t qu bi u quy t c a c ông v các v n thông qua t i i h i.
3. Xem xét và báo cáo v i i h i quy t nh nh ng tr ng h p vi ph m th l b u c ho c n khi un i v b u c .
4. Thông báo k t qu bi u quy t và b u c cho T th ký.

**TM. I H I NG C ÔNG
CH T CH H QT**

Số: /BC- NB

TP. HCM, ngày tháng năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY
TỔNG CỘNG THỜI GIAN NĂM 2020**

PHẦN I: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHỈM VỤ, KẾ HOẠCH NĂM 2020

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2019	Năm 2020		Tỉ lệ so sánh (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	4=3/2	5=3/1
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
I	Tổng sản lượng tiêu thụ	Tấn	266,672	322,000	280,366	87%	105%
1	PB mua của công ty mẹ		214,485	268,000	239,293	89%	112%
	Ure Phú M	Tấn	192,136	210,000	211,138	101%	110%
	NPK Phú M		22,349	58,000	28,155	49%	126%
2	Phân bón tự doanh	Tấn	52,187	54,000	41,073	76%	79%
2.1	Phân bón thương hiệu PM	"	38,490	51,500	33,403	65%	87%
2.2	Các loại phân bón khác	"	13,697	2,500	7,670	307%	56%
II	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	1,924.67	2,444.47	1,842.61	75%	96%
1	PB mua của công ty mẹ		1,532.93	2,059.42	1,537.39	75%	100%
	Ure Phú M	"	1,335.25	1,541.40	1,297.16	84%	97%
	NPK Phú M		197.68	518.02	240.23	46%	122%
2	Phân bón tự doanh	"	372.10	384.45	277.51	72%	75%
2.1	Phân bón thương hiệu PM	"	295.67	375.58	238.96	64%	81%
2.2	Các loại phân bón khác	"	76.43	8.88	38.55	434%	50%
4	Hoạt động tài chính	"	0.46	0.60	0.36	60%	78%
5	Đch v khác	"	19.18	0.00	27.35	-	140%
III	Tổng chi phí	Tỷ đồng	1,910.92	2,434.31	1,828.26	75%	96%
1	Giá vốn	"	1,860.27	2,376.48	1,771.97	75%	95%
2	Chi phí quản lý	"	21.64	23.02	19.47	85%	90%
3	Chi phí bán hàng	"	29.01	34.72	35.56	102%	123%
4	Chi phí tài chính	"	0.00	0.10	1.26	1257%	-

TT	Ch tiêu	n v tính	TH n m 2019	N m 2020		T l so sánh (%)	
				K ho ch	Th c hi n	4=3/2	5=3/1
A	B	C	1	2	3	4=3/2	5=3/1
IV	L i nhu n tr c thu	T ng	13.75	10.16	14.35	141%	104%
V	L i nhu n sau thu	T ng	5.99	8.12	11.26	139%	188%
1	T ng tài s n		246.04	241.00	250.71	104%	102%
	Tài s n ng n h n		220.58	210.00	228.46	109%	104%
	Tài s n dài h n		25.46	31.00	22.25	72%	87%
2	V n ch s h u		156.23	150.94	154.92	103%	99%
3	V n i u l		125.00	125.00	125.00	100%	100%
	Trong ó: T l góp c a TCT		0.75	0.75	0.75	100%	100%
4	T su t l i nhu n		-		-	-	-
	L i nhu n sau thu /V L		3.2%	6.5%	9.0%	139%	285%
	L i nhu n sau thu /VCSH		2.5%	5.4%	7.3%	135%	288%
VI	Thu và các kho n ph i n p NSNN	T ng	4.97	3.67	5.29	144%	106%
1	Thu TNDN	"	2.86	2.03	3.09	152%	108%
2	Các lo i thu và phí khác	"	2.11	1.64	2.20	134%	104%

- T ng s n l ng: 280.366 t n/322.000 t n, t 87% k ho ch, b ng 105% cùng k n m 2019. Trong ó:
 -) Urê Phú M tiêu th 211.138 t n/210.000 t n, v t 0,5% k ho ch;
 -) NPK Phú M tiêu th 28.155 t n/58.000 t n, t 49% k ho ch;
 -) Phân bón th ng hi u Phú M tiêu th 33.403 t n/51.500 t n, t 65% k ho ch;
 -) Phân bón t doanh 7.670 t n/2.500 t n, v t 207% k ho ch.
- T ng doanh thu (DT thu n v bán hàng và cung c p d ch v + DT hoạt ng TC + Thu nh p khác): 1.843 t /2.444 t ng, t 75% k ho ch. Trong ó:
 -) Ure Phú M là 1.297 t /1.541 t ng, t 84% k ho ch;
 -) NPK Phú M là 240 t /518 t ng, t 46% k ho ch;
 -) Phân bón th ng hi u Phú M là 240 t /376 t ng, t 64% k ho ch;
 -) Phân bón t doanh là 39 t /9 t ng, v t 334% k ho ch;
 -) Ho t ng tài chính là 0,36 t /0,60 t ng, t 60% k ho ch;
 -) Các ho t ng khác là 27,35 t ng.
- L i nhu n tr c thu : 14,35 t ng/10,16 t ng, v t 41% k ho ch.

- N p ngân sách nhà n c: 5,29 t ng/3,67 t ng, v t 44% k ho ch.
- T su t l i nhu n sau thu trên v n i u l là 9,0%, trên v n ch s h u là 7,3%.

II. ánh giá k t qu t c n m 2020

❖ *Tình hình chung trong n m 2020*

- Trong b i c nh d ch b nh Covid-19 v n ang ti p t c lan r ng trên th gi i và tình hình m a bão, l l t tàn phá nh ng kinh t Vi t Nam v n ang có nh ng d u hi u h i ph c m nh m . GDP n m 2020 t ng 2,91% (Quý I t ng 3,68%; quý II t ng 0,39%; quý III t ng 2,69%; quý IV t ng 4,48%), tuy là m c t ng th p nh t c a các n m trong giai o n 2011-2020 nh ng trong b i c nh d ch Covid-19 di n bi n ph c t p, nh h ng tiêu c c t i m i l nh v c kinh t – xã h i thì ây là thành công l n c a Vi t Nam v i m c t ng tr ng n m 2020 thu c nhóm cao nh t th gi i. i u này cho th y tính úng n trong ch o, i u hành khôi ph c kinh t , phòng ch ng d ch b nh và s quy t tâm, ng lòng c a toàn b h th ng chính tr , Chính ph , Th t ng Chính ph ; s n l c, c g ng c a ng i dân và c ng ng doanh nghi p th c hi n có hi u qu m c tiêu “v a phòng ch ng d ch b nh, v a phát tri n kinh t – xã h i”. Trong m c t ng chung c a toàn n n kinh t , khu v c nông, lâm nghi p và th y s n t ng 2,68%, óng góp 13,5% vào t c t ng t ng giá tr t ng thêm c a toàn n n kinh t ; khu v c công nghi p và xây d ng t ng 3,98%, óng góp 53%; khu v c d ch v t ng 2,34%, óng góp 33,5%.
- Theo báo cáo c a B Nông nghi p và Phát tri n nông thôn (NN&PTNT), kim ng ch xu t kh u nông lâm thu s n tháng 12 n m 2020 c t 3,95 t USD, a t ng giá tr xu t kh u n m 2020 t 41,25 t USD, t ng 2,6% so v i n m 2019. Trong ó, giá tr xu t kh u các m t hàng nông s n chính c t 18,5 t USD, gi m 0,8%; Giá tr xu t kh u ch n nuôi c t 327 tri u USD, gi m 18,2%; Giá tr xu t kh u thu s n c t g n 8,4 t USD, gi m 1,8%; Giá tr xu t kh u các m t hàng lâm s n chính c t 13,2 t USD, t ng 16,4% so v i cùng k n m 2019.
- Giá phân bón n m 2020 ti p t c xu h ng gi m t nh ng tháng cu i n m 2019. Nguyên nhân là do giá nhiên li u trên th gi i ang khá r , ngu n cung phân bón cao h n so v i nhu c u và nh h ng t i d ch Covid-19. i d ch Covid-19 ã làm gián o n các chu i cung ng th c ph m, t s n xu t, thu mua, v n chuy n, ch bi n, b o qu n n tiêu th . Qua ó, làm nh h ng l n n s n xu t nông nghi p và giá nông s n trên toàn c u. Nhu c u s d ng phân bón vì th c ng b tác ng khá nhi u.
- Theo s li u s b c a T ng c c H i quan, n m 2020, Vi t Nam ã nh p kh u 3,8 tri u phân bón v i giá tr 952 tri u USD, t ng 0,11% v l ng nh ng gi m 9,18% v kim ng ch so v i n m 2019. Trong ó, Trung Qu c là th tr ng l n nh t cung c p phân bón cho Vi t Nam, chi m 41,74% trong t ng l ng phân bón nh p kh u c a c n c và chi m 38,73% trong t ng kim ng ch nh p kh u nhóm hàng này c a c n c, t 1,59 tri u t n, tr giá 368,5 tri u USD, t ng 3,79% v l ng và gi m 3,34% v tr giá so v i n m 2019.

- Tình hình thị trường khí hậu khu vực NB diễn biến khó lường không thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp: thiêu hạn kéo dài tại khu vực cây công nghiệp (Cà phê, Lúa mì, Bình Phước); xâm nhập mặn tại khu vực Long An, Tây Ninh làm giảm diện tích gieo trồng, giảm năng suất và gây thiệt hại về người, cây trồng; hạn hán tại Ninh Thuận, Bình Thuận khi nhập khẩu xuân và hệ thống tưới canh tác phức tạp (tại Bình Thuận: lượng mưa từ năm 11 tháng 5/2020 thấp hơn mức trung bình năm 20% đến 90%. Toàn tỉnh Bình Thuận đã phải tưới gần 14.000 ha diện tích cây trồng trong vụ xuân - xuân và hơn 30.000 ha lúa vụ hè - thu không thuận lợi, chậm và hơn 30.000 ha dân thiêu hạn sinh hoạt...; vụ Hè Thu năm 2020, Ninh Thuận phải di chuyển sản xuất và diện tích hơn 15.300 ha; trong đó, lúa hơn 10.800 ha, rau màu hơn 4.500 ha).

❖ **Hoạt động kinh doanh**

- Năm 2020 là năm mà việc kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, như:
 -) Thị trường phân bón năm 2020 diễn biến phức tạp, giá phân bón nhập khẩu tăng mạnh trong năm giảm mạnh, nguồn cung dồi dào nên tình trạng cạnh tranh ngày càng quyết liệt. Một hàng Urea sản xuất trong năm cung cấp về thị trường, tồn kho trên thị trường lớn, các biệt nguồn cung ure giá rẻ từ Trung Quốc, các nước Đông Nam Á (Indonesia, Malaysia) và nhiều doanh nghiệp khác vẫn thu nhập mạnh.
 -) Dịch bệnh Covid-19 đã làm gián đoạn các chuỗi cung ứng thực phẩm, sản xuất, thu mua, vận chuyển, chi phí, bỏ qua nhiều tiêu thụ trên toàn quốc. Trục tiếp nhận hàng sản xuất nông nghiệp và giá nông sản trên toàn quốc. Trong năm, do ảnh hưởng của dịch bệnh covid-19 làm xuất khẩu nông sản gặp nhiều khó khăn, cung vượt cầu nên giá nông sản thấp, người dân thiêu nguồn vốn tái đầu tư phân bón canh tác hoặc lựa chọn các loại phân bón rẻ tiền nên nhu cầu tiêu thụ phân bón giảm.
 -) Chất lượng môi trường công thức sản phẩm NPK Phú Mỹ do TCT sản xuất đã có tiến bộ đáng kể nhưng vẫn còn tình trạng ô nhiễm gây khó khăn trong công tác xả thải.
- Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty đã ra nhiều biện pháp và tập trung nguồn lực tranh thủ các hỗ trợ ưu đãi từ nhà nước theo kế hoạch, đi vào ngành hàng và vùng khu vực, tránh hiện tượng bán chôn hàng, ép giá lẫn nhau, nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty và khách hàng.
- Công ty đã triển khai nhiều biện pháp phát triển thị trường NPK Phú Mỹ, tập trung nhiều nguồn lực, nhân sự có kinh nghiệm trong công tác bán hàng, chăm sóc khách hàng, thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt nhằm nâng cao hiệu quả tiêu thụ. Nhờ đó, sản lượng tiêu thụ một hàng NPK Phú Mỹ năm 2020 đã vượt 26% so với năm 2019.
- Ngoài ra, các giải pháp hỗ trợ khách hàng bán hàng như: triển khai các chương trình khuyến mãi, thiêu ưu đãi sản phẩm kết hợp bán hàng; triển khai các chương trình

tặng quà Tết cho người nghèo; thông tin xuyên thủng, chia sẻ hỗ trợ các khách hàng bán hàng... công nghệ góp phần gia tăng thêm sản lượng tiêu thụ.

❖ **Công tác tiếp thị, truyền thông và hỗ trợ, hỗ trợ khách hàng**

- Triển khai tăng cường thể hiện các hoạt động: mô hình trình diễn sản phẩm, hỗ trợ tư vấn kỹ thuật, bán hàng trực tiếp, các chương trình hỗ trợ khách hàng kinh doanh phân bón Phú Mỹ tại các khu vực trọng điểm, quảng cáo trên các đài phát thanh truyền hình, truyền thanh địa phương.
- Tăng cường vận chuyển/phân phối làm chương trình bán hàng trực tiếp, mua hàng tặng quà.
- Giao bán hàng đúng quy định khu vực với các mặt hàng chuyên dùng, giá cao tăng hiệu quả kinh doanh cho người lý; với các mặt hàng phổ thông thì bán giá trả nhúng chính sách giá, chiết khấu theo sản lượng và Công ty tăng cường giám sát chặt chẽ lưu lượng hàng tồn kho vì các bán hàng lẻ.
- Công ty triển khai tăng cường 03 cuộc gặp mặt khách hàng kinh doanh phân bón Phú Mỹ với khoảng 450 khách tại các tỉnh trọng điểm (Lâm Đồng, Nghệ An, Đắk Nông) triển khai các chính sách bán hàng, giới thiệu các sản phẩm mới của đơn vị NPK PM... tại các khách hàng C1, C2. Đây là sự cố gắng của Công ty trong hoàn cảnh dịch Covid-19 nhằm nâng cao niềm tin của xã hội. Hoạt động này mang lại hiệu quả trong công tác bán hàng và là cơ sở để Công ty với C1, C2.
- Công ty đã triển khai 140 điểm bán hàng trực tiếp với khoảng 40 khách hàng/điểm.
- Mở rộng các kênh thông tin, nội dung quảng cáo giới thiệu nhà máy, công nghệ sản xuất NPK Phú Mỹ thông qua các diễn đàn/bà con nông dân (trên phương tiện giao thông, pano nội công cộng, kho/công, phương tiện phát thanh truyền hình, các chuyên gia chuyên môn nông nghiệp, trung tâm khuyến nông, báo và truyền hình...).
- Tăng cường lực lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBTT tại vùng miền trọng điểm xuất khẩu các vùng nông thôn công nghệ giới thiệu sản phẩm NPK Phú Mỹ tại các nông trường, các mô hình HTX, các vùng cây công nghiệp cao su, mía đường;
- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn/nghiệp vụ theo chi tiết cho đội ngũ CBTT;
- Tổ chức cho các người lý/khách hàng tham quan nhà máy NPK để tạo niềm tin cho khách hàng khi giới thiệu và phân phối sản phẩm NPK Phú Mỹ.

❖ **Công tác Tổ chức – hành chính, kế hoạch và tài chính**

- Công ty tiếp tục rà soát hệ thống các quy chế, quy định có hiệu lực, sẵn sàng cho phù hợp với điều kiện, Luật Doanh nghiệp mới và tình hình thực tế tại Công ty.
- Đã và đang rà soát lại cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của các Phòng/Đơn vị nhằm đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ trong năm 2020.
- Trước năm 2020, Công ty cũng đã chú trọng bồi dưỡng các kỹ nhân sự, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ cấp quản lý và đào tạo thông tin xuyên cho

CB.NV chuyên môn góp phần nâng cao năng lực công tác, thay đổi phong cách làm việc theo hướng tích cực. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên Công ty đã phải tạm hoãn/hủy bỏ các khóa đào tạo tập trung ông nghiệp thay thế bằng hình thức tự cá nhân tìm hiểu, tự bồi dưỡng kiến thức chuyên môn cho bản thân mình. Kết quả đào tạo, bồi dưỡng CB.NV tính năm 2020 như sau:

) Số lượng đào tạo: 221 tăng 120% so với kế hoạch;

) Tổng kinh phí đào tạo: 10 triệu tăng 3% so với kế hoạch.

- Công tác tuyển dụng, rà soát, sắp xếp, bố trí luân chuyển cán bộ coi trọng theo ảnh hưởng nâng cao năng suất lao động. Ưu tiên sử dụng nguồn nhân lực nội bộ, chi mạnh mẽ về tuyển dụng mới trên cơ sở sắp xếp, bố trí nhân sự hợp lý. Trong năm, Công ty đã bổ sung 02 cán bộ quản lý trực tiếp tham gia vào mảng kinh doanh phân bón.
- Tiếp tục duy trì hệ thống QLCL (ISO) và nghiên cứu đưa ra các giải pháp công tác này phù hợp vào thực tiễn, tuân thủ các quy trình/quy chuẩn đã ban hành, triển khai đánh giá tái tiếp cận.
- Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2020. Giao kế hoạch 2020 tăng Phòng chức năng về các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện cụ thể.
- Bám sát, ôn cố vi phạm thực hiện tăng tháng/quý theo kế hoạch trả cho các nhân viên trực thuộc.
- Kết quả công tác mua sắm: Thực hiện là 1,92 tỷ đồng, tăng 33% kế hoạch năm, do Công ty quản trị chi trả tăng giá trị mua sắm như tài sản cố định, chi phí bán hàng chi phí quản lý SXKD.

❖ **Công tác lao động, tiền lương và chính sách**

- Công ty đã xây dựng và ban hành NQL, T L TT, Quy chế thi công, Quy chế Hợp đồng NL theo quy định phù hợp với Bộ luật Lao động, tình hình SXKD thực tế và ảnh hưởng ký với S Lao động – Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của Bộ Luật lao động và Tăng Công ty về các chế độ chính sách cho người lao động. Đóng và kê khai BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động. Trả lương, thưởng theo quy định của Công ty đúng thời hạn;
- Đã áp dụng cách thức chi trả lương tháng gộp với hiệu quả tăng SXKD của Công ty hàng tháng.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về Người lao động theo Hợp đồng lao động, Thỏa ước lao động tập thể.

❖ **Kết quả triển khai công tác tái cấu trúc doanh nghiệp theo NQ/Q của TCT**

Chỉ đạo Công ty phối hợp cùng Ban điều hành: Xây dựng và ban hành các quy định quy hoạch, nhiệm vụ, mục tiêu, luân chuyển cán bộ đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty; Chỉ đạo rà soát và kiểm toán toàn bộ cấu trúc, chức năng, nhiệm vụ, quy trình và cấu trúc của các phòng, nâng cao vai trò của các

hì nghiệp chuyên môn, tác công tác; Chịu o rà soát, ban hành các quy ch /quy trình/quy nh phù h p v i tình hình kinh doanh m i và ho t ng c a Công ty niêm y t.

❖ **Công tác Tài chính – K toán**

- Công ty ã hoàn thành báo cáo tài chính n m 2020 và ã c Deloitte ki m toán.
- Công tác tài chính k toán, th c hi n tuân th các quy nh c a pháp lu t, T p oàn, T ng Công ty và Công ty.
- Cân i thu chi, m b o ngu n v n cho ho t ng kinh doanh và u t c a Công ty.
- Ki m soát ho t ng tài chính k toán t i Công ty và các Chi nhánh, không có r i ro x y ra.
- Ti p t c ti n hành rà soát, xây d ng h th ng báo cáo qu n tr nh m áp ng yêu c u báo cáo c a T ng Công ty và công tác qu n tr c a Công ty.
- Xây d ng ch ng trình hành ng ti t ki m ch ng lãng phí và k ho ch th c hi n n t ng Phòng/ n v . K t qu th c hi n ti t ki m chi phí qu n lý và bán hàng n m 2020 là 1,06 t ng v t 48% k ho ch.

❖ **Công tác khác**

- Chi y ã ch o Công oàn, oàn thanh niên ki n toàn nhân s , xây d ng k ho ch ch ng trình ho t ng n m 2020;
- Chi y ã lãnh o, ch o Công oàn, oàn thanh niên t ch c các ho t ng có ý ngh a nhân d p T t âm l ch, ngày Qu c t Ph n 8/3, ngày T t thi u nhi;
- Công oàn Công ty ã th c hi n t t vai trò b o v quy n, l i ích h p pháp và quan tâm t i công tác ch m lo i s ng tình th n, v t ch t cho ng i lao ng. C v , ng viên ng i lao ng tích c c tham gia các phong trào thi ua yêu n c, phát huy sáng ki n, c i ti n k thu t....
- Công oàn ã ch m lo y theo úng chính sách, ch cho CBNV Công ty nhân ngày L /T t, ngày 8/3, 1/6;
- oàn thanh niên ph i h p Công oàn Công ty t ch c bu i giao l u g p m t thân thi t gi a các n CB.NV Công ty nhân ngày Qu c t Ph n 8/3.

III. Thu n l i, khó kh n và bài h c kinh nghi m

1. Thu n l i

- m Phú M v n là th ng hi u có uy tín hàng u c ông o bà con nông dân tin dùng. Th ph n Urê Phú M trong khu v c chỉ m u th và v th d n d t th tr ng.
- Chính sách bán hàng ã c i thi n tích c c h n so v i các n m tr c. Công tác ch m sóc khách hàng và các ch ng trình h i th o, h tr bán hàng ã i vào chi u sâu, t ng b c h tr ch m sóc n các c a hàng c p 2.
- H th ng kho bãi áp ng c yêu c u kinh doanh c a Công ty.
- H th ng phân ph i bao ph toàn b a bàn ho t ng c a Công ty.

- Công ty luôn nhận các sự quan tâm, hỗ trợ kịp thời có hiệu quả và sẵn sàng đi sâu sát các Lãnh đạo Tổng Công ty cùng các Ban chuyên môn. Ban lãnh đạo công nhân toàn thể CBNV Công ty luôn đoàn kết, cố gắng và nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ.

2. **Khó khăn**

- Dịch bệnh Covid-19 đã làm gián đoạn các chuỗi cung ứng thực phẩm, tiêu thụ, thu mua, vận chuyển, chế biến, bao quản tiêu thụ, nhả hàng tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp và giá nông sản trên toàn cầu. Nhu cầu sử dụng phân bón vì thực trạng bất ổn khá nhiều.
- Thị trường phân bón năm 2020 diễn biến phức tạp, giá phân bón nhập khẩu công nhân trong nước giảm mạnh, nguồn cung dồi dào nên tình trạng cạnh tranh ngày càng quyết liệt.
- Thị trường biến động bất ổn các loại phân bón giá/kém chất lượng sản xuất bị công nghệ thay đổi/thô sơ (cục xng), bán giá thấp, chi tiêu cao, cạnh tranh không lành mạnh.
- Mặt sản phẩm công nghệ NPK PM trên thị trường nhu cầu sử dụng còn thấp, chất lượng chưa ổn định, giá cao hơn nhiều so với sản phẩm cùng công nghệ của các nhà sản xuất uy tín trong nước (Bình Định, Nam Sao, Việt Nhật) dẫn đến việc khó tiêu thụ, công nghệ công tác phát triển thị trường công nghệ gặp khó khăn.
- Diễn biến thị trường, giá nông sản, thị trường không thuận lợi... làm tâm lý của khách hàng là hạn chế mua vào, người dân không mạnh dạn đầu tư và có xu hướng chôn các loại phân bón giá rẻ.
- Tình hình thị trường khí hậu khu vực NB diễn biến khó lường do ảnh hưởng của hiện tượng ElNino: khô hạn, thiếu nước tưới khu vực cây công nghiệp (Cà phê, Lúa, Bình Phước); xâm nhập mặn kéo dài tưới khu vực Long An làm giảm diện tích gieo trồng, giảm năng suất và gây nhiễm thối hại vùng, cây trồng.

3. **Bài học kinh nghiệm**

- Bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch giao. Kịp thời có những điều chỉnh phù hợp khi xảy ra trở ngại bất khả kháng.
- Thường xuyên chú trọng, cập nhật công tác phân tích và dự báo thị trường, kịp thời đưa ra chính sách bán hàng linh hoạt.
- Thường xuyên đánh giá mức độ phối hợp của các thành viên, qua đó sàng lọc, lựa chọn những nhân viên có năng lực, tinh thần hợp tác tốt công nhân và có chính sách chăm sóc khách hàng hợp lý. Hợp tác với đối tác/Các hãng trên tinh thần chia sẻ rủi ro, đôi bên cùng có lợi.
- Kiểm soát chặt chẽ thị trường phân phối tránh hiện tượng bán chéo thị trường giữa các vùng miền, khu vực.
- Có các chính sách nhằm khuyến khích đội ngũ nhân viên và gia đình Nhà phân phối tùy thuộc vào các mặt hàng nông sản mà ưu tiên, an toàn nguồn vốn và đảm bảo thực hiện kế hoạch TCT giao.

PHẦN II: NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

I. Nhiệm vụ

1. Tổ chức hoạt động kinh doanh năm 2021 đạt mục tiêu: An toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
2. Mở rộng thị trường phân bón ure và phát triển mạnh mẽ thị trường phân bón NPK Phú Mỹ tại khu vực.
3. Tiếp tục tìm hiểu nhu cầu công nghệ NPK phù hợp với các mùa vụ cây trồng tại khu vực, xuất Tờng Công ty cung ứng nhằm đáp ứng các dòng sản phẩm.
4. Tiếp tục nỗ lực cố gắng pháp, tăng cường công tác bán hàng, tìm nguồn tiêu thụ sản phẩm NPK.
5. Tập trung kinh doanh các sản phẩm phân bón do Tờng công ty cung cấp, không triển khai kinh doanh các mặt hàng phân bón khác mở rộng nguồn lực phát triển các sản phẩm phân bón Phú Mỹ.
6. Nâng cao chất lượng dịch vụ hậu cần, xây dựng hình ảnh khác biệt với các đối thủ cạnh tranh bằng chất lượng dịch vụ tốt.
7. Tăng cường công tác quản lý, xây dựng và phát triển hiệu quả kênh phân phối, mở rộng mạng lưới chi nhánh và chi sâu.
8. Tăng cường công tác quản trị, kiểm soát và tiết giảm tối đa các khoản chi phí cần thiết giảm bớt các chi phí pháp chế, các chi phí tiết giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tối thiểu.
9. Tăng cường hiệu quả công tác cân đối vốn, dòng tiền và quản lý công nợ không phát sinh nợ xấu mới, có biện pháp xử lý thu hồi nợ đọng, khó đòi, mở rộng tình hình tài chính lành mạnh và thực hiện đầy đủ các biện pháp quản trị rủi ro theo quy định.
10. Xây dựng phương án kế hoạch vận chuyển phù hợp với quy định của pháp luật, mở rộng nhu cầu vận chuyển cho hoạt động kinh doanh, xuất, nhập khẩu mở rộng toàn phần vận chuyển góp phần Tờng công ty và Công ty theo đúng quy định hiện hành.
11. Quản lý công tác xuất, mua sắm mở rộng thị trường, ứng dụng và tuân thủ các quy định của Tập đoàn/Tờng công ty/Công ty, phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.
12. Khuyến khích công tác sáng kiến cải tiến hợp lý hóa quản lý kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ.
13. Tham gia tích cực công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới. Dựa trên thông tin thị trường, nhu cầu thị hiếu khách hàng, thông tin sản phẩm, thị trường tại khu vực. Khuyến khích tài nghiên cứu, phát triển sản phẩm mới, phối hợp chặt chẽ với bộ phận NCPT Tờng công ty thông tin ý tưởng, xuất nghiên cứu các sản phẩm mới phù hợp nhu cầu và nhu cầu thị trường.
14. Tham gia tích cực công tác kinh doanh sản phẩm mới do TCT nghiên cứu sản xuất.
15. Phát huy lợi thế về thế mạnh kho bãi và quan hệ với các đối tác/khách hàng, tổ chức khai thác thêm hàng bên ngoài nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng các kho do Công ty quản lý.
16. Hoàn thiện các cấu trúc, nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm thích ứng môi trường cạnh tranh.

17. Khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực doanh nghiệp. Đào tạo nâng cao trình độ nghiệp vụ, quản lý của CBCNV đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty. Các biện pháp chú trọng công tác đào tạo tích cực, đào tạo nội bộ.
18. Phát triển doanh nghiệp bền vững môi trường và trách nhiệm xã hội. Hoàn thiện bộ quy định nhà nước, công nghệ hiện đại và lao động.
19. Thực hiện các nhiệm vụ khác của Tổng công ty giao.

II. Các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu 2020

Chỉ tiêu sản lượng: Tổng sản lượng 294.000 tấn, trong đó:

- Urê Phú Mỹ : 200.000 tấn
- NPK Phú Mỹ : 42.000 tấn
- Phân bón Kebo Phú Mỹ : 3.000 tấn
- Phân bón thực nghiệm Phú Mỹ : 49.000 tấn

Chỉ tiêu tài chính:

- Vốn đầu tư : 125 tỷ đồng
- Tổng doanh thu: 2.020 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 10,02 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế : 8,01 tỷ đồng
- Nộp NSNN: 3,64 tỷ đồng
- Tỷ lệ chia cổ tức: 6%.

III. Mục tiêu và pháp chính thực hiện kế hoạch 2021

🚩 Công tác kinh doanh, thị trường, xây dựng hệ thống phân phối

- Chính sách giá và thanh toán
 -) Thực hiện chính sách bán hàng ưu đãi với các mặt hàng NPK Phú Mỹ linh hoạt và bám sát phù hợp với thị trường.
 -) Xây dựng và hình thành các thị trường mới nhu cầu 3-5% theo mặt hàng NPK PM, sản lượng và tăng cường bán hàng C1, C2 trong hệ thống.
 -) Trên cơ sở các nguồn lực của TCT xây dựng các chương trình hỗ trợ bán hàng cho thị trường công nghiệp, thị trường NPP.
 -) Thực hiện chính sách bán và giao hàng tối ưu (Kho trung chuyển/Kho NPP), hạn chế/không bán hàng tại Nhà máy.
 -) Tăng cường chi tiêu hàng quý/năm với các khách hàng tiềm năng lớn nâng cao và tích cực hợp tác trong công tác bán hàng và phát triển thị trường.
 -) Tiếp tục đánh giá và xây dựng hình thức công nghệ, áp dụng thanh toán công nghệ linh hoạt và phù hợp theo thị trường công nghiệp NPK công nghệ mùa vụ với thị trường NPP.

-) Thời gian thanh toán trực tiếp hiện, mức thời gian có thể cao gấp 1,5-2 lần lãi suất ngân hàng.
- Chính sách và phân vùng sản phẩm và công thức quy định
 -) Vị trí công thức NPK đường 2-2-1: áp dụng các công thức đường này (16-16-8, 17-15-9, 17-17-8) giao cho từng NPP/NPP bán các quy định khu vực, trong những giao không trùng lặp, nhận diện bao bì các loại sản phẩm khác biệt để phân biệt và quản lý tránh sự nhầm lẫn, từng công thức công tác hỗ trợ AVP, hỗ trợ trực tiếp các C2 tại khu vực, theo thời vụ cây trồng.
 -) Vị trí công thức đường 1-1-1 (vd: 15-15-15; 16-16-6;...), là chiến lược NPP/ vị trí, CH tại từng khu vực tập trung cây trồng trái như Thanh long, nho, táo, sù riêng... và chiến lược cây công nghiệp giá trị như cà phê triển khai ra hàng.
 -) Vị trí nhóm đường 2-1-2 (16-8-17; 16-8-16; 17-7-17, 16-7-17): chọn 4 công thức, xác định khu vực trồng chính cây công nghiệp (cây cà phê, tiêu...) và cây trồng (sù riêng, thanh long, cam quýt...) giao cho NPP Thủy Minh Khoa, Minh Đường, Kim Ngoan; Thuận Việt, Tân Trí Phát, Hoàn Thiệt. Vị trí nhóm 2:1:2 ngoài các công thức do NMSX có thể nhập khẩu các công thức như 19-9-19 KD và giao các quy định phân phối cho NPP có cam kết/năng lực tiêu thụ sản phẩm.
 -) Vị trí công thức đường 5-1-1 (m cao) (27-6-6; 25-5-5;...) chuyển giao cho 02 nhân viên Minh Đường, Thủy Minh Khoa phân phối toàn diện như hình thức NPP có sản phẩm tiêu thụ cao và giá trị áp lực.
- Hệ thống phân phối
 -) Tập trung duy trì hợp tác với NPP có năng lực, thiện chí hợp tác, làm việc thẳng thắn sản phẩm năng suất sản phẩm/công thức từng tháng/quý/năm, xây dựng chính sách bán hàng, các chương trình hỗ trợ bán hàng cùng phân phối với NPP ra hàng.
 -) Phối hợp với NPP để lập lên kế hoạch sản phẩm đường kính, các chính sách giá bán, chiết khấu, hỗ trợ cho các vị trí C2 ngay từ đầu năm/quý/v cùng bám sát/ánh giá hỗ trợ C2 ra hàng.
 -) Hàng tháng/quý ánh giá/xếp loại hình thức phân phối các công thức có chính sách bán hàng, hỗ trợ bán hàng phù hợp nhằm mở rộng thị trường hiện tại hoặc chung cả NPP/Cty.
 -) Phân vùng tiêu thụ kế hoạch sản phẩm cho từng NPP, hàng tiếp cận quy định các sản phẩm phân bổ cụ thể.
 -) Từng công thức công tác kiểm soát lưu hàng bán ứng tiền, hạn chế bán chéo/áp giá giữa các NPP/CTVM.
 -) Khai thác tối đa hình thức các kho/công nghệ hiện có, kết hợp tận dụng hình thức kho các NPP giá trị lợi ích tranh công nhằm mở rộng sản phẩm sàng lọc hàng tiếp cận bàn cung cấp cho thị trường khi có nhu cầu.
 -) Mở rộng và liên kết với các hội/trang trại Nông trại nông nghiệp cung cấp trực tiếp các sản phẩm phân bổ Phú Mỹ.

Công tác tiếp thị và truyền thông, an sinh xã hội

- Tiếp cận các kênh thị trường hiện có: mô hình trình diễn sản phẩm, hình thức trưng bày, bán hàng trực tiếp, các chương trình khuyến mãi khách hàng kinh doanh phân bón Phú Mỹ tại các khu vực trọng điểm, quảng cáo trên các đài phát thanh truyền hình, truyền thanh địa phương.
- Tăng cường vận chuyển/phân phối làm chương trình bán hàng trực tiếp, mua hàng tặng quà.
- Tiếp cận xây dựng và triển khai các chương trình chăm sóc khách hàng như: gặp mặt tri ân, du lịch trong/ngoài nước, tặng quà khách hàng nhân dịp cuối năm, ngày lễ, sinh nhật; chăm sóc y tế, hỗ trợ giáo dục,....
- Mở rộng các kênh thông tin, nội dung quảng cáo giới thiệu nhà máy, công nghệ sản xuất NPK Phú Mỹ thông qua website/bà con nông dân (trên phương tiện giao thông, pano nội công cộng, kho/công, phương tiện phát thanh truyền hình, các chuyên môn như nông nghiệp, trung tâm khuyến nông, báo vệ sinh v.v...).
- Tăng cường lực lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBTT tại vùng miền thị trường nông thôn công nghệ giới thiệu sản phẩm NPK Phú Mỹ tại các nông trường, các mô hình HTX, các vùng cây công nghiệp cao su, mía đường;
- Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn/nghiệp vụ theo chi tiết cho đội ngũ CBTT;
- Tổ chức cho các đại lý/khách hàng tham quan nhà máy NPK để tạo niềm tin cho khách hàng khi giới thiệu và phân phối phân bón Phú Mỹ.

Công tác tổ chức nhân sự, đào tạo và kế hoạch, quản lý

- Tiếp cận rà soát kỹ thuật toàn bộ máy tổ chức, hoạt động theo hướng nâng cao, bền vững, hiệu quả, hiệu suất.
- Tiếp cận cải thiện chất lượng, theo hướng chuyên nghiệp của TCT gắn với hiệu quả, kết quả công việc.
- Xây dựng, chuyển đổi ý thức thị trường hiện có và duy trì văn hóa doanh nghiệp, phát huy tinh thần trách nhiệm và ý thức xây dựng Công ty của toàn thể người lao động.
- Chú trọng công tác đào tạo cho đội ngũ cán bộ kinh doanh, thị trường, cán bộ quản lý cấp phòng. Trọng tâm là công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ thuật chuyên ngành, kỹ năng chăm sóc khách hàng trực tiếp và sau bán hàng cho đội ngũ cán bộ thị trường nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2021 do Tổng Công ty giao. Giao kế hoạch 2021 cho Phòng/ đơn vị với các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giới hạn pháp thực hiện cụ thể. Tăng cường kiểm tra, ôn tập, đánh giá mức độ thực hiện kế hoạch của các đơn vị, tổ chức tham mưu cho Ban Giám đốc các biện pháp nhằm đảm bảo hoàn thành kế hoạch kinh doanh chung của Công ty.

- Kiểm tra, giám sát, ôn tập, cập nhật tình hình thực hiện và kịp thời tham mưu cho Lãnh đạo các ghi pháp nhằm hoàn thành kế hoạch tháng/quý.
- Triển khai thực hiện công tác xuất, mua sắm tài sản, trang thiết bị, CCDC phù hợp với kế hoạch phê duyệt và theo nhu cầu thực tế đảm bảo đúng quy định, tiết kiệm, hiệu quả.
- Quản lý, khai thác hiệu quả, an toàn hệ thống kho của Tổng Công ty/Công ty.

Công tác tài chính kế toán

- Giám sát các chỉ tiêu KH đã phê duyệt, tổ chức xây dựng KH thực hiện đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu SXKD trên cơ sở an toàn hiệu quả.
- Xây dựng KH dòng tiền đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động SXKD.
- Tham mưu, xuất các nhóm cơ vụ hàng tồn kho, công nhận phí thu... đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty và tránh vi phạm các quy định khác chi mô hình vận hành.
- Phân công cán bộ theo dõi công nhận phí thu, phân loại túi tiền có kế hoạch thu hồi mặt cách hiệu quả, hợp lý tránh vi phạm quá hạn khó thu hồi.
- Tổ chức máy TCKT hợp lý, thống xuyên thống công tác bình đẳng, cập nhật kiến thức chuyên môn và các quy định của Nhà nước, Tổng Công ty để hạch toán kế toán đúng, phù hợp với chu trình quản lý hiện hành.

Công tác thực hành tiết kiệm chi phí

- Thực hiện tuyên truyền, phổ biến tới toàn thể CBNV trong Công ty nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm, nhận thức về thực hành tiết kiệm, chi phí của CBNV.
- Rà soát, xây dựng và sắp xếp bổ sung các nhóm chi phí, tiêu chuẩn chi tiêu phù hợp với thực tế làm cơ sở quản lý, kiểm tra, kiểm soát về thực hành tiết kiệm, chi phí.
- Theo dõi đánh giá tình hình thực hiện và kết quả thực hành tiết kiệm chi phí của Công ty, có hình thức khen thưởng và kỷ luật kịp thời.

An toàn, sức khỏe, môi trường và giám thi ur i ro

- Tiếp tục tuyên truyền, huấn luyện và nâng cao ý thức của người lao động trong Công ty về công tác an toàn vệ sinh lao động, an ninh, PCCN.
- Trang bị và cấp phát đầy đủ bảo hộ lao động cho CBNV làm việc tại kho.
- Tiến hành mua bảo hiểm cho toàn bộ tài sản và hàng hóa lưu trữ trong kho, vận phòng và bảo hiểm trách nhiệm cao cho CBNV của Công ty.

Trân trọng!

N i nh n:

- H C ;
- H QT, BKS;
- L u VT, TCHC, PVH.01.

GIÁM ĐỐC

Lê Văn Thuần

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2021.

BÁO CÁO CÔNG AH I NG QU N TR
T i i h i ng C ông phiên h p th ng niên 2021

I. ÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HO T NG C A CÔNG TY TRONG N M TÀI CHÍNH 2020.

Năm 2020, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu khí Đông Nam B (PVFCCo SE) triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh với không ít khó khăn, thách thức. Tuy nhiên, Công ty đã đạt các mục tiêu năm 2020 là kinh doanh đảm bảo an toàn, chính đáng và hiệu quả. Phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích các bên. Các chỉ tiêu thực hiện các thành phần báo cáo với HĐQT của Giám đốc Công ty.

- Với vai trò là chủ quản quản lý gia đình H C , Hội đồng quản trị (H QT) Công ty đánh giá: Năm 2020, mặc dù là năm nhiều khó khăn do dịch bệnh Covid – 19 kéo dài, diễn biến phức tạp, Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Đu khí Đông Nam B đã nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ chính và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh mà HĐQT Công ty đã giao.

II. BÁO CÁO HO T NG C A H I NG QU N TR :

1. Thành viên HĐQT:

Năm 2020, Công ty không có sự thay đổi về thành viên HĐQT.

Hội đồng quản trị hiện tại gồm 05 thành viên:

- Ông: Phạm Hùng - Chủ tịch HĐQT.
- Ông: Lê Đức Thuận - Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty.
- Ông: Trần Văn Chính - Thành viên HĐQT - Phó Giám đốc Công ty.
- Ông: Nguyễn Hữu Thành - Thành viên HĐQT.
- Ông: Lê Quang Thành - Thành viên HĐQT.

2. Hoạt động của HĐQT:

Năm 2020, HĐQT Công ty đã tập trung chủ yếu thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch đã đề ra của HĐQT thông qua.

Bên cạnh việc thực hiện chức năng quản lý, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý, HĐQT đã phê duyệt các văn bản, quyết định ra mắt, phê duyệt các pháp luật, kế hoạch trong hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị đã thực hiện 04 cuộc họp định kỳ và 13 lần họp khẩn cấp (email/ điện thoại và xác nhận chữ ký trong biên bản). Trên cơ sở kết quả các cuộc họp, HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định, biên bản,

thông báo, kết luận làm cơ sở cho từng thành viên HĐQT, Ban Giám đốc triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh. Các văn bản chính thức xem xét, phê duyệt như sau:

- Tổ chức thành công HĐQT thường niên vào ngày 25/05/2020.
- Thông qua và phê duyệt nhiệm vụ, kế hoạch KD năm 2020 của Công ty.
- Ban hành Nghị quyết kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2020.
- Ban hành, sửa đổi các quy chế, quy định, chính sách quan trọng trong công tác quản trị Công ty:
- Trình HĐQT thông qua việc chia cổ tức 17%.

ánh giá:

- HĐQT đã thực hiện đúng nhiệm vụ, vị trí, vai trò mà HĐQT giao trong công tác quản lý Công ty theo điều lệ và quy định của pháp luật.
- HĐQT chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động triển khai thực hiện ngay từ đầu năm. Từng thành viên HĐQT nâng cao vai trò cá nhân, có ý kiến đóng góp thẳng thắn, có trách nhiệm hoạt động của HĐQT ngày một tốt hơn, chuyên nghiệp hơn.
- HĐQT đã phối hợp tốt với BKS và Ban Giám đốc trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành Công ty.

Kết quả:

- Hoạt động kinh doanh Công ty đảm bảo mọi tiêu an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Công ty đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ chính và các chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2020.
- Bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.

3. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT và Giám đốc quản trị

3.1 Chức năng HĐQT Phạm Hùng.

- Chịu trách nhiệm chung trong điều hành hoạt động của HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty và các văn bản quản lý nội bộ của Công ty, Công ty mẹ của Công ty, các cơ quan quản lý nhà nước;
- Lập chương trình và kế hoạch hoạt động hàng năm của HĐQT;
- Tổ chức, theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác tái cấu trúc Công ty bao gồm sửa đổi điều lệ, cấu trúc tổ chức, thoái vốn...;
- Triệt tử và chỉ đạo các cuộc họp HĐQT, điều hành công việc;
- Trực tiếp tổ chức, theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác ban hành, sửa đổi điều lệ, các quy chế, quy định, chính sách chung của Công ty;
- Theo dõi, giám sát, chỉ đạo công tác tổ chức nhân sự và đào tạo, nâng cao trình độ và chất lượng chính sách nội bộ CBNV;
- Trực tiếp tham dự và hỗ trợ quy định cho thành viên HĐQT tham dự giám sát, chỉ đạo các cuộc họp của Công ty về: kế hoạch, kinh doanh,

u t , tài chính... và tham d các cu c h p c a h i ng l ng; h i ng thi ua khen th ng, k lu t theo ch c n ng, nhi m v c a H QT;

- Th c hi n nhi m v khác theo i u l Công ty và Lu t Doanh nghi p.

3.2 y viên H QT kiêm Giám c Lê c Thu n.

- Th c hi n ch c n ng, nhi m v c a Giám c Công ty theo qui nh c a i u l Công ty và Lu t Doanh nghi p;
- Cùng v i Ch t ch H QT tri n khai công tác tái c u trúc Công ty bao g m s a i chi n l c, t ch c nh n s , thoái v n...;
- Tr c ti p theo dõi, giám sát, ch o các công tác u t – nghiên c u phát tri n và các d án xây d ng c b n; công tác qu n lý kho bãi hàng hóa; công tác u th u, mua s m c a Công ty;
- Tr c ti p theo dõi, giám sát, ch o công tác kinh doanh, qu ng cáo ti p th , phát tri n h th ng phân ph i, qu n lý công n nh m nâng cao hi u qu kinh doanh c a Công ty;
- Tham d cùng Ch t ch H QT ho c thay m t H QT tham d t i cu c h p h i ng kinh doanh và các cu c h p c a Công ty v ho t ng thu c l nh v c c phân công giám sát, ch o;
- Th c hi n các nhi m v khác theo y quy n c a Ch t ch H QT;
- Th c hi n các nhi m v khác theo i u l Công ty và Lu t Doanh nghi p

3.3 y viên H QT Tr nh V n Ch ng.

- Theo dõi, giám sát, ch o công tác k ho ch; qu n lý tài chính; qu n tr r i ro, b o toàn v n; qu n tr dòng ti n và công tác t i t ki m ch ng lãng phí và phòng ch ng tham nh ng;
- Cùng v i Ch t ch H QT tri n khai công tác tái c u trúc Công ty bao g m s a i chi n l c, t ch c nh n s , thoái v n...;
- m nh n vai trò Ng i công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và i di n Công ty giao d ch, quan h v i các S giao d ch, y ban ch ng khoán nhà n c và các n v liên quan;
- Ph i h p cùng y viên Lê c Thu n giám sát, ch o công tác kinh doanh, qu ng cáo ti p th , phát tri n h th ng phân ph i nh m nâng cao hi u qu kinh doanh c a Công ty;
- Theo dõi, giám sát, ch o tri n khai công tác nghiên c u, phát tri n s n ph m m i;
- Tham d cùng Ch t ch H QT ho c thay m t H QT tham d các cu c h p v ho t ng tài chính, ki m toán, ki m kê... ch o t i các cu c h p c a Công ty v ho t ng thu c l nh v c c phân công;
- Th c hi n các nhi m v khác theo y quy n c a Ch t ch H QT;

3.4 y viên H QT ng H u Th ng.

- Theo dõi, giám sát, ch o công tác phát tri n d án và các s n ph m/d ch v m i trong ngành; nghiên c u u t các d án h p tác, liên doanh, liên k t v n c a Công ty v i các n v trong ngành;

- Phối hợp cùng Ủy viên Lê Quốc Thuần trong mảng công tác kinh doanh phân bón, quy hoạch tiếp thị, phát triển hệ thống phân phối nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Tham dự cùng Chủ tịch HĐQT hoặc thay mặt HĐQT tham dự hoặc giám sát, chốt lại các cuộc họp của Công ty và họp tổng kết năm và công tác phân công;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Chủ tịch HĐQT;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

3.5 Ủy viên HĐQT Lê Quang Thành.

- Theo dõi, giám sát, chốt lại công tác phát triển dự án và các sản phẩm/dịch vụ mới ngoài ngành;
- Phối hợp cùng Ủy viên Lê Quốc Thuần trong mảng kinh doanh, phát triển hệ thống phân phối nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;
- Tham dự cùng Chủ tịch HĐQT hoặc thay mặt HĐQT tham dự hoặc giám sát, chốt lại các cuộc họp của Công ty và họp tổng kết năm mình phụ trách;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Chủ tịch HĐQT;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

4. Về công tác quản lý, giám sát hoạt động của Giám đốc và Ban điều hành Công ty:

- Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ quản lý, giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua.
- Các nghị quyết, quy định, thông báo kết luận của HĐQT trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành kinh doanh, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chốt lại và góp ý về việc Ban Giám đốc vận hành quản lý phát sinh trong quá trình điều hành kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện của Ban Giám đốc các nghị quyết, quy định của HĐQT trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ảnh hưởng chung của COVID-19 trong hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid – 19 kéo dài, diễn biến phức tạp, khó lường, năm 2020 tiếp tục gặp nhiều khó khăn trên nhiều lĩnh vực. Ban Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn, thách thức, chủ động điều hành linh hoạt, đưa các giải pháp quy định có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty, Kết quả là đã hoàn thành nhiệm vụ và các chỉ tiêu kế hoạch HC/HQT giao. Hoạt động, kinh doanh bám sát mục tiêu an toàn, hiệu quả và tiết kiệm.
- Ban Giám đốc cố gắng chuyển hóa Chiến lược phát triển của Công ty bằng các kế hoạch, chủ trương hành động trong hoạt động điều hành kinh doanh năm 2020.

- B H ã ti p t c c i ti n công tác qu n lý, i u hành thông qua vi c s p x p l i b máy t ch c, c c u nhân s , ti p t c hoàn thi n và áp d ng có hi u qu HTQLCL theo tiêu chu n ISO 9001-2015.
- Xây d ng và ban hành các quy nh, quy trình nh m ki m soát ho t ng kinh doanh c a Công ty c t th n.
- T ng thành viên B H và CBNV Công ty oàn k t, th ng nh t, ph n u hoàn thành nhi m v c giao.

III. K HO CH HO T NG C A H QT TRONG N M 2021

N m 2021, H QT d ki n k ho ch ho t ng nh sau:

- Ti p t c t ch c b máy và ho t ng c a H QT chuyên nghi p, trách nhi m; phân công, phân nhi m rõ ràng, c th nh m t ng hi u qu ho t ng c a H QT.
- Xây d ng ch ng trình công tác và k ho ch ho t ng chi ti t c a H QT n m 2021 và bám sát tri n khai th c hi n.
- T ch c các phiên h p th ng k và b t th ng (n u có) gi i quy t các công vi c thu c th m quy n c a H QT.
- Giao nhi m v , k ho ch n m 2021 cho B H; Quy t li t ch o và yêu c u B H giao nhi m v /k ho ch cho phòng/ n v t ch c tri n khai th c hi n ngay t u n m; t ch c s k t, ánh giá hàng quý, 6 tháng và t ng k t n m 2021. M c tiêu là th c hi n hoàn thành t t k ho ch 2021 do H C giao.
- Cao trách nhi m cá nhân t ng thành viên H QT; bám sát ti n , ôn c, ki m tra, giám sát công tác tri n khai th c hi n nhi m v c a t ng thành viên H QT.
- Ch o sát sao công tác ki m tra, giám sát, ki m toán, quy t toán, ki m kê nh m m c ích phòng ng a, h n ch r i ro trong ho t ng c a Công ty.
- Phát tri n doanh nghi p i ôi v i b o v môi tr ng và trách nhi m xã h i, m b o hài hòa l i ích các c ông.

Trân tr ng.

**TM. H I NG QU N TR
CH T CH**

BÁO CÁO C A BAN KI M SOÁT T I I H I NG C ÔNG TH NG NIÊN N M 2021

I. HO T NG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HO T NG C A BAN KI M SOÁT N M 2020.

1. Ho t ng c a Ban Ki m soát n m 2020:

Ban ki m soát Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B (Công ty) do i h i ng c ông ngày 21 tháng 04 n m 2016 b u g m 3 thành viên làm vi c theo ch iêm nhi m v i nhi m k 5 n m 2016-2021.

Ban Ki m soát ho t ng theo quy nh c a Lu t doanh nghi p, các quy nh c a pháp lu t, i u l c a Công ty, Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát và hoàn thành k ho ch ho t ng n m 2020 c a Ban ki m soát ã c i h i ng c ông th ng niên n m 2020 thông qua.

Trong n m 2020, Ban Ki m soát ã xây d ng ch ng trình công tác, tri n khai các công vi c c a Ban Ki m soát theo phân công c a t ng thành viên Ban Ki m soát; t ch c 04 cu c h p tri n khai công vi c, th ng nh t, thông qua k t qu ki m tra, giám sát c ng nh các ki n ngh c a Ban ki m soát i v i ho t ng c a Công ty. Các ho t ng ki m tra, giám sát c a Ban Ki m soát t p trung vào các v n v b o toàn v n, hi u qu trong ho t ng kinh doanh, th c hi n K ho ch s n xu t kinh doanh n m 2020, v i các n i dung ch y u:

- Giám sát vi c ch p hành, th c thi ngh quy t c a i h i ng c ông n m 2020 và i u l c a Công ty;
- Giám sát công tác qu n lý, t ch c i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh, qu n lý tài chính c a H i ng Qu n tr , Ban Giám c Công ty n m 2020;
- Tham d các cu c h p c a H QT Công ty;
- Tham d các cu c h p tri n khai ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty khi c m i tham d ;
- Th m nh báo cáo tài chính hàng sáu tháng, n m; báo cáo ho t ng kinh doanh và công tác qu n lý hàng tháng;
- xu t l a ch n n v ki m toán Báo cáo tài chính n m 2020
- Giám sát công tác ki m kê hàng hóa cu i n m 2020 t i các kho c a công ty;

Ban Ki m soát ã thông báo k t qu ki m tra giám sát hàng tháng, quý n H QT, Giám c Công ty v tình hình ho t ng và tài chính c a Công ty qua các báo cáo ki m tra, giám sát hàng tháng, quý và các công v n, email. ng th i ã có nh ng ki n ngh v vi c: ki m soát công n và thu h i các kho n n quá h n, ki m soát hàng t n kho, ki m soát chi phí m t cách h p lý góp ph n nâng cao hi u qu kinh doanh.

2. Thù lao và chi phí ho t ng c a Ban ki m soát n m 2020:

Stt	Ch c danh	Thù lao	Ti n Th ng	T ng c ng thu nh p
1	Ph m Hoài H ng - TBKS	42.000.000	-	42.000.000

2	Ph m Thành Long - TVBKS	30.000.000	-	30.000.000
3	Lê Quỳnh Chang - TVBKS	30.000.000	-	30.000.000
	T ng c ng	102.000.000	-	102.000.000

II. K T QU HO T NG KI M TRA, GIÁM SÁT N M 2020:

1. Giám sát vi c th c hi n Ngh quy t H C c a Công ty

Th c hi n k ho ch n m 2020 c i h i ng c ông thông qua t i Biên b n i h i ng c ông ngày 25/05/2020 và Ngh quy t s 42/NQ- H C ngày 25/05/2020.

K t qu ho t ng n m 2020 c a Công ty nh sau:

STT	Ch tiêu	v tính	KH 2020	TH 2020	TH 2020/ KH 2020 (%)
I	S n l ng	t n	322.000	280.366	87%
II	T ng Doanh thu	t ng	2.444	1.843	75%
III	T ng Chi phí	t ng	2.434	1.828	75%
IV	L i nhu n tr c thu	t ng	10	14	141%
V	L i nhu n sau thu	t ng	8	11	139%

2. K t qu th m nh Báo cáo tài chính:

Vi c l p và trình bày BCTC phù h p v i chu n m c k toán, ch k toán doanh nghi p Vi t Nam, và các quy nh pháp lý liên quan n vi c l p và trình bày báo cáo tài chính.

Nhìn chung, BCTC c a Công ty ã phán c trung th c trên các khía c nh tr ng y u, tình hình tài chính c a Công ty t i th i i m 31/12/2020, c ng nh k t qu kinh doanh và l u chuy n ti n t cho n m tài chính 2020.

3. ánh giá vi c th c hi n nhi m v qu n lý, i u hành c a H i ng qu n tr và Ban Giám c công ty:

Trong n m 2020 H i ng qu n tr ã t ch c các phiên h p và t ch c l y ý ki n b ng v n b n thông qua các v n liên quan n ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty.

Ban Giám c ã tri n khai công tác s n xu t kinh doanh trên c s ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr và báo cáo k t qu th c hi n n H i ng qu n tr .

Ban Ki m soát nh n th y Báo cáo c a H i ng qu n tr , Báo cáo c a Ban Giám c công ty ã ph n ánh trung th c và y v tình hình ho t ng s n xu t kinh doanh n m 2020 c a Công ty.

Ho t ng qu n lý, i u hành c a H i ng qu n tr và Ban Giám c bám sát Ngh quy t và K ho ch ã c i h i ng c ông thông qua, mang l i l i ích cho c ông. Quá trình ra quy t nh c a H i ng qu n tr và Ban Giám c ã tuân th i u l Công ty, quy nh pháp lu t và phù h p v i chi n l c phát tri n c a Công ty.

4. S ph i h p gi a Ban ki m soát v i H i ng qu n tr , Ban Giám c Công ty:

Trong quá trình th c hi n ch c n ng, nhi m v theo lu t nh, Ban Ki m soát ã làm úng ch c n ng, nhi m v theo quy nh, không gây c n tr n ho t ng kinh doanh c a Công ty v i m c tiêu m b o l i ích c a c ông và s phát tri n c a Công ty. ng th i Ban ki m soát c ng nh n c s h tr t H i ng qu n tr , Ban Giám c và các phòng, n v tr c thu c c a Công ty trong vi c cung c p các thông tin ph c v công tác ki m soát.

5. Ki n ngh

Nhìn chung th tr ng phân bón trong n m 2020 g p r t nhi u khó kh n do b nh h ng b i d ch b nh Covid-19, tuy nhiên Công ty ã r t c g ng trong vi c th c hi n các ch tiêu k ho ch n m 2020 và ã t c nh ng k t qu nh t nh.

Dù v y, m b o s t ng tr ng b n v ng và th c hi n t t chi n l c phát tri n c a Công ty, Ban ki m soát có m t s ki n ngh sau:

-) Tuân th các quy nh c a Công ty c ng nh các quy nh pháp lu t hi n hành trong các ho t ng c a Công ty.
-) Ti p t c rà soát, hoàn thi n h th ng ki m soát ns i b và hoàn thi n b máy t ch c theo h ng tinh g n, chuyên nghi p và hi u qu . Rà soát, c p nh t các quy nh c a Công ty m b o tuân th , phù h p v i các n i dung c a Lu t doanh nghi p 2020 và Lu t ch ng khoán 2019 có hi u l c t ngày 01/01/2021.
-) Th c hi n ngh a v công b thông tin theo quy nh hi n hành và tuân th các qui nh c a pháp lu t v ho t ng giao d ch ch ng khoán.
-) y m nh công tác nghiên c u và đ báo th tr ng, nh m xây d ng các chính sách bán hàng phù h p th tr ng.
-) Rà soát, c p nh t và xây d ng chính sách bán hàng n m 2021 phù h p v i tình hình ho t ng th c t c a Công ty. Ki m soát chi phí m t cách h p lý góp ph n nâng cao hi u qu kinh doanh, hoàn thành các ch tiêu k ho ch n m 2021.
-) Công ty c n l u ý i v i công tác xây d ng, phê duy t các ch tiêu k ho ch n m; tính toán, xem xét các ch s xây d ng/phê duy t các ch tiêu k ho ch, c bi t là các ch tiêu k ho ch chi phí sát/phù h p v i tình hình ho t ng kinh doanh th c t c a Công ty.
-) Ki m soát ch t ch , th ng xuyên rà soát, ánh giá n ng l c tài chính c a khách hàng và thu h i y , k p th i các kho n công n ph i thu khách hàng.

III. K HO CH HO T NG C A BAN KI M SOÁT N M 2021

-) Giám sát vi c ch p hành, th c thi ngh quy t c a i h i ng c ông n m 2021 và i u l c a Công ty.

-) Giám sát việc quản lý, thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý tài chính của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc Công ty.
-) Tham dự các cuộc họp triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi cần thiết.
-) Thực hiện báo cáo tài chính; các báo cáo quản lý, thực hiện của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.
-) Giám sát, kiểm tra việc thực hiện/tuân thủ các quy chế/quy định quản lý nội bộ.
-) Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định.

IV. L A CH N N V KI M TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH N M 2021

Ban Kiểm Soát kiểm tra Hội đồng thông qua và ủy quyền cho HĐQT, BKS Công ty lựa chọn một trong các Công ty Kiểm toán có năng lực và kinh nghiệm, có ảnh hưởng cao trong lĩnh vực kiểm toán sau đây thực hiện Kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 gồm: (i) Công ty TNHH Deloitte Việt Nam; (ii) Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam; (iii) Công ty TNHH Pricewaterhouse & Coopers Việt Nam; Mức phí sẽ theo báo giá từng thí nghiệm kiểm toán, theo yêu cầu của Công ty và Ban Kiểm Soát thẩm tra.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2021.

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đông Nam B

Kính gửi: Ông Giám đốc Công ty Cổ phần
Phân bón và Hóa chất Đông Nam B

Căn cứ vào nhu cầu và hoạt động kinh doanh của Công ty, trên cơ sở
xuất phát từ Ban điều hành, Ông Giám đốc Công ty đã thành lập bổ sung
ngành nghề kinh doanh cho Công ty. Tuy nhiên, theo quy định của Luật Doanh
nghiệp và Điều lệ Công ty thì việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh phải
được Ông Giám đốc Công ty thông qua.

Thực hiện đúng các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ông
Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đông Nam B
kính trình Quý Ông thông qua nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh
của Công ty cụ thể như sau:

- Tên ngành nghề kinh doanh: **Tách giấy thi u và xúc tiến thương mại.**
- Mã ngành: **8230.**

Ông Giám đốc kính trình Ông Giám đốc.
Trân trọng!

Nhân:

- Ông Giám đốc;
- Ông Giám đốc, Ông Giám đốc.

TM. Ông Giám đốc
CHỨC VỤ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 06 năm 2021.

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi, bổ sung nội dung
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B

Kính gửi: Ông Giám đốc Công ty Cổ phần
Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (LDN 2020); và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (LCK 2019);
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung quản trị công ty áp dụng với công ty niêm yết tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của Công ty và áp dụng quy định của các văn bản luật có liên quan, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành rà soát nội dung nội dung sửa đổi, bổ sung nội dung Công ty.

Danh sách nội dung Công ty (nhính kèm) đã được Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty thảo luận thống nhất nội dung và quy định nội dung ban hành tại Thông tư số 116/2020/TTBTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung quản trị nội dung công ty niêm yết.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Ông Giám đốc Ông xem xét, thông qua và ban hành nội dung Công ty danh sách kèm.

Trân trọng!

Nội dung:

- Hồ sơ;
- Lưu VT, HQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC T CH**

M C L C

M C L C	1
PH N M U	4
I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	4
i u 1. Gi i thích thu t ng	4
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N PHÁP LU T C A CÔNG TY ...	5
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty. 5	
i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.....	5
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 4. M c tiêu ho t ng c a Công ty	5
i u 5: Ph m vi kinh doanh và ho t ng c a Công ty.....	6
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	6
i u 6. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	6
i u 7. Ch ng nh n c phi u.....	7
i u 8. Ch ng ch ch ng khoán khác	8
i u 9. Chuy n nh ng c ph n.....	8
i u 10. Thu h ic ph n.....	8
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT	8
i u 11. C c ut ch c, qu n tr và ki m soát	8
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG	9
i u 12. Quy n c a c ông	9
i u 13. Ngh a v c a c ông	10
i u 14. i h i ng c ông	11
i u 15. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông	12
i u 16. y quy n tham d h p i h i ng c ông.....	14
i u 17. Thay i các quy n.....	15
i u 18. Trì ut p h p, ch ng trình h p và thông báo h p i h i ng c ông.....	15
i u 19. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông.....	16
i u 20. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i h i ng c ông.....	17
i u 21. i u ki n Ngh quy t c a i h i ng c ông c thông qua.....	19
i u 22. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua Ngh quy t c a i h i ng c ông.....	19
i u 23. Ngh quy t, Biên b nh p i h i ng c ông.....	21
i u 24. Yêu c u h y b Ngh quy t c a i h i ng c ông.....	22
VII. H I NG QU N TR	22
i u 25. ng c , c thành viên H i ng qu n tr	22
i u 26. Thành ph n và nhi m k c a H i ng qu n tr	23
i u 27: Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	25
i u 28. Thù lao, ti n l ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr	26
i u 29: Ch t ch H i ng qu n tr	27

điều 30. Cấu trúc của Hội đồng quản trị	27
điều 31. Các tiêu chuẩn của Hội đồng quản trị	29
điều 32: Nguyên tắc phân bổ trách nhiệm quản trị Công ty và Thụ ký Công ty.	30
VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI HÀNH KHÁC.	31
điều 33. Chức năng và nhiệm vụ	31
điều 34. Nguyên tắc đi hành Công ty	31
điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhậm chức và quy định của Giám đốc.....	31
IX. BAN KIỂM SOÁT.....	32
điều 36. Chức năng, thành viên Ban kiểm soát.....	32
điều 37. Thành phần Ban kiểm soát.	32
điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	33
điều 39: Quy định và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.	33
điều 40: Cấu trúc của Ban kiểm soát	34
điều 41: Tiêu chuẩn, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.	34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI HÀNH KHÁC	34
điều 42. Trách nhiệm trung thành và tránh các xung đột lợi ích.....	35
điều 43. Trách nhiệm về thị trường và bất thành.....	36
XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	36
điều 44. Quy định về sách và hồ sơ	36
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	37
điều 45. Công nhân viên và công đoàn	37
XIII. PHÂN PHỐI LI NHUẬN.....	37
điều 46. Phân phối li nhuận.....	37
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NỢ TÀI CHÍNH VÀ CHIẾK TOÁN	38
điều 47. Tài khoản ngân hàng	38
điều 48. Nợ tài chính	38
điều 49. Chiếm toán.....	38
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	38
điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	38
điều 51. Báo cáo thường niên.....	39
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	39
điều 52. Kiểm toán	39
XVII. ĐUỐC CÔNG TY.....	39
điều 53. Đuốc Công ty.....	39
XVIII. GIỚI THIỆU CÔNG TY.....	39
điều 54. Giới thiệu Công ty	39
điều 55. Gia hạn hoạt động.....	39
điều 56. Thanh lý.....	40



XIX. GIỚI QUY ĐỊNH TRẠNG THẠCH PHÂN BÓN	40
Điểm 57. Giới quy định trạng thạch phân bón	40
XX. BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG	41
Điểm 58. Bổ sung và sử dụng	41
XXI. NGÀY HIỆN C	41
Điểm 59. Ngày hiện c và quá trình sử dụng	41

PHỤ LỤC

Điều lệ này được thông qua theo quy định của Đại hội đồng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam B tại phiên họp thường niên tổ chức vào ngày **tháng 06 năm 2021**.

I. NHỮNG ÁC THU TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây có nghĩa sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã đăng ký mua khi thành lập Công ty và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này;
 - b. "Vốn có quy định" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quy định quy định về những thu nhập quy định của Đại hội đồng;
 - c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
 - d. "Luật kế toán" là Luật kế toán số 54/2019/QH14 của Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) liên quan;
 - g. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, và người điều hành doanh nghiệp khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - h. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - i. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức quy định khoản 46 Điều 4 Luật kế toán;
 - j. "Công đồng" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
 - k. "Công lý" là công lý quy định khoản 18 Điều 4 Luật kế toán;
 - l. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) của Đại hội đồng của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - m. "Sơ giao dịch kế toán" là Sơ giao dịch kế toán Việt Nam và các công ty con;
2. Trong điều lệ này, các tham chiếu từ hình thức quy định hoặc văn bản khác bao gồm các nhà soạn thảo hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm mục đích chỉ định vị trí và không nhất thiết phải trùng khớp với Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG VÀ NG I I DI N PHÁP LU T C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty.

1. Tên Công ty

- Tên ti ng Vi t: **CÔNG TY C PH N PHÂN BÓN VÀ HÓA CH T D U KHÍ ÔNG NAM B**

- Tên ti ng Anh: **SOUTH-EAST PETROVIETNAM FERTILIZER AND CHEMICALS JOINT STOCK COMPANY**

- Tên vi t t t: **PVFCCo - SE**

2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty là:

- a ch : S 27 ình B L nh, Ph ng 24, Qu n Bình Th nh, Thành ph H Chí Minh

- i n tho i : (028).35111 999

- Fax : (028).35111 666

- E-mail : info@pse.vn

- Website : www.pse.vn

4. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i quy t nh c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

5. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo kho n 2 i u 54 ho c gia h n ho t ng theo i u 55 i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

i u 3. Ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty.

1. Giám c là ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B .

III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 4. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. L nh v c kinh doanh c a Công ty là:

- Bán buôn, bán l phân bón, thu c b o v th c v t và hóa ch t s d ng trong công - nông nghi p (tr thu c b o v th c v t);

- Bán buôn t , x , s i d t;

- V n t i hàng hóa b ng ng b và ng th y n i a;

- T v n, h ng d n k thu t s d ng phân bón và hóa ch t;

- Kinh doanh b t ng s n;

- Bán buôn, bán lẻ nông, lâm sản nguyên liệu, gỗ, thực phẩm; (không hoạt động dịch vụ kinh doanh);
- Sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất nitơ; (không hoạt động dịch vụ kinh doanh);
- Bán lẻ vải, len, sợi, chổi, giày và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ bán buôn khí dầu mỏ hóa lỏng LPG);
- Sản xuất dụng cụ khoan và hóa phẩm dầu khí, thiết bị dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép (không sản xuất dịch vụ);
- Quản lý kho;
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò địa chất;
- Khai thác khoáng sản và khoáng phân bón (không hoạt động dịch vụ);
- Kinh doanh dịch vụ Logistic;
- Kinh doanh các ngành nghề khác mà luật không cấm.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

- Vận hành linh hoạt, hiệu quả hoạt động kinh doanh nhằm mở rộng thị trường và lợi ích cho các cổ đông; Tổ chức nhân lực làm, nâng cao thu nhập và tinh thần của người lao động; Đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, tuân thủ theo quy định pháp luật của Nhà nước.
- Phát triển PVFCCo-SE trở thành doanh nghiệp phân phối mạnh, hàng đầu tại khu vực Đông Nam B và kinh doanh phân bón.

Điều 5: Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để thực hiện các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác mà pháp luật không cấm và có liên quan đến ngành thông qua.

IV. VỐN ĐẦU TƯ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn đầu tư, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn đầu tư của Công ty là **125.000.000.000 VND** (bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam)
Tỷ lệ số vốn đầu tư của Công ty được chia thành **12.500.000** cổ phần với mệnh giá là **10.000 VND/cổ phần**.
2. Công ty có thể tăng vốn đầu tư khi có liên quan đến ngành thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phiếu ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty được hình thành trên cơ sở chuyển đổi Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam B nên không có cổ đông sáng lập.
6. Công ty thông qua Hội đồng quản trị chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với số phần trăm phần trăm thông thường của Công ty, trừ trường hợp Hội đồng quản trị quy định khác. Công ty phải thông báo về việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần chào bán và thời hạn ký mua phù hợp. Cổ đông có thể ký mua. Số cổ phần cổ đông không ký mua hết số do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các cổ đông theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Hội đồng quản trị có thể chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán theo phương thức ưu đãi.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Công ty mua lại là để phi lợi nhuận và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Hội đồng quản trị thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Công ty của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số phần trăm và loại phần trăm.
2. Cổ phiếu là chứng cứ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số phần trăm của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển quyền sở hữu phần trăm theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo những quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số phần trăm cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hỏng hoặc bị hủy hoại thì hình thức khác thì công ty của Công ty cấp lại cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Người yêu cầu cấp lại phải bảo đảm các nội dung sau đây:
 - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hỏng hoặc bị hủy hoại thì hình thức khác.
 - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

i u 8. Ch ng ch ch ng khoán khác

Ch ng ch trái phi u ho c các ch ng ch ch ng khoán khác c a Công ty (tr các th chào bán, các ch ng ch t m th i và các tài li u t ng t) c phát hành có d u và ch ký m u c a i di n theo pháp lu t c a Công ty.

i u 9. Chuy n nh ng c ph n

1. T t c các c ph n c t do chuy n nh ng tr khi i u l này và pháp lu t có quy nh khác. C phi u niêm y t trên S giao d ch ch ng khoán c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.
2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan nh quy n nh n c t c, quy n nh n c phi u phát hành t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c phi u m i chào bán và các quy n l i khác theo quy nh c a pháp lu t.

i u 10. Thu h i c ph n

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s t i n ph i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gâ y ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y (07) ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.
3. H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và úng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n.
4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán quy nh t i kho n 3 i u 112 Lu t doanh nghi p. H i ng qu n tr có th tr c t i p ho c y quy n bán, tái phân ph i theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.
5. C ông n m gi c ph n b thu h i ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l (không quá 2% m t n m) vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.
6. Thông báo thu h i c g i n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c g i thông báo.

V. C C U T CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

i u 11. C c u t ch c, qu n tr và ki m soát

C c u t ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát c a Công ty bao g m:

1. i h i ng c ông;

2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc.

VI. CÔNG VÀO HỒ SƠ CÔNG ĐỒNG

Điều 12. Quy định về công đồng

1. Công đồng phải thông qua các quy định sau:
 - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp hội đồng và thực hiện quy định biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo quy định hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mọi quyết định phải thông qua một phần biểu quyết;
 - b. Nhận xét và ý kiến theo quy định của hội đồng;
 - c. Ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán trên thị trường của công đồng mà họ sở hữu;
 - d. Chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến công đồng và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hồ sơ sao chép Điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng và nghị quyết của hội đồng;
 - g. Trường hợp Công ty ghi thiếu hoặc phớt lờ, quên nhiệm vụ tài sản còn lại của người đại diện trước Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm nợ thuế và nợ nhà nước, thu, phí) và thanh toán cho các công nợ mà ghi các loại công nợ khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật doanh nghiệp;
 - i. Các khiếu nại, tranh chấp. Mọi quyết định của công đồng cùng một loại đối với các quy định, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại công nợ, các quy định và nghĩa vụ gắn liền với các loại công nợ đã ghi trong hồ sơ của công đồng thông qua và công bố cho công đồng;
 - j. Các tiếp cận và thông tin nội bộ và thông tin bất thành do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
 - k. Các báo cáo quy định, lợi ích hợp pháp của mình; nghị quyết, nghị quyết, quy định, quy định của hội đồng, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
1. Các quy định khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.
2. Công đồng hoặc nhóm công đồng nắm giữ 5% tổng số phần trăm thông qua có các quy định sau:

- a. Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c tri u t p i h i ng c ông theo các quy nh t i kho n 3 i u 115 và i u 140 Lu t Doanh nghi p;
 - b. Xem xét, tra c u, trích l c s biên b n và ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính bán niên và h ng n m, báo cáo c a Ban ki m soát, h p ng, giao d ch ph i thông qua H i ng qu n tr và tài li u khác, tr tài li u liên quan n bí m t th ng m i, bí m t kinh doanh c a Công ty;
 - c. Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s ch ng minh nhân dân/th c n c công dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a Công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;
 - d. Ki n ngh v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. Ki n ngh ph i b ng v n b n và c g i n Công ty ch m nh t là ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c. Ki n ngh ph i ghi rõ tên c ông, s l ng t ng lo i c ph n c a c ông, v n ki n ngh a vào ch ng trình h p;
 - e. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.
3. Công ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng i vào H i ng qu n tr , Ban ki m soát. Vi c c ng i vào H i ng qu n tr và Ban ki m soát th c hi n nh sau:
- a. Các c ông ph thông h p thành nhóm c ng i vào H i ng qu n tr và Ban ki m soát ph i thông báo v i c h p nhóm cho các c ông d h p bi t tr c khi khai m c i h i ng c ông;
 - b. C n c s l ng thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n này c quy n c m t ho c m t s ng i theo quy t nh c a i h i ng c ông làm ng c viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h s ng c viên mà h c quy n c theo quy t nh c a i h i ng c ông thì s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr , Ban ki m soát và các c ông khác c .

i u 13. Ngh a v c a c ông

C ông ph thông có các ngh a v sau:

1. Thanh toán và úng th i h n s c ph n cam k t mua;
2. Không c rút v n ã góp b ng c ph n ph thông ra kh i Công ty d i m i hình th c, tr tr ng h p c Công ty ho c ng i khác mua l i c ph n. Tr ng h p có c ông rút m t ph n ho c toàn b v n c ph n ã góp trái v i quy nh t i kho n này thì c ông ó và ng i có l i ích liên quan trong Công ty ph i cùng liên i ch u trách nhi m v các kho n n và ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi giá tr c ph n ã b rút và các thi t h i x y ra;
3. Tuân th i u l công ty và Quy ch qu n lý n i b c a Công ty;

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Hội đồng, Hội đồng quản trị;
5. Báo cáo các thông tin của Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chi tiết thông tin của cung cấp theo yêu cầu và báo cáo quy định và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, ghi thông tin của Công ty cung cấp cho bất kỳ ai, cá nhân khác;
6. Tham dự cuộc họp Hội đồng và thực hiện quy định của quy định thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và báo cáo quyết định tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và báo cáo quyết định tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và báo cáo quyết định thông qua hình thức ủy quyền, bằng văn bản hoặc hình thức khác;
 - d. Gửi văn bản báo cáo quyết định qua thư, fax, điện tử;
 - e. Gửi văn bản báo cáo quyết định bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty đi làm hình thức thực hiện nhiệm vụ trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác trái lợi ích công ty và lợi ích của thành viên, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ của nhân viên trước các rủi ro tài chính của Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Hội đồng

1. Hội đồng có quy định của Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Hội đồng họp thường niên ít nhất một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn hoặc hoãn họp Hội đồng thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Hội đồng có thể họp bất thường. Nhiệm vụ của Hội đồng được xác định là nhiệm vụ tham mưu và phôi trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng thường niên và lựa chọn người điều hành. Hội đồng thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, được biết thông qua báo cáo tài chính năm kế toán. Trường hợp Báo cáo kế toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản nợ chi trả nợ thuế, ý kiến kế toán trái ngược hoặc thiếu sót, Công ty phải đi kiện chi kế toán của công ty thu nhập thực hiện kế toán báo cáo tài chính của Công ty điều hành Hội đồng thường niên và đi kiện chi kế toán của công ty thu nhập nêu trên có trách nhiệm tham mưu họp Hội đồng thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phê duyệt dự án đầu tư dự án kinh doanh bất động sản trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của các công đoàn nhóm công quy định tại khoản 2 điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu trực tiếp phê duyệt dự án kinh doanh phi lợi nhuận bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có chứng cứ các công đoàn liên quan có văn bản yêu cầu chấp thuận thành văn bản và trực tiếp phê duyệt các công đoàn có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Trích quyền phê duyệt dự án kinh doanh bất động sản
 - a. Hội đồng quản trị phê duyệt dự án kinh doanh trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên chấp thuận Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại không quy định tại mục b khoản 3 điều này hoặc không yêu cầu quy định tại mục c và mục d khoản 3 điều này;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không trích quyền phê duyệt dự án kinh doanh theo quy định tại mục a khoản 4 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị trích quyền phê duyệt dự án kinh doanh theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không trích quyền phê duyệt dự án kinh doanh theo quy định tại mục b khoản 4 điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, các công đoàn nhóm công đoàn có yêu cầu quy định tại mục c khoản 3 điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trích quyền phê duyệt dự án kinh doanh theo quy định tại khoản 4 điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, các công đoàn nhóm công đoàn trích quyền phê duyệt dự án kinh doanh có quyền ngừng kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục trích quyền, tiến hành phê duyệt và ra quyết định phê duyệt dự án kinh doanh. Tất cả chi phí cho việc trích quyền và tiến hành phê duyệt dự án kinh doanh của công ty hoàn toàn là chi phí này không bao gồm những chi phí do công đoàn chi tiêu khi tham dự dự án kinh doanh, kể cả chi phí nhân và lãi.
5. Thủ tục chấp thuận phê duyệt dự án kinh doanh theo quy định tại khoản 5 điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của hội đồng

1. Hội đồng công đoàn có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Thông qua nghị quyết phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định loại hình và tài sản công ty, quyết định chào bán; quyết định mua, bán, chuyển nhượng tài sản công ty;
 - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- d. Quy định xuất khẩu hàng bán sản phẩm tài sản có giá trị 35% tổng giá trị tài sản trên được ghi trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
 - e. Quy định sản phẩm, bổ sung điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
 - g. Quy định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của công ty;
 - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và công đồng Công ty;
 - i. Quy định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j. Quy định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l. Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán độc lập thu nhận; quy định Công ty kiểm toán độc lập thu nhận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập thu nhận khi xét thấy cần thiết;
 - m. Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật
2. Điều lệ Hội đồng quản trị và thông qua các văn bản sau:
 - a. Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính hàng năm độc lập kiểm toán;
 - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - e. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f. Mục tiêu và nhiệm vụ kinh doanh của công ty;
 - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h. Bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i. Quy định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập thu nhận; quy định công ty kiểm toán độc lập thu nhận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k. Bổ sung và sửa đổi điều lệ công ty;
 - l. Loại bỏ cổ phần và số lượng cổ phần miễn cưỡng phát hành của công ty và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - m. Chia, tách, sáp nhập, sáp nhập hoặc chuyển nhượng Công ty;

- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chuyển nhượng tài sản;
 - o. Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập cá nhân; thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế xuất khẩu; thuế giá trị gia tăng; thuế tài sản; thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất và thuế chuyển nhượng quyền sử dụng tài sản khác ghi trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty;
 - p. Quy định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của công ty;
 - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với ngân hàng và các quy định tài khoản số 1 và số 167 Luật Doanh nghiệp và giá trị bằng ngoại tệ của công ty 35% tổng giá trị tài sản của Công ty ghi trong báo cáo tài chính hàng năm;
 - r. Chấp thu các giao dịch quy định tại khoản 4 điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đưa vào chương trình họp phải được thảo luận và biểu quyết tại hội nghị công đồng.

Điều 16. Quy định tham dự hội nghị công đồng.

1. Công đồng, nghị quyết được thông qua là tổ chức có thẩm quyền quyết định tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đi dự họp hội nghị công đồng theo quy định tại khoản 1 điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên công đồng ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức ủy quyền, số lượng thành viên ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên ủy quyền.
Nghị quyết được họp hội nghị công đồng phải lập thành văn bản ủy quyền khi ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lần đầu tiên tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của công đồng, nghị quyết được thông qua là tổ chức (nếu ủy quyền cho cá nhân) hoặc ủy quyền (nếu ủy quyền cho tổ chức).
3. Phiếu biểu quyết của nghị quyết được họp trong phạm vi ủy quyền văn bản có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
 - a. Nghị quyết đã chốt, bất luận chủ nhân hành vi dân sự hoặc bất luận hành vi dân sự;
 - b. Nghị quyết đã hủy bỏ việc chuyển ủy quyền;
 - c. Nghị quyết đã hủy bỏ thẩm quyền của nghị quyết viên ủy quyền.
Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trực tiếp khai mạc cuộc họp hội nghị công đồng hoặc trực tiếp khi cuộc họp kết thúc.

Điều 17. Thay đổi các quy định

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quy định bất lợi liên quan tới lợi ích của công ty phải có sự đồng ý của ít nhất 65% tổng số phiếu bầu quy định trên các tài khoản đồng danh thông qua. Nghị quyết thay đổi nội dung làm thay đổi bất lợi quy định và ngược lại của các công ty thành viên cùng loại phải được 75% tổng số phiếu bầu của công ty thành viên cùng loại ủng hộ. Nghị quyết thay đổi nội dung làm thay đổi bất lợi quy định và ngược lại của các công ty thành viên cùng loại phải được 75% tổng số phiếu bầu của công ty thành viên cùng loại ủng hộ. Trong trường hợp thông qua nghị quyết để hình thành lợi ích kinh doanh của công ty.
2. Việc thực hiện các quyền của các công ty thành viên liên quan tới lợi ích của công ty phải thông qua việc thay đổi quy định nêu trên chỉ có giá trị khi có từ 02 công ty (hoặc nhiều hơn theo quy định của pháp luật) và nắm giữ từ 1/3 giá trị mệnh giá của các công ty thành viên có quyền phát hành. Trường hợp không có sự đồng ý của công ty nêu trên thì cuộc họp của công ty phải được triệu tập lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những nghị quyết của công ty thành viên có lợi ích (không phải thu vào sổ đăng ký và sổ thành viên) có mặt tại cuộc họp được thông qua chỉ có giá trị nếu được 75% tổng số phiếu bầu của công ty thành viên cùng loại ủng hộ. Mọi công ty thành viên cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy của công ty thành viên tại các quy định Điều 19, 20 và 21 của Điều lệ này.
4. Trường hợp các công ty thành viên phát hành các quyền khác, các quy định bất lợi liên quan tới lợi ích của công ty phải được thông qua bởi các công ty thành viên liên quan tới việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các công ty thành viên cùng loại.

Điều 18. Trình tự họp, chương trình họp và thông báo họp của công ty

1. Hội đồng quản trị trình tự họp của công ty thành viên và bất kỳ thành viên nào của công ty thành viên phải được thông báo trước theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này.
2. Nội dung trình tự họp của công ty thành viên phải như sau đây:
 - a. Chọn danh sách các công ty thành viên tham gia và biểu quyết tại hội đồng công ty. Danh sách công ty thành viên có quyền dự họp của hội đồng công ty phải lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp của hội đồng công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách công ty thành viên có quyền tham dự họp của hội đồng công ty tại thời điểm hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cử đại biểu;
 - b. Chọn chương trình, nội dung họp;
 - c. Chọn tài liệu cho họp;
 - d. Đề nghị quyết định của hội đồng công ty theo nội dung đề nghị của các thành viên;
 - e. Xác nhận thời gian và địa điểm họp;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp của công ty thành viên cho tất cả các công ty thành viên có quyền dự họp;

- g. Các công việc khác phục vụ lợi ích.
3. Thông báo mời họp lợi ích công đồng cổ đông cho tất cả các công đồng bằng phương thức bỏ phiếu trực tiếp liên lạc công đồng, nghĩa công đồng trên trang thông tin internet của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán niêm yết của Công ty niêm yết hoặc ký giao dịch. Người triệu tập họp lợi ích công đồng phải gửi thông báo mời họp trực tiếp các công đồng trong Danh sách công đồng có quy định hợp nhất hai mặt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo gửi hoặc chuyển đi mặt cách hợp lệ). Chứng trình họp lợi ích công đồng, các tài liệu liên quan và các văn bản cần gửi quy định lợi ích công đồng cho các công đồng hoặc/hoặc trên trang thông tin internet của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không gửi kèm thông báo họp lợi ích công đồng, thông báo mời họp phải nêu rõ nội dung toàn bộ tài liệu họp các công đồng có thể tiếp cận, bao gồm:
- Chứng trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - Danh sách và thông tin chi tiết của các thành viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - Phiếu biểu quyết;
 - Đề nghị quy định lợi ích công đồng trong chứng trình họp.
4. Công đồng hoặc nhóm công đồng theo quy định khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị văn bản vào chứng trình họp lợi ích công đồng. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên công đồng, số đăng ký công đồng của công đồng, văn bản kiến nghị vào chứng trình họp.
5. Người triệu tập họp lợi ích công đồng có quyền từ chối kiến nghị quy định khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- Kiến nghị gửi không đúng quy định khoản 4 Điều này;
 - Vào thời điểm kiến nghị, công đồng hoặc nhóm công đồng không nắm giữ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - Văn bản kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của lợi ích công đồng;
 - Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp lợi ích công đồng phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định khoản 4 Điều này vào đề nghị chứng trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định khoản 5 Điều này; kiến nghị chính thức bổ sung vào chứng trình và nội dung cuộc họp nếu cần lợi ích công đồng chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp lợi ích công đồng

- Cuộc họp lợi ích công đồng tiến hành khi có số công đồng họp ít nhất 50% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có sự đồng ý của Hội đồng quản trị trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày diễn ra cuộc họp Hội đồng quản trị lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng quản trị phải triệu tập lại ngay lập tức khi có sự đồng ý của Hội đồng quản trị ít nhất 33% tổng số thành viên có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Hội đồng quản trị theo quy định khoản 2 điều này, trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày diễn ra Hội đồng quản trị lần thứ hai. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị không phải thu về tổng số quyền biểu quyết của các thành viên đồng ý và có quyền quyết định về các vấn đề liên quan đến phê chuẩn nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết Hội đồng

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký Hội đồng và phải ghi rõ địa điểm đăng ký cho đến khi các thành viên có quyền biểu quyết đã có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a. Khi tiến hành đăng ký Hội đồng, Công ty phải cho tất cả các thành viên địa điểm quy định có quyền biểu quyết mặt tại địa điểm quy định/phiên bản quy định/phiên bản, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên các thành viên, họ và tên địa điểm quy định và số phiên bản quy định/phiên bản của các thành viên. Khi tiến hành biểu quyết Hội đồng, số thành viên tán thành quy định thu trước, số không tán thành quy định thu sau, cùng tổng số phiên bản tán thành hay phiên bản quy định. Kết quả kiểm phiếu sẽ chốt công bố trước khi bế mạc cuộc họp. Hội đồng phải chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo quy định của Hiến pháp. Thành viên của ban kiểm tra do Hội đồng quy định theo quy định của Hiến pháp.
 - b. Công đồng địa điểm quy định sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bản thể hiện ngay sau khi đăng ký. Hiến pháp không có trách nhiệm đăng ký Hội đồng nếu không đăng ký và hiện tại các thành viên địa điểm quy định/phiên bản trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu cử, thủ tục và ban kiểm tra quy định như sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tịch hoặc ủy viên cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tịch cuộc họp Hội đồng do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời vắng mặt thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu mới trong số họ làm chủ tịch cuộc họp theo nguyên tắc如上. Trường hợp không bầu mới làm chủ tịch, Trường Ban kiểm tra sẽ tiến hành Hội đồng bầu cử chủ tịch cuộc họp trong số những người đồng ý và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tịch cuộc họp.

- b. Trưởng ban quy định thẩm định và phê duyệt dự án này, người ký tên dự án phải là người đại diện pháp luật của công ty và người có thẩm quyền cao nhất làm chủ tịch hội đồng quản trị.
 - c. Chủ tịch hội đồng quản trị làm thủ tục ký duyệt;
 - d. Người đại diện pháp luật của công ty vào ban kiểm tra theo quy định của pháp luật.
3. Chương trình và nội dung dự án phải được thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian và vị trí trong nội dung chương trình họp.
 4. Chủ tịch hội đồng quản trị chỉ định các biện pháp cần thiết và hợp lý để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật, đúng theo chương trình đã thông qua và phản ánh mong muốn của các thành viên.
 - a. Bố trí chi phí để thực hiện dự án;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các buổi họp;
 - c. Mời người đại diện của công ty tham dự (hoặc đại diện tham dự) dự án. Người đại diện pháp luật của công ty có toàn quyền thay mặt công ty để ký và chấp thuận các biện pháp cần thiết. Các biện pháp chấp thuận có thể là các quy định về các hồ sơ đăng ký hình thức khác.
 5. Người đại diện pháp luật của công ty phải tuân thủ và chịu trách nhiệm theo quy định trong nội dung chương trình. Việc chấp thuận các điều kiện hành động của công ty phải được thông qua, không tán thành và không có ý kiến. Kiểm tra kiểm tra của công ty ngay trước khi bắt đầu cuộc họp.
 6. Công ty phải ký và có quy định tham gia của công ty ngay sau khi dự án ký; trong trường hợp này, hội đồng quản trị phải chấp thuận các điều kiện chấp thuận trước đó không thay đổi.
 7. Người đại diện pháp luật của công ty phải có quy định sau đây:
 - a. Yêu cầu tất cả các thành viên phải ký tên và ký tên các biện pháp an ninh họp pháp, hợp lý khác;
 - b. Yêu cầu các thành viên có thể quy định duy trì trật tự cuộc họp; trước và trong quá trình họp, người không tuân thủ quy định của pháp luật, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp của người đại diện pháp luật;
 8. Chủ tịch hội đồng quản trị của công ty phải có sổ ghi chép ký duyệt dự án không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp diễn ra khai mạc và chấp thuận dự án họp hoặc thay đổi nội dung trong trường hợp sau đây:
 - a. Nội dung không có chi phí thu nhập cho tất cả các thành viên;
 - b. Phải thông tin nội dung họp không bảo đảm cho công ty dự án tham gia, thảo luận và chấp thuận;

- c. Có ng i d h p c n tr , gây r i tr t t , có nguy c làm cho cu c h p không c t i n hành m t cách công b ng và h p pháp.
9. Tr ng h p ch t a hoãn ho c t m d ng h p i h i ng c ô ng trái v i quy nh t i kho n 8 i u này, i h i ng c ô ng b u m t ng i khác trong s nh ng ng i d h p thay th ch t a i u hành cu c h p cho n lúc k t thúc; t t c ngh quy t c thông qua t i cu c h p ó u có hi u l c thi hành.
10. Tr ng h p Công ty áp d ng công ngh hi n i t ch c i h i ng c ô ng thông qua h p tr c tuy n, Công ty có trách nhi m m b o c ô ng tham d , bi u quy t b ng hình th c b phi u i n t ho c hình th c i n t khác theo quy nh t i i u 144 Lu t Doanh nghi p và kho n 3 i u 273 Ngh nh s 155/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

i u 21. i u ki n Ngh quy t c a i h i ng c ô ng c thông qua

1. Ngh quy t v n i dung sau ây c thông qua n u c s c ô ng i di n t 65% t ng s phi u bi u quy t tr lên c a t t c c ô ng d h p tán thành, tr tr ng h p quy nh t i các kho n 3, 4 và 6 i u 148 Lu t Doanh nghi p:
 - a. Lo i c ph n và t ng s c ph n c a t ng lo i;
 - b. Thay i ngành, ngh và l nh v c kinh doanh;
 - c. Thay i c c ut ch c qu n lý Công ty.
 - d. D án u t ho c bán tài s n có giá tr t 35% t ng giá tr tài s n tr lên c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty, tr tr ng h p i u l công ty quy nh t l ho c giá tr khác.
 - e. T ch c l i, gi i th Công ty.
2. Các ngh quy t c thông qua khi c s c ô ng s h u trên 50% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ô ng d h p tán thành, tr tr ng h p quy nh t i các kho n 1 i u này và kho n 3, 4 và 6 i u 148 Lu t Doanh nghi p.
3. B u thành viên H QT và BKS th c hi n theo quy nh t i kho n 3 i u 148 Lu t doanh nghi p.
4. Các Ngh quy t i h i ng c ô ng c thông qua b ng 100% t ng s c ph n có quy n bi u quy t là h p pháp và có hi u l c ngay c khi trình t , th t c tri u t p h p và thông qua ngh quy t ó vi ph m quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty.

i u 22. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ô ng b ng v n b n thông qua Ngh quy t c a i h i ng c ô ng.

Th m quy n và th th c l y ý ki n c ô ng b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ô ng c th c hi n theo quy nh sau ây:

1. H i ng qu n tr có quy n l y ý ki n c ô ng b ng v n b n thông qua ngh quy t c a i h i ng c ô ng khi xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty, tr tr ng h p quy nh t i kho n 2 i u 147 Lu t Doanh nghi p
2. H i ng qu n tr ph i chu n b phi u l y ý ki n, d th o ngh quy t i h i ng c ô ng và các tài li u gi i trình d th o ngh quy t. H i ng qu n tr

phẩm bảo vệ, công bố tài liệu cho các công trong môi trường gian lận lý
xem xét biểu quyết và phê duyệt ít nhất 10 ngày trước ngày họp
nhậm quyền ủy quyền. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu ủy quyền và tài liệu
kèm theo các chi tiết theo quy định khoản 3 điều 18 điều lệ này.

3. Phiếu ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích ủy quyền;
 - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân nếu
ông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức,
địa chỉ trụ sở chính nếu ông là tổ chức, họ, tên, địa chỉ liên lạc,
quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân nếu là đại diện của ông là
tổ chức; số lượng phiếu đại diện và số phiếu biểu quyết của ông;
 - d. Văn bản ủy quyền thông qua quy định;
 - e. Phạm vi biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến
nếu là người ủy quyền;
 - f. Thời hạn phê duyệt Công ty phiếu ủy quyền để xử lý;
 - g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.
4. Công có thể gửi phiếu ủy quyền để xử lý nội dung Công ty bằng hình thức gửi
thư, fax hoặc điện thoại theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp gửi thư, phiếu ủy quyền để xử lý phải có chữ ký của
ông là cá nhân, cá nhân đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo
pháp luật của ông là tổ chức. Phiếu ủy quyền gửi Công ty phải
được niêm phong bì dán kín và không ai được quy định trước khi niêm
phủ;
 - b. Trường hợp gửi fax hoặc điện thoại, phiếu ủy quyền gửi Công ty phải
có ghi bí mật nội dung;
 - c. Các phiếu ủy quyền gửi Công ty sau thời hạn xác định nội dung
phiếu ủy quyền hoặc đã bỏ trống trường hợp gửi thư và bỏ trống trong
trường hợp gửi fax, điện thoại là không hợp lệ. Phiếu ủy quyền không
gửi công coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị niêm phong và lập biên bản niêm phong phiếu để
của Ban kiểm soát hoặc các công không niêm phong và quản lý Công ty.
Biên bản niêm phong phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các văn bản ủy quyền thông qua quy định;
 - c. Số công việc số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân
biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phạm vi
gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách công tham gia biểu
quyết;
 - d. Trường hợp tán thành, không tán thành và không có ý kiến nếu là người
;

- e. Văn bản thông qua và tài liệu quy định thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chức danh của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm soát tài sản và người giám sát kiểm soát tài sản.
Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm soát tài sản và người giám sát kiểm soát tài sản phải liên hệ chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm soát tài sản; liên hệ chịu trách nhiệm về các thủ tục phát sinh từ các quy định thông qua do kiểm soát tài sản không trung thực, không chính xác.
6. Biên bản kiểm soát tài sản phải được gửi trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm soát tài sản. Trường hợp Công ty có trang thông tin internet, việc gửi biên bản kiểm soát tài sản có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin internet của Công ty trong vòng hai mươi (24) giờ, kể từ khi kết thúc kiểm soát tài sản.
7. Người ủy quyền tài sản tài trợ, biên bản kiểm soát tài sản, nghị quyết tài sản thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo người ủy quyền tài sản phải được lưu giữ tại văn phòng chính của Công ty.
8. Nghị quyết thông qua theo hình thức ủy quyền công bằng và bền vững của các công nhân trên 50% tổng số người bầu quy tắc tài sản của công nhân có quyền bầu quy tắc tài sản và có giá trị như nghị quyết thông qua tại cuộc họp hội đồng.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp hội đồng

1. Cuộc họp hội đồng phải ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức internet khác. Biên bản họp phải công khai và đăng tải, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ văn phòng chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp hội đồng;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp hội đồng và những vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số công và tổng số người bầu quy tắc tài sản của các công nhân, phần trăm danh sách người công nhân đi công nhân địa phương và số người bầu quy tắc tài sản;
 - g. Tổng số người bầu quy tắc tài sản và tổng số người bầu quy tắc tài sản, trong đó ghi rõ phần trăm người bầu quy tắc tài sản, tổng số người bầu quy tắc tài sản, không họp, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tổng số người bầu quy tắc tài sản của các công nhân địa phương;
 - h. Các văn bản thông qua và tài liệu người bầu quy tắc tài sản thông qua tương ứng;
 - i. Họ, tên và chức danh chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký thực hiện ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực của các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ về chủ tọa, thư ký thực hiện ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Hội đồng công phi nhân sự và thông qua quyết định khi kết thúc cuộc họp. Chủ tịch và thành viên khác ký tên trong biên bản họp phi nhân sự chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp ban giám đốc Việt và giám đốc Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản giám đốc Việt và giám đốc Anh thì nội dung trong biên bản giám đốc Việt có hiệu lực áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Hội đồng công phi nhân sự, phôi danh sách công nhân ký danh kèm theo ký các công nhân, văn bản quy định tham dự họp, tài liệu các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phi nhân sự công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phi nhân sự lưu giữ trữ chính của Công ty.
5. Hiệu lực của các nghị quyết Hội đồng công phi nhân sự:
 - a. Các nghị quyết của Hội đồng công phi nhân sự có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc thời điểm hiệu lực ghi trong nghị quyết đó.
 - b. Các nghị quyết của Hội đồng công phi nhân sự được thông qua bằng 100% tổng số phiếu có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay khi trình thảo luận và được thông qua nghị quyết đó không có thành viên ứng cử như quy định.
 - c. Trường hợp có công nhân, nhóm công nhân yêu cầu Tòa án hoặc Trường tài trợ hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng công phi nhân sự theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trường tài trợ có quyết định khác, trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của các quan có thẩm quyền.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Hội đồng công phi nhân sự

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Hội đồng công phi nhân sự hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu ý kiến Hội đồng công phi nhân sự, công nhân hoặc nhóm công nhân quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trường tài trợ xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Hội đồng công phi nhân sự trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Hội đồng công phi nhân sự không nghiêm chỉnh quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI NGƯỜI QUẢN TRỊ

Điều 25. Thành viên Hội đồng quản trị.

1. Trường hợp đã xác định các thành viên, thông tin liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị của vào tài liệu họp Hội đồng công phi nhân sự và công bố tại thị trường (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng công phi nhân sự trên trang thông tin internet của Công ty công phi nhân sự có thể tìm hiểu về các thành viên này trước khi biểu quyết. Thành viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân

c công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c n u c b u làm thành viên H i ng qu n tr . Thông tin liên quan n ng viên H i ng qu n tr c công b bao g m các n i dung t i thi u sau ây:

- a. H tên, ngày, tháng, n m sinh;
 - b. Trình chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các ch c danh qu n lý khác (bao g m c ch c danh H i ng qu n tr c a công ty khác);
 - e. L ích có liên quan t i Công ty và các bên có liên quan c a Công ty;
 - f. H , tên c a c ông ho c nhóm c ông c ng viên ó (n u có); Các thông tin khác (n u có) theo quy nh t i i u l ;
 - g. Công ty ph i có trách nhi m công b thông tin v các công ty mà ng c viên ang n m gi ch c v thành viên H i ng qu n tr , các ch c danh qu n lý khác và các l ích có liên quan t i công ty c a ng c viên H i ng qu n tr (n u có)
2. C ông ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng c viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p.
 3. Tr ng h p s l ng ng c viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t theo quy nh t i kho n 5 i u 115 Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ho c t ch c c theo quy nh t i i u l công ty, Quy ch n i b v qu n tr công ty và Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr . Vi c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ph i c công b rõ ràng tr c khi i h i ng c ông bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a pháp lu t.
 4. Thành viên H i ng qu n tr ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i kho n 1, kho n 2 i u 155 Lu t doanh nghi p và i u l Công ty

i u 26. Thành ph n và nhi m k c a H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr là ba (03) ng i.
2. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m và có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . M t cá nhân ch c b u làm thành viên c l p H i ng qu n tr c a m t công ty không quá hai (02) nhi m k liên t c. Tr ng h p t t c thành viên H i ng qu n tr cùng k t thúc nhi m k thì các thành viên ó t i p t c là thành viên H i ng qu n tr cho n khi có thành viên m i c b u thay th và t i p qu n công vi c.
3. Xác nh th i gian nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr : Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr b t u t ngày c i h i ng c ông b u vào H i ng qu n tr và ch m đ t ng nhiên vào ngày quá th i h n nhi m k (ngày sau n m (05) n m) k t ngày b t u nhi m k ; ho c ch m đ t vào th i i m khác theo quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr quy nh t i các kho n 7, 8, 9 và 10 i u này.
4. C c u thành viên H i ng qu n tr nh sau:

C c u H i ng qu n tr c a Công ty ph i m b o t i thi u 1/3 t ng s thành viên H i ng qu n tr là thành viên không i u hành.

T ng s thành viên c l p H i ng qu n tr ph i m b o quy nh sau:

Có t i thi u m t (01) thành viên c l p trong tr ng h p công ty có s thành viên H i ng qu n tr t ba (03) n n m (05) thành viên;

5. Vi c b nhi m thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.
6. Thành viên H i ng qu n tr có th không ph i là c ô ng c a Công ty
7. i h i ng c ô ng m i n nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:
 - a. Không có tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i i u 155 c a Lu t Doanh nghi p;
 - b. Có n t ch c và c H i ng qu n tr ch p thu n;
8. i h i ng c ô ng b i nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:
 - a. Không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong sáu (06) tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;
 - b. C ý cung c p thông tin cá nhân sai khi g i cho Công ty t cách là ng c viên H i ng qu n tr .
9. Khi xét th y c n thi t, i h i ng c ô ng quy t nh thay th thành viên H i ng qu n tr, m i n nhi m, b i nhi m thành viên H i ng qu n tr ngoài tr ng h p quy nh t i kho n 7 và kho n 8 i u này.
10. T i thi i m ch a t ch c h p i h i ng c ô ng, H i ng qu n tr có quy n thông qua ngh quy t v vi c ch m d t t cách thành viên H i ng qu n tr i v i thành viên H i ng qu n tr t th i i m quy t ngh, trong các tr ng h p:
 - a. Thành viên H i ng qu n tr không có tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i i u 155 c a Lu t Doanh nghi p;
 - b. Thành viên H i ng qu n tr không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong 06 tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;
 - c. Thành viên H i ng qu n tr c ý cung c p thông tin cá nhân sai khi g i cho Công ty v i t cách là ng c viên H i ng qu n tr ;
 - d. Thành viên H i ng qu n tr có n t ch c/t nhi m g i t i H i ng qu n tr ;
 - e. Thành viên H i ng qu n tr n tu i ngh h u theo ch . Trong tr ng h p này thành viên H i ng qu n tr có quy t nh ngh h u ng th i ng nhiên c m i n nhi m thành viên H i ng qu n tr .
11. H i ng qu n tr trình i h i ng c ô ng thông qua vi c m i n nhi m, b i nhi m chính th c i v i các tr ng h p nêu t i i m a, b, c, d kho n 10 i u này t i k h p g n nh t. Tr ng h p c i h i ng c ô ng thông qua, th i i m m i n nhi m, b i nhi m i v i thành viên H i ng qu n tr c tính t

thời điểm Hội đồng quản trị quyết định chi m d t t cách thành viên của thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp Hội đồng không thông qua, thành viên Hội đồng quản trị liên quan tiếp tục có thể cách thành viên Hội đồng quản trị kể từ thời điểm Hội đồng quyết định. Thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp chi m d t t cách thành viên Hội đồng quản trị thì khoản 10 điều này có nghĩa vẫn phải hành nghề quy tắc của Hội đồng quản trị cho đến khi có nghị quyết của Hội đồng.

Điều 27: Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, thực hiện các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Hội đồng.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ công ty và Hội đồng quy định. Chức năng, Hội đồng quản trị có những quy định và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
 - b. Kiểm soát hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty quy định chào bán các tài sản;
 - c. Quyết định bán các phần vốn của công ty trong phạm vi số vốn quy định chào bán các tài sản; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán các phần vốn và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua các phần vốn theo quy định thì khoản 1 và khoản 2 điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản tăng lên ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng theo quy định thì khoản 2 điều 138, khoản 1 và khoản 3 điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do điều lệ công ty quy định; quyết định tuyển dụng, thôi việc, thưởng và lợi ích khác của nhân viên quản lý; cử người đi nhiệm vụ quy định tham gia Hội đồng thành viên hoặc Hội đồng công ty khác, quyết định miễn thôi việc và quy định lợi ích khác của nhân viên quản lý;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong nội bộ hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
 - k. Quyết định cấu trúc, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và văn phòng góp vốn, mua các phần vốn của doanh nghiệp khác;

- l. Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri u t p h p i h i ng c ông ho c l y ý ki n i h i ng c ông thông qua ngh quy t;
 - m. Trình báo cáo tài chính h ng n m ã c ki m toán lên i h i ng c ông;
 - n. Ki n ngh m c c t c c tr ; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th Công ty; yêu c u phá s n Công ty;
 - p. Quy t nh ban hành Quy ch ho t ng H i ng qu n tr , Quy ch n i b v qu n tr công ty sau khi c i h i ng c ông thông qua; ; quy t nh ban hành Quy ch ho t ng c a y ban ki m toán/B ph n ki m toán tr c thu c H i ng qu n tr (n u có), Quy ch v công b thông tin c a Công ty;
 - q. Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, quy nh khác c a pháp lu t và i u l Công ty .
3. H i ng qu n tr ph i báo cáo i h i ng c ông k t qu ho t ng c a H i ng qu n tr theo quy nh t i i u 280 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán.

i u 28. Thù lao, ti n l ng và l i ích khác c a thành viên H i ng qu n tr .

1. Công ty có quy n tr thù lao, th ng cho thành viên H i ng qu n tr theo k t qu và hi u qu kinh doanh.
2. Thành viên ho t ng không chuyên trách h ng thù lao công vi c. Thành viên ho t ng chuyên trách h ng l ng ho c ph c p c thù. T ng m c thù lao, ph c p, ti n l ng cho H i ng qu n tr s do i h i ng c ông thông qua. Vi c phân b thù lao và quy nh m c l ng, ph c p cho t ng thành viên H i ng qu n tr do H i ng qu n tr quy t nh ho c theo quy ch /chính sách do H i ng qu n tr ban hành.
3. H i ng qu n tr c h ng ti n th ng thành tích theo k t qu ho t ng kinh doanh hàng n m c a Công ty n u t và v t m c k ho ch. T ng qu th ng cho H i ng qu n tr do i h i ng c ông thông qua. Vi c phân b ti n th ng cho t ng thành viên H i ng qu n tr do H i ng qu n tr quy t nh ho c theo quy ch /chính sách do H i ng qu n tr ban hành
4. T ng s ti n tr thù lao, ti n l ng, ti n th ng cho các thành viên H i ng qu n tr và s ti n thù lao, ti n l ng, ti n th ng cho t ng thành viên ph i c ghi chi ti t trong báo cáo th ng niên c a Công ty.
5. Thành viên H i ng qu n tr n m gi ch c v i u hành trong b máy i u hành c a Công ty c h ng l ng theo ch c danh chuyên trách t i b máy i u hành. Thành viên H i ng qu n tr làm vi c t i các ti u ban c a H i ng qu n tr , ho c th c hi n nh ng công vi c khác mà theo quan i m c a H i ng qu n tr là n m ngoài ph m vi nhi m v thông th ng c a m t thành viên H i ng qu n tr , có th c tr thêm ti n thù lao d i d ng m t kho n ti n công tr n gói theo t ng l n, l ng, hoa h ng, ph n tr m l i nhu n, ho c d i hình th c khác theo quy t nh c a H i ng qu n tr .

6. Thành viên H i ng qu n tr có quy n c thanh toán t t c các chi phí i l i, n, và các kho n chi phí h p lý khác mà h ã ph i chi tr khi th c hi n trách nhi m thành viên H i ng qu n tr c a mình, bao g m c các chi phí phát sinh trong vi c t i tham d các cu c h p i h i ng c ông, H i ng qu n tr ho c các ti u ban c a H i ng qu n tr .
7. Thành viên H i ng qu n tr có th c Công ty mua b o hi m trách nhi m sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông. B o hi m này không bao g m b o hi m cho nh ng trách nhi m c a thành viên H i ng qu n tr liên quan n vi c vi ph m pháp lu t và i u l công ty.

i u 29: Ch t ch H i ng qu n tr .

1. Ch t ch H i ng qu n tr do H i ng qu n tr b u, mi n nhi m, bãi nhi m trong s các thành viên H i ng qu n tr .
2. Ch t ch H i ng qu n tr không c kiêm Giám c.
3. Ch t ch H i ng qu n tr có quy n và ngh a v sau ây:
 - a. L p ch ng trình, k ho ch ho t ng c a H i ng qu n tr ;
 - b. Chu n b ch ng trình, n i dung, tài li u ph c v cu c h p; tri u t p, ch trì và làm ch t a cu c h p H i ng qu n tr ;
 - c. T ch c vi c thông qua ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr ;
 - d. Giám sát quá trình t ch c th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr ;
 - e. Ch t a cu c h p i h i ng c ông;
 - f. Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty.
4. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr có n t ch c ho c b mi n nhi m, bãi nhi m, H i ng qu n tr ph i b u ng i thay th trong th i h n m i (10) ngày k t ngày nh n n t ch c ho c b mi n nhi m, bãi nhi m.
5. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr v ng m t ho c không th th c hi n c nhi m v c a mình thì ph i y quy n b ng v n b n cho m t thành viên khác th c hi n quy n và ngh a v c a Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c quy nh t i i u l công ty. Tr ng h p không có ng i c y quy n ho c Ch t ch H i ng qu n tr ch t, m t tích, b t m giam, ang ch p hành hình ph t tù, ang ch p hành bi n pháp x lý hành chính t i c s cai nghi n b t bu c, c s giáo d c b t bu c, tr n kh i n i c trú, b h n ch ho c m t n ng l c hành vi dân s , có khó kh n trong nh n th c, làm ch hành vi, b Tòa án c m m nhi m ch c v , c m hành ngh ho c làm công vi c nh t nh thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s các thành viên gi ch c Ch t ch H i ng qu n tr theo nguyên t c a s thành viên còn l i tán thành cho n khi có quy t nh m i c a H i ng qu n tr .

i u 30. Cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì Ch t ch H i ng qu n tr s c b u trong cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m

k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nh i u h n m t (01) thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t thì các thành viên b u theo nguyên t c a s ch n m t (01) ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr .

2. H i ng qu n tr h p ít nh t m i quý m t l n và có th h p b t th ng.
3. Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:
 - a. Có ngh c a Ban ki m soát ho c thành viên c l p H i ng qu n tr ;
 - b. Có ngh c a Giám c ho c ít nh t n m (05) ng i i u hành/ng i qu n lý khác;
 - c. Có ngh c a ít nh t hai (02) thành viên H i ng qu n tr ;
4. ngh quy nh t i kho n 3 i u này ph i c l p thành v n b n, trong ó nêu rõ m c ích, v n c n th o lu n và quy t nh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr .
5. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày nh n c ngh quy nh t i kho n 3 i u này. Tr ng h p không tri u t p h p H i ng qu n tr theo ngh thì Ch t ch H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i Công ty; ng i ngh có quy n thay th Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr .
6. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p h p H i ng qu n tr ph i g i thông báo m i h p ch m nh t là 03 ngày làm vi c tr c ngày h p. Thông báo m i h p ph i xác nh c th th i gian và a i m h p, ch ng trình, các v n th o lu n và quy t nh. Thông báo m i h p ph i kèm theo tài li u s d ng t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành viên.
Thông báo m i h p H i ng qu n tr có th g i b ng gi y m i, i n tho i, fax, ph ng ti n i n t ho c ph ng th c khác do i ul công ty quy nh và b o m n c a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i Công ty.
7. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p g i thông báo m i h p và các tài li u kèm theo n các thành viên Ban Ki m soát nh i v i các thành viên H i ng qu n tr .
Thành viên Ban Ki m soát có quy n d các cu c h p H i ng qu n tr ; có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.
8. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành khi có t 3/4 t ng s thành viên tr lên đ h p. Tr ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh t i kho n này không s thành viên đ h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n 07 ngày k t ngày đ nh h p l n th nh t. Tr ng h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr đ h p.
9. Thành viên H i ng qu n tr c coi là tham đ và bi u quy t t i cu c h p trong tr ng h p sau ây:
 - a. Tham đ và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;

- b. Quy định cho người khác để đăng ký và biểu quyết theo quy định nội bộ hiện tại;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức tuyển, biểu quyết nội bộ khác;
 - d. Gửi biểu quyết trực tiếp thông qua thư, fax, điện thoại;
 - e. Gửi biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Quy định Công ty.
10. Trưởng phòng gửi biểu quyết trực tiếp thông qua thư, biểu quyết bằng phiếu trong phong bì dán kín và phiếu chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị có mặt là 01 giờ trước khi khai mạc. Biểu quyết chính thức được công bố ngay sau khi kết thúc họp.
 11. Thành viên phải tham dự các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên quy định cho người khác để đăng ký và biểu quyết trước các thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
 12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua trước các thành viên để đăng ký tán thành; trưởng phòng sắp xếp biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
 13. Ngoài các cuộc họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể chấp thuận ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản thông qua các nghị quyết, quyết định hoặc nội dung khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết và các văn bản thông qua theo hình thức chấp thuận bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của các thành viên Hội đồng Quản trị có quy định biểu quyết. Nghị quyết và các văn bản này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết của các thành viên Hội đồng Quản trị thông qua tại cuộc họp trực tiếp và thực hiện theo thông lệ.
 14. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng Quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã thực hiện trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Biên bản họp Hội đồng Quản trị có lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tịch, người ghi biên bản và mail xác nhận thông tin về nội dung biên bản của thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều 31. Các tiêu chuẩn của Hội đồng Quản trị

1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiêu chuẩn trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, ngân sách, kế toán nội bộ theo quy định của Hội đồng Công ty. Số lượng thành viên của tiêu chuẩn do Hội đồng Quản trị quy định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên chấp thuận Hội đồng Quản trị nên chỉ có mặt trong tiêu chuẩn và một trong số các thành viên này có nhiệm vụ làm Trưởng tiêu chuẩn theo quy định của Hội đồng Quản trị. Nghị quyết của tiêu chuẩn chỉ có hiệu lực khi có các thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiêu chuẩn là thành viên Hội đồng Quản trị.

2. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của Ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên Ủy ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định nội bộ của Công ty.

Điều 32: Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị Công ty và Thủ ký Công ty.

1. Hội đồng quản trị chỉ định một (01) người làm Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị công ty hoặc một người quản trị công ty để tiến hành một cách có hiệu quả. Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thủ ký Công ty theo quy định khoản 5 Điều 156 Luật doanh nghiệp.
2. Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị công ty không được thực hiện việc cho thuê các kỹ thuật kế toán để chi phí thu nhập thực hiện kỹ thuật các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Nghĩa vụ trách nhiệm quản trị công ty có các quy định và nghĩa vụ sau:
 - a. Tổ chức Hội đồng quản trị trong việc tổ chức chi phí hội đồng theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và công đồng;
 - b. Chọn lựa các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Hội đồng theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c. Tổ chức và thực hiện các thành viên;
 - d. Tham dự các thành viên;
 - e. Tổ chức thực hiện các quy định của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h. Tuân thủ liên lạc với các bên có quy định liên quan;
 - i. Báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
4. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thủ ký Công ty với nhiệm vụ và trách nhiệm theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành và lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Thủ ký Công ty tùy theo thẩm quyền.
5. Thủ ký Công ty có các quy định và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ các trụ sở chi phí hội đồng, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quy định và nghĩa vụ công giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ công cộng và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công ty;
- e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hiện hành chính;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g. Thủ ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐI HÀNH KHÁC.

Điều 33. Trách nhiệm của giám đốc

Hội đồng quản lý của Công ty phân bổ trách nhiệm cho Giám đốc và các thành viên giám sát, chức năng của Hội đồng quản lý trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản lý bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải thông qua bằng nghị quyết của Hội đồng quản lý.

Điều 34. Nhiệm vụ của người đi hành Công ty

1. Nhiệm vụ của người đi hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc và Kế toán trưởng người đi hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Theo nghĩa của Giám đốc và các thành viên thu nhập của Hội đồng quản lý, Công ty được tuyển dụng người đi hành doanh nghiệp khác với số lương và tiêu chuẩn phù hợp với chức vụ và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản lý quy định. Người đi hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty thực hiện các mục tiêu trong hoạt động và thực hiện.
3. Giám đốc trực tiếp và thực hiện. Tiền lương và thực hiện của Giám đốc do Hội đồng quản lý quyết định.
4. Tiền lương của người đi hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mức riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo chi phí công dụng thực hiện công việc hàng năm.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản lý bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản lý hoặc một người khác làm Giám đốc;
2. Giám đốc là người đi hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chức năng giám sát của Hội đồng quản lý; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý và thực hiện pháp luật về việc thực hiện quy định, nghĩa vụ công giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

- b. T ch c th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr ;
 - c. T ch c th c hi n k ho ch kinh doanh và ph ng án u t c a Công ty;
 - d. Ki n ngh ph ng án c c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty;
 - e. B nhi m, mi n nhi m, bấ nhi m các ch c danh qu n lý trong Công ty, tr các ch c danh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr ;
 - f. Quy t nh ti n l ng và l i ích khác i v i ng i lao ng trong Công ty, k c ng i qu n lý thu c th m quy n b nhi m c a Giám c ;
 - g. Tuy n d ng lao ng;
 - h. Ki n ngh ph ng án tr c t c ho c x lý l trong kinh doanh;
 - i. Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l Công ty và ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr .
5. H i ng qu n tr có th mi n nhi m Giám c khi a s thành viên H i ng qu n tr có quy n bi u quy t đ h p tán thành và b nhi m Giám c m i thay th .

IX. BAN KI M SOÁT

i u 36. ng c , c thành viên Ban ki m soát.

1. Vi c xác nh ng viên và công b thông tin ng viên th c hi n t ng t quy nh t i kho n 1, kho n 2 i u 25 i u l này.
2. Tr ng h p s l ng các ng viên Ban ki m soát thông qua c và ng c không s l ng c n thi t, Ban ki m soát ng nhi m có th c thêm ng viên ho c t ch c c theo c ch quy nh t i i u l công ty, Quy ch n i b v qu n tr Công ty và Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát. Vi c Ban ki m soát ng nhi m gi i thi u thêm ng viên ph i c công b rõ ràng tr c khi i h i ng c ông bi u quy t b u thành viên Ban ki m soát theo quy nh c a pháp lu t.

i u 37. Thành ph n Ban ki m soát.

1. S l ng thành viên Ban ki m soát c a Công ty là ba (03) thành viên. Nhi m k c a thành viên Ban Ki m soát không quá n m (05) n m và có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch .
2. Thành viên Ban ki m soát ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n theo quy nh t i i u 169 Lu t doanh nghi p, i u l công ty và không thu c các tr ng h p sau:
 - a. Làm vi c trong b ph n k toán, tài chính c a công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên c a công ty ki m toán c l p th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a công ty trong ba (03) n m li n tr c ó.
3. Thành viên Ban Ki m soát b mi n nhi m trong các tr ng h p sau:
 - a. Không còn tiêu chu n và i u ki n làm thành viên Ban ki m soát theo quy nh t i kho n 2 i u này;
 - b. Có n t ch c và c ch p thu n;
 - c. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này.

4. Thành viên Ban Kiểm soát phải làm những việc sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quy định và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - d. Theo quy định của Điều lệ Công ty;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 38. Trường hợp Ban kiểm soát

1. Trường hợp Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; vì công việc, nhiệm vụ, bất nhiệm theo nguyên tắc của số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên tham dự Hội đồng Quản trị. Trường hợp Ban kiểm soát phải có bằng chứng thực tế về việc lên thu chứng cứ trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
2. Quy định và nghĩa vụ của Trường hợp Ban kiểm soát:
 - a. Triệt tử thực hiện Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trình Hội đồng Công ty.

Điều 39: Quy định và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.

Ban kiểm soát có các quy định và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quy định, nghĩa vụ sau:

1. Xem xét, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công việc phê duyệt danh sách tài sản kiểm toán của công ty, kế hoạch thu nhập thực tế kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quy định về kế toán kiểm toán của công ty, kế hoạch thu nhập thực tế kiểm tra hoạt động của Công ty, bất nhiệm kiểm toán viên của công ty khi xét thấy cần thiết;
2. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc, người quản lý khác;
4. Làm báo cáo Hội đồng Quản trị, Giám đốc và Hội đồng Công ty;
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả;
6. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Hội đồng Công ty thông qua;

7. Xây d ng K ho ch ho t ng hàng n m c a Ban ki m soát và trình i h i ng c ông thông qua;
8. Báo cáo t i i h i ng c ông theo quy nh t i i u 290 Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31/12/2020 c a Chính ph quy nh chi tí t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
9. Có quy n ti p c n h s , tài li u c a Công ty l u gi t i tr s chính, chi nhánh và a i m khác; có quy n n a i m làm vi c c a ng i qu n lý và nhân viên c a Công ty trong gi làm vi c ;
10. Có quy n yêu c u H i ng qu n tr , thành viên H i ng qu n tr , Giám c và ng i qu n lý khác cung c p y , chính xác, k p th i thông tin, tài li u v công tác qu n lý, i u hành và ho t ng kinh doanh c a Công ty.
11. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l này.

i u 40: Cu c h p c a Ban ki m soát

1. Ban ki m soát ph i h p ít nh t hai (02) l n trong m t n m, s l ng thành viên tham d h p ít nh t là hai ph n ba (2/3) s thành viên Ban ki m soát. Biên b n h p Ban ki m soát c l p chi tí t và rõ ràng. Ng i ghi biên b n và các thành viên Ban ki m soát tham d h p ph i ký tên vào biên b n cu c h p. Các biên b n h p c a Ban ki m soát ph i c l u gi nh m xác nh trách nhi m c a t ng thành viên Ban ki m soát.
2. Ban ki m soát có quy n yêu c u thành viên H i ng qu n tr , Giám c và i đi n t ch c ki m toán c ch p thu n tham d và tr l i các v n c n c làm rõ.

i u 41: Ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát.

Ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a thành viên Ban ki m soát c th c hi n theo quy nh sau ây:

1. Thành viên Ban ki m soát c tr ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác theo quy t nh c a i h i ng c ông. i h i ng c ông quy t nh t ng m c tí n l ng, thù lao, th ng, l i ích khác và ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát.
2. Thành viên Ban ki m soát c thanh toán chi phí n , i l i, chi phí s d ng d ch v t v n c l p v i m c h p lý. T ng m c thù lao và chi phí này không v t quá t ng ngân sách ho t ng h ng n m c a Ban ki m soát ã c i h i ng c ông ch p thu n, tr tr ng h p i h i ng c ông có quy t nh khác.
3. Ti n l ng và chi phí ho t ng c a Ban ki m soát c tính vào chi phí kinh doanh c a Công ty theo quy nh c a pháp lu t v thu thu nh p doanh nghi p, quy nh khác c a pháp lu t có liên quan và ph i c l p thành m c riêng trong báo cáo tài chính h ng n m c a Công ty.

X. TRÁCH NHI M C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , THÀNH VIÊN BAN KI M SOÁT, GIÁM C VÀ NG I I U HÀNH KHÁC

Thành viên H i ng qu n tr , Thành viên Ban ki m soát, Giám c và ng i i u hành doanh nghi p khác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình,

kiểm soát và giám sát cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, mặt cách trung thực, công bằng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột quy định

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người đại diện hành doanh nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và nhân viên có liên quan của các thành viên này chỉ được cung cấp thông tin có liên quan về mình phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các giao dịch của Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm giữ ít nhất 50% vốn điều lệ và chính quyền địa phương có liên quan của tất cả các giao dịch theo quy định của pháp luật. Trong các giao dịch nêu trên do Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin và các quy định này theo quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được vi phạm quy định về giao dịch mang lợi ích cho thành viên có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và nhân viên có liên quan của các giao dịch này không được tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch của Công ty vì mặt (01) hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người đại diện khác và các cá nhân, tất cả có liên quan đến các giao dịch này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Trong các giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân viên điều hành quản lý của công ty hoặc giao dịch công nghệ các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người đại diện khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị thông qua bảng kê chi phí đầu tư thành lập nhân viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b. Trong các giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị ít nhất 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân viên điều hành quản lý của công ty và giao dịch công nghệ này công nghệ nhân viên điều hành và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người đại diện khác đã được công bố cho các công đồng và Hội đồng quản trị thông qua bảng kê chi phí đầu tư của các công đồng không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thi hành và bị thanh lý

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác vì phạm pháp, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình vì sơ suất và năng lực chuyên môn phù hợp chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bị thanh lý cho những người, ông hoặc cô có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó hoặc cô là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là người đi nhận Công ty quy định hoặc người đó hoặc cô làm theo yêu cầu của Công ty với cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc người đi nhận theo quy định của Công ty với người khởi kiện người đó hoặc cô hành động trung thực, cẩn trọng, miễn trách vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác định rằng người đó hoặc cô vì phạm những trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bị thanh lý bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong suốt hoặc coi là hợp lý khi ghi quy định về chi phí này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này tránh những trách nhiệm bị thanh lý nêu trên.

XI. QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty thông có quy định về sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a. Công ty thông có quy định xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách công ty thông có quy định về quy định; yêu cầu sử dụng thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chép điều lệ công ty, biên bản họp hội đồng và nghị quyết hội đồng công ty;
 - b. Công ty hoặc nhóm công ty sở hữu 05% tổng số phần trăm thông tin lên có quy định xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp người đi nhận quy định của công ty và nhóm công ty yêu cầu tra cứu sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy quy định của công ty và nhóm công ty mà người đi nhận hoặc cô bên sao công chứng của giấy quy định này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có quy định kiểm tra sổ đăng ký công ty của Công ty, danh sách công ty và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mối liên quan tới công việc của mình với người khởi kiện các thông tin này phù hợp với nội dung.

4. Công ty phải lưu giữ hồ sơ này và những bản sao bổ sung hồ sơ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quy định của tài sản, nghị quyết Hội đồng và Hội đồng quản trị, biên bản họp Hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tài chính hoặc mặt khác vì điều kiện là các công đồng và Cơ quan đăng ký kinh doanh công thông báo và điều lệ của các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải công bố trên trang thông tin internet của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho nghỉ việc, thôi việc, bổ nhiệm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật việc nghỉ việc và nghỉ việc hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, những thông lệ và chính sách quy định về điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Hội đồng quản trị quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm tối thiểu cho các cổ đông của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể quyết định Hội đồng quản trị thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quy định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu của chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền mặt Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông có không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức bằng cổ phiếu và cổ phiếu niêm yết/ng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
5. Các Chủ thể Doanh nghiệp, Chủ thể Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định mặt ngày thanh toán danh sách cổ đông. Các chủ thể theo ngày đó, những người đăng ký với các cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác của quy định này, lãi suất, phân phối lợi nhuận, những cổ phiếu, những thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n c th c hi n theo quy nh c a pháp lu t.

XIV. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, N M TÀI CHÍNH VÀ CH K TOÁN

i u 47. Tài kho n ngân hàng

1. Công ty m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.
2. Theo s ch p thu n tr c c a c quan có th m quy n, trong tr ng h p c n thi t, Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.
3. Công ty ti n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n ti n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 48. N m tài chính

N m tài chính c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng 01 hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p ó.

i u 49. Ch k toán

1. Ch k toán Công ty s d ng là Ch K toán Vi t Nam (VAS), ch k toán doanh nghi p ho c ch k toán c thù c c quan có th m quy n ban hành khác c B Tài chính ch p thu n.
2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t và l u gi h s k toán theo quy nh pháp lu t v k toán và pháp lu t liên quan. Nh ng h s này ph i chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.
3. Công ty s d ng n v ti n t trong k toán là ng Vi t Nam. Tr ng h p Công ty có các nghi p v kinh t phát sinh ch y u b ng m t lo i ngo i t thì c t ch n ngo i t ó làm n v ti n t trong k toán, ch u trách nhi m v l a ch n ó tr c pháp lu t và thông báo cho c quan qu n lý thu tr c t i p.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO TH NG NIÊN VÀ TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN

i u 50. Báo cáo tài chính n m, bán niên và quý

1. Công ty ph i l p báo cáo tài chính n m và báo cáo tài chính n m ph i c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t. Công ty công b báo cáo tài chính n m ã c ki m toán theo quy nh c a pháp lu t v công b thông tin trên tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n.
2. Báo cáo tài chính n m ph i bao g m y các báo cáo, ph l c, thuy t minh theo quy nh pháp lu t v k toán doanh nghi p. Báo cáo tài chính n m ph i ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình ho t ng c a Công ty.

3. Công ty ph i l p và công b các báo cáo tài chính bán niên ã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy nh pháp lu t v công b thông tin trên th tr ng ch ng khoán và n p cho c quan nhà n c có th m quy n.

i u 51. Báo cáo th ng niên

Công ty ph i l p và công b Báo cáo th ng niên theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

XVI. KI M TOÁN CÔNG TY

i u 52. Ki m toán

1. i h i ng c ông th ng niên ch nh m t công ty ki m toán c l p ho c thông qua danh sách các Công ty ki m toán c l p và y quy n cho H i ng qu n tr quy t nh l a ch n m t trong s các n v này ti n hành ki m toán báo cáo tài chính c a Công ty cho n m tài chính ti p theo d a trên nh ng i u kho n và i u ki n th a thu n v i H i ng qu n tr .
2. Báo cáo ki m toán c ính kèm báo cáo tài chính n m c a Công ty.

XVII. D U C A CÔNG TY

i u 53. D u c a Công ty

1. D u bao g m d u c làm t i c s kh c d u ho c d u d i hình th c ch ký s theo quy nh c a pháp lu t v giao d ch i n t .
2. H i ng qu n tr quy t nh lo i d u, s l ng, hình th c và n i dung d u c a Công ty, chi nhánh, v n phòng i di n c a Công ty (n u có).
3. H i ng qu n tr , Giám c s d ng và qu n lý d u theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

XVIII. GI I TH CÔNG TY

i u 54. Gi i th Công ty

1. Công ty có th b gi i th trong nh ng tr ng h p sau:
 - a. K t thúc th i h n ho t ng ã ghi trong i u l công ty mà không có quy t nh gia h n ;
 - b. Theo ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông;
 - c. B thu h i Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, tr tr ng h p Lu t Qu n lý thu có quy nh khác;
 - d. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t.
2. Vi c gi i th Công ty tr c th i h n (k c th i h n ã gia h n) do i h i ng c ông quy t nh, H i ng qu n tr th c hi n. Quy t nh gi i th này ph i c thông báo ho c ph i c ch p thu n b i c quan có th m quy n (n u b t bu c) theo quy nh.

i u 55. Gia h n ho t ng

1. H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông ít nh t b y (07) tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c ông có th bi u quy t v vi c gia h n ho t ng c a Công ty theo ngh c a H i ng qu n tr .

2. Thời hạn hoạt động của gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quyền có mặt tại cuộc họp đại diện công đồng thông qua.

Điều 56. Thành lý

1. Thời gian sáu (06) tháng kể từ khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quy định ghi trong Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thành lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do đại diện công đồng chọn và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chọn từ thành viên Công ty kế toán độc lập. Ban thành lý chịu trách nhiệm các quy định hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thành lý có thể là thành viên trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thành lý của Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản khác của Công ty.
2. Ban thành lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ khi đó, Ban thành lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thành lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu của tất cả thành lý của thành toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thành lý;
 - b. Các khoản nợ, trừ nợ thuế, bảo hiểm xã hội và các quy định khác của người lao động theo thỏa thuận và hợp đồng lao động ký kết.
 - c. Nợ thu;
 - d. Các khoản khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ nêu trên (a) và (d) trên đây chia cho các công đồng. Các công đồng ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khi xảy ra liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các công đồng theo quy định trong Điều lệ doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định khác:
 - a. Công đồng của Công ty;
 - b. Công đồng của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người đại diện hành khác.

Các bên liên quan có thể giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ vì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từ bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào có thể yêu cầu Ban kiểm soát chọn một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không tuân theo quy định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần thì khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quy định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp ra Trường tài phán hoặc Tòa án kinh tế.
3. Các bên chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thanh lý và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬ DỤNG

Điều 58. Bổ sung và sửa đổi

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Hội đồng Công ty xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có nghị quyết của pháp luật có liên quan nội dung của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có nghị quyết nhằm mục đích pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì nghị quyết của pháp luật đó sẽ ưu tiên được áp dụng và điều chỉnh nội dung của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực và quá trình sửa đổi bổ sung

1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương và 59 điều được Hội đồng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam B nhất trí thông qua ngày tháng 06 năm 2021 tại Hội đồng thành viên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
3. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Chữ ký và ghi danh pháp luật của Công ty

Họ và tên: Lê Quốc Thuận - Chức vụ: Giám đốc Công ty

Chữ ký:

**TM. HỘI ĐỒNG CÔNG TY
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Hùng

QUY CH B U C
THÀNH VIÊN H I NG QU N TR VÀ BAN KI M SOÁT
Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B

- C n c Lu t doanh nghi p 2020 s 59/2020/QH14 ã c Qu c h i khóa 14 n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- C n c i u l Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B .

i h i ng c ông th ng niên n m 2021 c a Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B (PVFCCo SE) ti n hành b u c thành viên H i ng qu n tr và thành viên Ban ki m soát (nhi m k 2021 - 2026) theo các n i dung nh sau:

i u 1: i t ng th c hi n b u c :

C ông s h u c ph n có quy n bi u quy t và i di n theo y quy n c a c ông s h u c ph n có quy n bi u quy t (theo danh sách c ông Công ty do Trung tâm l u ký ch ng khoán ch t ngày 25/05/2021) có m t t i i h i.

i u 2: Nguyên t c b u c :

- m b o tuân th các quy nh c a pháp lu t, i u l công ty; m b o dân ch , công b ng.
- B u c tr c t i p b ng ph ng th c b u d n phi u.

i u 3: M i c ông ho c i di n c ông tham d có m t t i c u c h p i h i ng c ông vào th i i m b u c có s phi u b u b ng s c ph n có quy n bi u quy t **nhân (x)** v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr ho c Ban Ki m soát và c ông có quy n d n h t t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên.

Ví d :

- **B u thành viên H i ng qu n tr :**

C ông s h u 1.000 c ph n khi tham gia b u c ch n ra 03 thành viên cho H QT s có t ng s phi u bi u quy t t ng ng là $1.000 \times 3 = 3.000$ c ph n. C ông có th b u cho c ông A 1.000 c ph n, c ông B 1.000 c ph n, c ông C 1.000 c ph n; ho c có th b u cho c ông A 2.000 c ph n, c ông B 1.000 c ph n; ho c có th b u d n h t cho c ông C 3.000 c ph n.

- **B u thành viên Ban ki m soát:**

C ông s h u 1.000 c ph n khi tham gia b u c ch n ra 03 thành viên cho BKS s có t ng s phi u bi u quy t t ng ng là $1.000 \times 3 = 3.000$ c ph n. C ông có th b u cho c ông A 1.000 c ph n, c ông B 1.000 c ph n, c ông C 1.000 c ph n; ho c có th b u cho c ông A 2.000 c ph n, c ông B 1.000 c ph n; ho c có th b u d n h t cho c ông C 3.000 c ph n.

- i u 4:** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 03 người (trong đó có ít nhất là 01 thành viên độc lập HĐQT) và Ban kiểm soát là 03 người.
- i u 5:** Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được lập trên cơ sở các cá nhân công hoặc cá nhân công. Vì vậy, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thành lập theo Quy định của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.
- i u 6:** Mọi công việc phát hành phiếu thành viên Hội đồng quản trị và phiếu thành viên Ban Kiểm soát. Phiếu có ghi số tên công, mã số công, số phiếu có quy định quy tắc mà công sử dụng hoặc đi kèm và danh sách các thành viên bỏ vào thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát (xếp theo thứ tự ABC). Công, đi kèm công khi nhận phiếu phải kiểm tra mã số và số phiếu có quy định quy tắc ghi trên phiếu, nếu có sai sót thì phải thông báo cho toàn Chủ tịch hoặc Thủ quỹ để xử lý và kiểm tra phiếu. Khi tiến hành bỏ phiếu, mỗi phiếu thành viên Hội đồng quản trị tối đa là 03 người, số thành viên Ban kiểm soát tối đa là 03 người.
- i u 7:** Những phiếu sau đây được xem là không hợp lệ và không có giá trị bỏ phiếu:
- Phiếu không phải do Ban chấp hành và kiểm soát phát hành, không có đóng dấu của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Đuối Khí Công Nam Bình.
 - Phiếu có dấu tẩy, sai lệch (trường hợp viết sai phiếu liệt kê phiếu mới và hủy phiếu cũ).
 - Phiếu có số người bỏ phiếu vượt quá tối đa theo quy định.
 - Phiếu có thông số phiếu bỏ phiếu cao hơn thông số phiếu có quy định bỏ phiếu.
 - Phiếu được ghi bởi các thành viên.
 - Phiếu có tên người ngoài danh sách công và công đã ghi thông qua.
 - Phiếu không có chữ ký của công hoặc người ủy quyền.
- i u 8:** Việc thực hiện bỏ phiếu do Ban chấp hành và kiểm soát thực hiện. Việc kiểm soát phiếu phải thực hiện ngay sau khi cuộc họp kết thúc. Sau đó, Ban chấp hành và kiểm soát lập Biên bản kiểm soát và công bố công khai kết quả kiểm soát cho toàn thể hội đồng.
- i u 9:** Người trúng thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bỏ phiếu tính toán cao nhất, bất luận các thành viên có số phiếu bỏ phiếu cao nhất cho đến khi số thành viên quy định của công ty. Trường hợp có hai thành viên trở lên cùng số phiếu bỏ phiếu nhau mà phải chọn số người trúng ít hơn thì việc chọn người trúng theo nguyên tắc sau: thành viên nào được công bố công/nhóm công nhân mà số phiếu cao nhất là thành viên trúng.
- i u 10:** Công bố kết quả kiểm soát:
- Ban chấp hành và kiểm soát lập Biên bản kiểm soát, Trường chấp hành Báo cáo kết quả kiểm soát để ghi.

- Ch t a i h i tuyên b nh ng ng c viên trúng c vào v trí thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát và tuyên b các ng c viên này ã c l a ch n m t cách h p l .

Khi b u c xong, Ban b u c và ki m phi u ph i niêm phong và l u gi phi u t i tr s chính c a Công ty. Tr ng h p có v n c n ki m tra l i, ph i có i di n Ban ki m soát, i di n c ông khi m niêm phong và thông qua b ng v n b n l u gi .

**TM. H I NG QU N TR
CH T CH**

**QUY NH C , NG C
THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT
CÔNG TY C PH N PHÂN BÓN VÀ HÓA CH T D U KHÍ
ÔNG NAM B (PVFCCo SE)**

C n c Lu t Doanh nghi p 2020 s 59/2020/QH14, i u l Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B (PVFCCo SE), Ban t ch c i h i ng c ông kính trình i h i ng c ông thông qua Quy nh c , ng c thành viên H i ng qu n tr , Ban Ki m soát nhi m k 2021 - 2026 nh sau:

I. H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H QT: 03 ng i (trong ó có 01 thành viên c l p H QT).
2. Nhi m k : 05 n m.
3. Tiêu chu n và i u ki n tr thành Thành viên H i ng qu n tr Công ty.
 - 3.1 i u ki n và tiêu chu n thành viên H QT.
 - Có n ng l c hành vi dân s y , không thu c i t ng không c qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p;
 - Có trình chuyên môn, kinh nghi m trong qu n tr kinh doanh ho c trong l nh v c, ngành, ngh kinh doanh c a Công ty;
 - Có s c kh e, có ph m ch t o c t t, trung th c, liêm khi t và có hi u bi t v pháp lu t;
 - Thành viên H i ng qu n tr không c là ng i có quan h gia ình c a Giám c và ng i qu n lý khác c a công ty; c a ng i qu n lý, ng i có th m quy n b nhi m ng i qu n lý Công ty m .
 - 3.2 i u ki n và tiêu chu n thành viên c l p H QT.
 - Không ph i là ng i ang làm vi c cho Công ty, Công ty m ; không ph i là ng i ã t ng làm vi c cho Công ty, Công ty m c a công ty ít nh t trong 03 n m li n tr c ó;
 - Không ph i là ng i ang h ng l ng, thù lao t Công ty, tr các kho n ph c p mà thành viên H i ng qu n tr c h ng theo quy nh;
 - Không ph i là ng i có v ho c ch ng, b , b nuôi, m , m nuôi, con , con nuôi, anh ru t, ch ru t, em ru t là c ông l n c a Công ty; là ng i qu n lý c a Công ty;
 - Không ph i là ng i tr c ti p ho c gián ti p s h u ít nh t 01% t ng s c ph n có quy n bi u quy t c a Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp đặc biệt liên tục 02 nhiệm kỳ.

4. Điều kiện khác, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Người ứng cử hoặc các ứng cử viên vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên HĐQT tối thiểu 3 quy định này và các điều kiện khác / các sau đây:

- Người ứng cử là công dân Việt Nam có phẩm giá ít nhất 10% tổng số phần vốn góp quy định của Công ty tính tới thời điểm chốt danh sách công ty có quyền đăng ký HCTH năm 2021.
- Người ứng cử khác phải là công dân/nhóm công dân ít nhất 10% tổng số phần vốn góp của Công ty tính tới thời điểm chốt danh sách công ty có quyền đăng ký HCTH năm 2021.
- Người ứng cử và các ứng cử viên (sau đây gọi chung là ứng cử viên) phải ghi rõ họ tên và ứng cử theo quy định.

II. Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên BKS : 03 người.
2. Nhiệm kỳ : 05 năm.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện trở thành Thành viên Ban kiểm soát.
 - Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện mất năng lực hành vi dân sự làm Thành viên BKS theo quy định của Luật doanh nghiệp;
 - Có chuyên môn trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Không phải là người làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán công lập hoặc kế toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - Không phải là người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là công nhân hoặc người lao động của công ty.

4. Điều kiện khác, các thành viên Ban kiểm soát Công ty

Người ứng cử hoặc các ứng cử viên vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện thành viên BKS và các điều kiện khác / các sau đây:

- Người ứng cử là công dân Việt Nam có phẩm giá ít nhất 10% tổng số phần vốn góp quy định của Công ty tính tới thời điểm chốt danh sách công ty có quyền đăng ký HCTH năm 2021.
- Người ứng cử khác phải là công dân/nhóm công dân ít nhất 10% tổng số phần vốn góp của Công ty tính tới thời điểm chốt danh sách công ty có quyền đăng ký HCTH năm 2021.

- Ng i t ng c và c c (sau ây g i chung là ng c viên) ph i g i h s ng c h pl và úng h n theo quy nh.

III. H s c , ng c

- n ng c tham gia H QT ho c BKS, có n i dung cam k t c a ng c viên th c hi n nhi m v thành viên H QT, BKS m t cách trung th c n u c b u vào H QT, BKS (theo m u ính kèm);
- S y u lý l ch do ng c viên t khai (theo m u ính kèm);
- Gi y xác nh n s c ph n mà c ông (n u t ng c) ho c c ông, nhóm c ông (n u c) s h u ho c gi y t t ng ng c a Công ty Ch ng khoán n i (nhóm) c ông ó m tài kho n ho c c a Trung tâm L u ký Ch ng khoán Vi t Nam (tính t i th i i m ch t Danh sách c ông cho m c ích c a cu c h p H C);
- Biên b n h p nhóm + Danh sách nhóm c ông (tr ng h p ng viên c nhóm c ông c);
- B n sao có công ch ng: Ch ng minh nhân dân/H chi u/CCCD, h kh u th ng trú, các b ng c p trình chuyên môn.

IV. Th i gian, a i m g i h s ng c

1. Th i h ng i h s

thông báo thông tin ng c viên n các c ông theo quy nh c a pháp lu t, ng th i giúp cho Ban T ch c k p th i l p danh sách ng c viên, tri n khai các công tác chu n b b u c , ngh quý c ông g i h s c , ng c tr c tr c ngày t ch c h p H C ít nh t 10 ngày làm vi c.

2. a i m g i h s

- H s c , ng c c n p tr c t i p h o c g i qua th b o m v tr s chính c a Công ty, trong phong bì dán kín và bên ngoài bì th ghi rõ là H s ng c , c thành viên H QT ho c thành viên BKS. a ch nh n h s : Ban T ch c i h i ng c ông, Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B , S 27, ình B L nh, Ph ng 24, Qu n Bình Th nh, Thành ph H Chí Minh - i n tho i: (028) 35 111 999 - Fax: (028) 35 111 666.
- Tr ng h p Quý c ông c n liên h v i Ban T ch c trao i, làm rõ nh ng thông tin liên quan, xin vui lòng liên h v i ông Nguy n Ti n S , Phó Giám c Công ty - Tr ng Ban T ch c i h i ng c ông PVFCCo SE 2021 - i n tho i (028) 35 111 999 (máy l 668) - i n tho i đi ng: 0907135755 - Email: ntsy@pvfcco.com.vn.

V. Nguyên t c l a ch n ng c viên

- Trên c s danh sách c , ng c c a các c ông, Ban t ch c i h i s l a ch n t i a 04 ng c viên H QT và t i a 04 ng c viên BKS có s c ph n có quy n bi u quy t c cao nh t và áp ng các tiêu chu n c quy nh t i Quy ch c , ng c này;
- H t th i h n nh n h s , n u c ông không c , ng c s l ng ho c ng c viên không m b o tiêu chu n và i u ki n theo quy nh, H QT/BKS ng nhi m có th c thêm ng c viên theo c ch nh sau:

- + Ứng viên m b o áp ứng t t c các tiêu chu n và i u ki n c a thành viên H QT/BKS.
- + Ứng viên ph i có y h s ứng c .
- Ch nh ứng h s c , ứng c áp ứng i u ki n c , ứng c và nh ứng ứng c viên áp ứng i u ki n t ứng ứng c a thành viên H QT, BKS m i c a vào danh sách ứng c viên công b t i i h i ứng c ông;
- Danh sách ứng c viên h p l ph i c H C thông qua t i phiên h p H C tr c khi t i n hành b u c . Vi c bi u quy t thông qua danh sách ứng c viên t i n hành b ng bi u quy t gi tay.

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2021.

T TRÌNH

V/v: thông qua Báo cáo tài chính 2020; Phân bổ án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch năm 2021; Báo cáo thù lao, lương và các lợi ích khác của HĐQT, BKS năm 2020 và Kế hoạch năm 2021.

- Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dukhí Ông Nam B (sau đây, bổ sung) chính thức công bố thông qua ngày 16/04/2018.
- Công báo vào kết quả kinh doanh năm 2020 đã kiểm toán, Hội đồng quản trị (HĐT) kính trình Hội đồng (HĐ) nội dung sau:
 1. Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán. (đã công bố ngày 29/03/2021).
 2. Phân bổ án phân phối lợi nhuận năm 2020 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 (theo phụ lục đính kèm).
 3. Báo cáo thù lao, lương và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 (theo phụ lục đính kèm).

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHÍNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ
ĐÔNG NAM BỘ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 20



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

Số 27 Đinh Bộ Lĩnh, phường 24, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Đức Thuận	Thành viên
Ông Đặng Hữu Thắng	Thành viên
Ông Lê Quang Thành	Thành viên
Ông Trịnh Văn Chương	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Thuận	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sĩ	Phó Giám đốc
Ông Trịnh Văn Chương	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Đức Thuận
Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 3 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đào Thái Thịnh
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2018-001-1
CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM
Ngày 29 tháng 3 năm 2021
Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Phan Thị Hồng Nhung
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 4310-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		228.458.210.637	220.582.839.243
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		52.780.643.800	65.737.319.709
1. Tiền	111	4	52.780.643.800	65.737.319.709
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.788.581.428	68.911.429.583
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	83.062.098.099	68.534.329.583
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	32.726.483.329	305.100.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	72.000.000
III. Hàng tồn kho	140	7	59.875.266.766	85.931.245.685
1. Hàng tồn kho	141		59.875.266.766	87.779.862.954
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(1.848.617.269)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.718.643	2.844.266
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	13.718.643	2.844.266
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.250.732.626	25.456.299.883
I. Tài sản cố định	220		20.646.971.146	23.974.757.785
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	5.674.626.551	8.414.161.796
- Nguyên giá	222		35.993.934.043	35.435.455.280
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.319.307.492)	(27.021.293.484)
2. Tài sản vô hình	227	10	14.972.344.595	15.560.595.989
- Nguyên giá	228		20.207.827.000	20.207.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.235.482.405)	(4.647.231.011)
II. Tài sản dài hạn khác	260		1.603.761.480	1.481.542.098
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.603.761.480	1.481.542.098
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)			250.708.943.263	246.039.139.126

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		95.785.146.430		89.809.444.193	
I. Nợ ngắn hạn	310		95.785.146.430		89.809.444.193	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	14.436.054.423		54.088.641.479	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	72.768.263.030		24.040.021.086	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.440.198.441		1.814.035.073	
4. Phải trả người lao động	314		4.553.569.907		7.289.518.355	
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	1.280.717.603		1.031.035.780	
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.306.343.026		1.546.192.420	
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.923.796.833		156.229.694.933	
I. Vốn chủ sở hữu	410	15	154.923.796.833		156.229.694.933	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		125.000.000.000		125.000.000.000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		125.000.000.000		125.000.000.000	
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		15.787.129.314		15.787.129.314	
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.136.667.519		15.442.565.619	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		5.442.565.619		6.953.615.411	
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.694.101.900		8.488.950.208	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		250.708.943.263		246.039.139.126	


Trần Hữu Long
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết		Năm nay	Năm trước (Phân loại lại)
	Mã số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.861.390.254.688	1.941.733.128.416
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		28.218.586.926	17.534.753.916
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10	18	1.833.171.667.762	1.924.198.374.500
4. Giá vốn hàng bán	11	19	1.771.871.753.675	1.860.204.485.566
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		61.299.914.087	63.993.888.934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		361.531.452	464.533.546
7. Chi phí tài chính	22		1.257.016.349	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		730.037.290	-
8. Chi phí bán hàng	25	21	35.558.884.686	35.651.027.898
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	19.468.618.968	21.643.975.954
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-(22+25+26))	30		5.376.925.536	7.163.418.628
11. Thu nhập khác	31	22	9.072.382.046	6.651.607.843
12. Chi phí khác	32		102.926.462	61.240.537
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=31-32)	40		8.969.455.584	6.590.367.306
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.346.381.120	13.753.785.934
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	3.086.820.768	2.864.249.571
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		11.259.560.352	10.889.536.363
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	696	679


Trần Hữu Long
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng


Lê Đức Thuận
Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	14.346.381.120	13.753.785.934
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.886.265.402	4.053.186.845
Các khoản dự phòng	03	(1.848.617.269)	1.848.617.269
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(861.531.452)	(464.533.546)
Chi phí lãi vay	06	730.037.290	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	16.252.535.091	19.191.056.502
Thay đổi các khoản phải thu	09	(46.877.151.845)	31.832.661.748
Thay đổi hàng tồn kho	10	27.904.596.188	23.446.672.149
Thay đổi các khoản phải trả	11	6.191.754.254	(102.716.932.742)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(133.093.759)	1.643.990.290
Tiền lãi vay đã trả	14	(730.037.290)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.284.775.391)	(2.914.964.972)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.805.307.846)	(3.194.755.488)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.481.480.598)	(32.712.272.513)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm TSCĐ	21	(58.478.763)	(122.988.500)
2. Tiền thu lãi tiền gửi	27	361.531.452	528.533.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	303.052.689	405.545.046
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(9.778.248.000)	(9.787.003.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.778.248.000)	(9.787.003.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(12.956.675.909)	(42.093.730.467)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	65.737.319.709	107.831.050.176
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60)	70	52.780.643.800	65.737.319.709


Trần Hữu Long
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng




Lê Đức Thuận
Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (“Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội từ ngày 18 tháng 3 năm 2015 với mã chứng khoán là PSE.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 67 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 73 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón và sản phẩm hóa chất.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Đại dịch Covid-19 đang gây ra suy thoái kinh tế và tác động xấu cho hầu hết các doanh nghiệp trong nhiều ngành. Ban Giám đốc đã đánh giá tác động của Covid-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, cũng như theo sát các chính sách hỗ trợ của Chính phủ để có biện pháp phù hợp nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với hoạt động của Công ty trong năm. Ban Giám đốc vẫn liên tục theo dõi những diễn biến liên quan đến Covid-19 và đánh giá rằng đại dịch Covid-19 không ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu năm nay cho khoản mục chi phí bán hàng và thu nhập khác tại thuyết minh số 27 bên dưới.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và chi phí liên quan, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 10
Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3 - 9

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính là 8 năm.

Thuê hoạt động

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước ngắn hạn chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở xuống. Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng, biển hiệu đại lý và các chi phí khác có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu phản ánh số chiết khấu thương mại cho người mua do khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau: Khoản chiết khấu thương mại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh chiết khấu thương mại được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- + Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau phải phải chiết khấu thương mại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, Công ty coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước).
- + Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải chiết khấu thương mại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	10.898.510	46.257.450
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.768.745.290	61.334.844.909
Tiền đang chuyển	1.000.000	4.356.217.350
	52.780.643.800	65.737.319.709

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	79.646.423.904	63.337.178.017
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	22.273.315.663	7.611.099.966
Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	12.263.497.608	8.659.065.495
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	10.672.069.837	6.234.500.000
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	10.592.132.269	15.533.550.000
Công ty TNHH SXTM DV XNK Tân Trí Phát	6.893.061.548	6.097.422.948
Công ty TNHH Hoàn Thiện	4.175.804.300	3.836.095.375
Công ty TNHH Như Linh	3.885.059.625	6.493.748.500
Công ty TNHH Đăng Việt Phụng	2.338.850.000	2.555.799.853
Công ty TNHH Minh Trung	-	1.577.787.590
Các khách hàng khác	6.552.633.054	4.738.108.290
Phải thu từ khách hàng là bên liên quan (Thuyết minh số 25)	3.415.674.195	5.197.151.566
	83.062.098.099	68.534.329.583

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	6.897.008.041	305.100.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thiệu Yên Thanh Hoá	6.854.400.000	-
Các khách hàng khác	42.608.041	305.100.000
Trả trước cho người bán là bên liên quan (Thuyết minh số 25)	25.829.475.288	-
	32.726.483.329	305.100.000

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ dụng cụ	160.160.000	-	-	-
Hàng hoá	59.715.106.766	-	87.779.862.954	(1.848.617.269)
	59.875.266.766	-	87.779.862.954	(1.848.617.269)

Trong năm, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 1.848.617.269 đồng (năm 2019: trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền 1.848.617.269 đồng).

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ	13.718.643	2.844.266
	13.718.643	2.844.266
b. Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng	390.820.761	647.039.771
- Chi phí biển hiệu đại lý	970.960.691	563.579.893
- Chi phí trả trước dài hạn khác	241.980.028	270.922.434
	1.603.761.480	1.481.542.098

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	28.200.720.133	128.128.000	5.064.728.547	2.041.878.600	35.435.455.280
Tăng trong năm (*)	-	-	558.478.763	-	558.478.763
Số dư cuối năm	28.200.720.133	128.128.000	5.623.207.310	2.041.878.600	35.993.934.043
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	20.958.908.623	85.477.169	4.274.822.268	1.702.085.424	27.021.293.484
Khấu hao trong năm	2.820.994.284	21.354.666	378.761.972	76.903.086	3.298.014.008
Số dư cuối năm	23.779.902.907	106.831.835	4.653.584.240	1.778.988.510	30.319.307.492
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	7.241.811.510	42.650.831	789.906.279	339.793.176	8.414.161.796
Tại ngày cuối năm	4.420.817.226	21.296.165	969.623.070	262.890.090	5.674.626.551

(*) Thể hiện khoản xe ô tô nhận được từ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần theo chương trình khuyến mại “Khuyến khích bán hàng Kali Phú Mỹ” tháng 9 năm 2020.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.851.918.147 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 3.559.464.765 đồng).

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm và cuối năm	20.152.577.000	55.250.000	20.207.827.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	4.591.981.011	55.250.000	4.647.231.011
Khấu hao trong năm	588.251.394	-	588.251.394
Số dư cuối năm	5.180.232.405	55.250.000	5.235.482.405
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	15.560.595.989	-	15.560.595.989
Tại ngày cuối năm	14.972.344.595	-	14.972.344.595

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 55.250.000 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 55.250.000 đồng).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải trả người bán		
Baker Hughes Asia Pacific LTD - Baker Petrolite Division	1.264.150.990	1.264.150.990
Công ty TNHH Quảng cáo Song Hành	1.528.143.779	997.294.415
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Gia công Tâm Minh Tuấn	1.210.000.000	1.210.000.000
Các nhà cung cấp khác	2.073.784.654	1.612.426.354
	6.076.079.423	5.083.871.759
b. Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	8.359.975.000	49.004.769.720
	14.436.054.423	54.088.641.479

12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Bên thứ ba		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Phân bón Tuấn Vũ	40.040.650.500	4.119.266.328
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kim Ngoan	27.415.175.000	1.579.400.263
Công ty Cổ phần Hoa Nam	2.531.200.000	494.029.375
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Minh Dũng	-	10.273.250.000
Công ty TNHH Thủy Minh Khoa	-	7.232.832.981
Các khách hàng khác	2.676.687.530	341.242.139
	72.663.713.030	24.040.021.086
b. Bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 25)	104.550.000	-
	72.768.263.030	24.040.021.086

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng	279.567.184	722.399.513	884.306.518	117.660.179
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.367.633.312	3.086.820.768	3.284.775.391	1.169.678.689
Thuế thu nhập cá nhân	166.834.577	1.534.001.516	1.547.976.520	152.859.573
Các loại thuế khác	-	33.535.361	33.535.361	-
	1.814.035.073	5.376.757.158	5.750.593.790	1.440.198.441

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền cổ tức phải trả	872.886.600	651.134.600
Phải trả, phải nộp khác	407.831.003	379.901.180
	1.280.717.603	1.031.035.780

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng Cộng VND
Số dư đầu năm trước	125.000.000.000	15.787.129.314	16.953.615.411	157.740.744.725
Lợi nhuận trong năm	-	-	10.889.536.363	10.889.536.363
Trích từ lợi nhuận	-	-	(2.400.586.155)	(2.400.586.155)
Chia cổ tức	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư đầu năm nay	125.000.000.000	15.787.129.314	15.442.565.619	156.229.694.933
Lợi nhuận trong năm	-	-	11.259.560.352	11.259.560.352
Trích từ lợi nhuận (i)	-	-	(2.565.458.452)	(2.565.458.452)
Chia cổ tức (ii)	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Số dư cuối năm này	125.000.000.000	15.787.129.314	14.136.667.519	154.923.796.833

(i) Trong năm, Công ty đã tiến hành tạm trích quỹ Khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 42/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 với số tiền là 2.565.458.452 đồng.

(ii) Cũng theo Nghị quyết trên, Công ty sẽ chi trả cổ tức năm 2019 cho Cổ đông Công ty với mức 8%/mệnh giá (800 đồng/cổ phiếu) theo Danh sách cổ đông chốt ngày 19 tháng 10 năm 2020. Theo đó, cổ tức năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt là 10.000.000.000 đồng.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.500.000	12.500.000
Cổ phiếu phổ thông	12.500.000	12.500.000

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ, chi tiết như sau:

	Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	93.750.000.000
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	31.250.000.000
	125.000.000.000	100%	125.000.000.000	125.000.000.000

16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Hàng hoá nhận giữ hộ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty nhận giữ hộ hàng hóa là phân bón các loại của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần và các đại lý với số lượng 7.459 tấn (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 8.945 tấn).

17. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng không đáng kể, theo đó thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19.

Trong năm, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

18. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu phân bón	1.843.116.210.000	1.922.565.644.122
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.274.044.688	19.167.484.294
	1.861.390.254.688	1.941.733.128.416
Chiết khấu thương mại	28.218.586.926	17.534.753.916
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.833.171.667.762	1.924.198.374.500
Doanh thu với các bên liên quan (Thuyết minh số 25)	20.917.569.208	18.821.506.712

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn phân bón	1.756.141.667.909	1.843.896.263.743
Giá vốn cung cấp dịch vụ	15.730.085.766	16.308.221.823
	1.771.871.753.675	1.860.204.485.566

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước (Phân loại lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.369.837.579	2.249.053.780
Chi phí nhân công	25.759.401.909	24.968.565.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.886.265.402	4.053.186.845
Chi phí dự phòng	-	1.848.617.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.902.736.874	20.823.396.601
Chi phí khác bằng tiền	11.046.510.065	9.328.667.595
	61.964.751.829	63.271.488.040

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước (Phân loại lại) VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên bán hàng	14.091.932.666	13.350.449.281
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	1.239.943.368	2.016.375.302
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.895.055.934	2.892.455.467
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.005.344.211	9.180.266.210
Các khoản chi phí bán hàng khác	10.326.608.507	8.211.481.638
	35.558.884.686	35.651.027.898
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên quản lý	10.194.486.249	10.399.064.419
Chi phí đồ dùng văn phòng	129.894.211	232.678.478
Chi phí khấu hao tài sản cố định	991.209.468	1.160.731.378
Thuế, phí và lệ phí	6.346.960	6.346.960
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.426.780.522	8.734.315.722
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	719.901.558	1.110.838.997
	19.468.618.968	21.643.975.954

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước (Phân loại lại) VND
Hàng biếu tặng	9.060.260.600	6.639.674.068
Khác	12.121.446	11.933.775
	9.072.382.046	6.651.607.843

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.007.145.304	2.864.249.571
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	79.675.464	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.086.820.768	2.864.249.571

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	14.346.381.120	13.753.785.934
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	689.345.399	567.461.922
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>689.345.399</i>	<i>567.461.922</i>
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	15.035.726.519	14.321.247.856
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	3.007.145.304	2.864.249.571

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại khác vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.259.560.352	10.889.536.363
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.565.458.452)	(2.400.586.155)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.694.101.900	8.488.950.208
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	12.500.000	12.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	696	679

25. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Chi nhánh của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần - Chi nhánh Kinh doanh Hóa chất Dầu khí	Các đơn vị cùng Tập đoàn
Các đơn vị là các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, đơn vị phụ thuộc của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Bán hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	14.845.760.183	16.113.662.518
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	3.380.362.775	2.707.844.194
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	2.690.400.000	-
Bán hàng cho công ty liên quan khác	1.046.250	-
	<u>20.917.569.208</u>	<u>18.821.506.712</u>
Mua hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.698.480.620.905	1.806.655.872.310
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	-	6.874.762.500
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa Chất Dầu Khí Miền Trung	-	890.000.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương tại Tp HCM	523.930.000	-
Khác	2.420.000	-
	<u>1.699.006.970.905</u>	<u>1.814.420.634.810</u>
Chi trả cổ tức		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	7.500.000.000	10.054.507.100
Thu nhập khác – hàng khuyến mại		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	9.060.260.600	6.639.674.068
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hội đồng quản trị		
Phạm Hùng	635.650.743	697.266.691
Đặng Hữu Thắng	48.000.000	48.000.000
Lê Quang Thành	48.000.000	48.000.000
Trịnh Văn Chương	48.000.000	48.000.000
Ban Giám đốc		
Lê Đức Thuận	640.606.743	707.242.142
Trịnh Văn Chương	514.092.252	548.917.805
Nguyễn Tiến Sĩ	581.141.755	630.426.428
	<u>2.515.491.493</u>	<u>2.727.853.066</u>

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.083.396.441	4.541.130.370
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	332.277.754	656.021.196
	3.415.674.195	5.197.151.566
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	25.829.475.288	-
Phải trả người bán		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	8.357.555.000	49.004.769.720
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.420.000	-
	8.359.975.000	49.004.769.720
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	104.550.000	-

26. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Lãi từ hoạt động đầu tư trong năm không bao gồm 500.000.000 đồng, là giá trị tài sản cố định nhận được từ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – Công ty Cổ phần theo chương trình khuyến mại, không thu tiền.

Tiền chi trả cổ tức trong năm không bao gồm 221.752.000 đồng, là cổ tức mà cổ đông chưa nhận tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 (năm 2019: 212.997.000 đồng). Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

27. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của năm trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh số liệu năm nay, cụ thể như sau:

	Mã số	Số đã báo cáo VND	Phân loại lại VND	Số sau phân loại lại VND
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Chi phí bán hàng	25	29.011.353.830	6.639.674.068	35.651.027.898
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	13.803.092.696	(6.639.674.068)	7.163.418.628
Thu nhập khác	31	11.933.775	6.639.674.068	6.651.607.843
Lợi nhuận khác	40	(49.306.762)	6.639.674.068	6.590.367.306

Trần Hữu Long
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Đạt
Kế toán trưởng

Lê Đức Thuận
Giám đốc

Ngày 29 tháng 3 năm 2021

PH L C I

PH NG ÁN PHÂN PH I L I NHU N N M 2020 VÀ K HO CH PHÂN PH I L I NHU N N M 2021

1. Ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2020:

STT	Ch tiêu	Công th c tính	Phân ph i l i nhu n n m 2020
1	L i nhu n n m tr c chuy n sang		5.442.565.619
2	L i nhu n sau thu 2020		11.259.560.352
3	Trích l p các qu t LNST 2020	(4= 3.1)	2.565.458.452
3.1	<i>Qu khen th ng, phúc l i</i>		2.565.458.452
4	L i nhu n n m 2020 sau khi trích l p các qu	(4=2-3)	8.694.101.900
5	Chia c t c	(5= 7% *10.000* 12.500.000 CP)	8.750.000.000
6	C t c trên m i c phi u (VN /CP)	(6 =5/12.500.000 cp)	700
7	L i nhu n chuy n sang n m 2020	(7=1+ 4 – 5)	5.386.667.519

D ki n, Công ty s th c hi n chi tr c t c b ng t i n là 07%/m nh giá (700 ng/c phi u). N u Ph ng án c thông qua s th c hi n chi c t c ngay sau H C th ng niên.

2. K ho ch phân ph i l i nhu n n m 2021:

- Chi c t c t l d ki n: 06%/ m nh giá c phi u.

- T l trích l p các qu t l i nhu n sau thu : 20% Qu khen th ng, phúc l i (t m trích).

Trong tr ng h p l i nhu n th c hi n n m 2021 v t l i nhu n k ho ch n m 2021 c H C giao, cho phép Công ty c trích b sung Qu khen th ng, phúc l i v i m c trích 10% trên s l i nhu n ã th c hi n v t k ho ch 2021.

H QT kính trình H C Công ty bi u quy t thông qua Ph ng án phân ph i l i nhu n n m 2020 và k ho ch phân ph i l i nhu n n m 2021.

TM. H I NG QU N TR
CH T CH

PH L C II
BÁO CÁO L NG, THÙ LAO VÀ L ÍCH KHÁC C A H I NG QU N TR ,
BAN KI M SOÁT N M 2020 VÀ K HO CH 2021

1. TÌNH HÌNH TH C HI N N M 2020:

- H i ng qu n tr (H QT): Bao g m 05 thành viên (01 Ch t ch H QT chuyên trách, 01 y viên H QT kiêm nhi m Giám c Công ty, 02 y viên H QT kiêm nhi m và 01 y viên H QT c l p);
- Ban ki m soát (BKS): Bao g m 03 thành viên BKS kiêm nhi m;
- Báo cáo t i n l ng, thù lao và l ích khác n m 2020, c th :

Stt	H và tên	Ch c danh	T i n l ng	Thù lao	Th ng t Qu khen th ng và phúc l i			L ích khác	T ng c ng	Ghi chú
					Th ng chung	Th ng BQL H	T ng th ng			
I. H i ng qu n tr :			1.579.834.122	144.000.000	129.021.826	-	129.021.826	20.160.000	1.873.015.948	
1	Ph m Hùng	Ch t ch H QT	787.439.061	-	64.510.913	-	64.510.913	10.080.000	862.029.974	
2	Lê c Thu n	UV. H QT kiêm Giám c	792.395.061	-	64.510.913	-	64.510.913	10.080.000	866.985.974	
3	Tr nh V n Ch ng	UV.H QT kiêm nhi m	-	48.000.000	-	-	-	-	48.000.000	
4	ng H u Th ng	UV. H QT kiêm nhi m	-	48.000.000	-	-	-	-	48.000.000	
5	Lê Quang Thành	UV. H QT c l p	-	48.000.000	-	-	-	-	48.000.000	

Stt	H và tên	Chức danh	Ti n l ng	Thù lao	Th ng t Qu khen th ng và phúc l i			L i ích khác	T ng c ng	Ghi chú
					Th ng chung	Th ng BQL H	T ng th ng			
II. Ban ki m soát:			-	102.000.000	-	-	-	-	102.000.000	
1	Ph m Hoài H ng	Tr ng BKS kiêm nhi m	-	42.000.000	-	-	-	-	42.000.000	
2	Lê Qu nh Chang	TV BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
3	Ph m Thành Long	TV BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
T NG C NG			1.579.834.122	246.000.000	129.021.826		129.021.826	20.160.000	1.975.015.948	

2. K HO CH N M 2021:

- H i ng qu n tr (H QT):

+ Tr c H C : Bao g m 05 thành viên (01 Ch t ch H QT chuyên trách, 01 y viên H QT kiêm nhi m Giám c Công ty, 02 y viên H QT kiêm nhi m và 01 y viên H QT c l p);

+ Sau H C : Bao g m 03 thành viên (01 Ch t ch H QT chuyên trách, 01 y viên H QT kiêm nhi m Giám c Công ty và 01 y viên H QT c l p);

- Ban ki m soát (BKS): Bao g m 03 thành viên BKS kiêm nhi m;

- K ho ch ti n l ng, thù lao và l i ích khác n m 2021, c th :

Stt	H và tên	Chức danh	Ti n l ng	Thù lao	Th ng t Qu khen th ng			L i ích khác	T ng c ng	Ghi chú
					Th ng chung	Th ng BQL H	T ng th ng			
I. H i ng qu n tr			1.639.911.000	96.000.000	128.000.000	-	128.000.000	20.160.000	1.884.071.000	

1	Ph m Hùng	Ch tch H QT	819.955.500	-	64.000.000	-	64.000.000	10.080.000	894.035.500	
2	Lê c Thu n	UV. H QT, kiêm Giám c	819.955.500	-	64.000.000	-	64.000.000	10.080.000	894.035.500	
3	Tr nh V n Ch ng	UV.H QT kiêm nhi m	-	24.000.000	-	-	-	-	24.000.000	
4	ng H u Th ng	UV. H QT kiêm nhi m	-	24.000.000	-	-	-	-	24.000.000	
5	Lê Quang Thành	UV. H QT c l p	-	48.000.000	-	-	-	-	48.000.000	
II. Ban ki m soát			-	102.000.000	-	-	-	-	102.000.000	
1	Ph m Hoài H ng	Tr ng BKS kiêm nhi m	-	42.000.000	-	-	-	-	42.000.000	
2	Lê Qu nh Chang	TV BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
3	Ph m Thành Long	TV BKS kiêm nhi m	-	30.000.000	-	-	-	-	30.000.000	
T NG C NG			1.639.911.000	198.000.000	128.000.000	-	128.000.000	20.160.000	1.986.071.000	

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 06 năm 2021.

T TRÌNH

Vấn đề thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ quản trị Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B

Kính gửi: Đồng nghiệp Công ty cổ phần
Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (LDN 2020); và Luật Kế toán số 54/2019/QH14 của Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (LCK 2019);
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn miễn thuế thu nhập công ty áp dụng đối với công ty chứng khoán và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;
- Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dư khí Ông Nam B;

Nhằm áp dụng quy định của Luật và Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế nội bộ quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình đồng nghiệp xem xét, thông qua Quy chế nội bộ quản trị Công ty như đính kèm.

Trân trọng!

N i nh n:

- H C ;
- L u VT, H QT.

**TM. H I NG QU N TR
CH T CH**

**QUY CH N I B V QU N TR
CÔNG TY C PH N PHÂN BÓN VÀ HOÁ CH T D U KHÍ
ÔNG NAM B**

*C n c Lu t Ch ng khoán ngày 26 tháng 11 n m 2019;
C n c Lu t Doanh nghi p ngày 17 tháng 6 n m 2020;
C n c Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính
ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
C n c Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a B tr ng
B Tài chính h ng d n m t s i u v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty
i chứng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a
Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
C n c i u l Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u Khí ông Nam B .
C n c Ngh quy t i h i ng c ông s ... ngày.. tháng 06 n m 2021.
H i ng qu n tr ban hành Quy ch n i b v qu n tr Công ty c ph n Phân
bón và Hóa ch t D u Khí ông Nam B .
Quy ch n i b v qu n tr công ty Công ty c ph n Công ty c ph n Phân bón
và Hóa ch t D u Khí ông Nam B bao g m các n i dung sau:*

**CH NG I
NH NG QUY NH CHUNG**

i u 1. Ph m vi i u ch nh và i t ng áp d ng

- 1.1. Ph m vi i u ch nh: Quy ch n i b v qu n tr Công ty quy nh các n i dung
v vai trò, quy n và ngh a v c a i h i ng c ông (H C), H i ng
qu n tr (H QT), Giám c; trình t , th t ch p i h i ng c ông; c ,
ng c , b u, mi n nhi m và b i nhi m thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m
soát (BKS), Giám c và các ho t ng khác theo quy nh t i i u l Công
ty và các quy nh hi n hành khác c a pháp lu t.
- 1.2. i t ng áp d ng: Quy ch này c áp d ng cho các thành viên H i ng
qu n tr , Ban ki m soát, Giám c và nh ng ng i liên quan.

i u 2. nh ngh a thu t ng

Tr khi c nh ngh a khác, các thu t ng áp d ng trong Quy ch này c ng
có ngh a nh c nh ngh a trong i u l Công ty ho c trong Lu t Doanh
nghi p, Lu t Ch ng khoán và các v n b n pháp lu t liên quan.

**CH NG II
I H I NG C ÔNG**

i u 3. Vai trò, quy n và ngh a v c a i h i ng c ông

i h i ng c ông g m t t c các c ông có quy n bi u quy t, là c quan

có thẩm quyền cao nhất của công ty, có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người quản lý

1. Người có thẩm quyền quản lý.
 - a. Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - b. Ban Kiểm soát Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp Hội đồng quản trị không thực hiện quyền của Hội đồng quản trị Công ty mà Hội đồng quản trị không thực hiện;
 - c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty và các thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp có công nhân viên chiếm 5% tổng số phiếu thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty mà Hội đồng quản trị và/hoặc Ban Kiểm soát không thực hiện.
2. Quy định quản lý.
 - a. Việc ra quyết định quản lý Hội đồng quản trị khoản 4.1 Điều này phải thực hiện đúng các quy định tổ chức hoạt động và thẩm quyền của người quản lý.
 - b. Công ty và các pháp nhân quản lý Hội đồng quản trị, ban quản lý, điều hành của Công ty có trách nhiệm thành lập Ban Tổ chức thực hiện các công tác chuẩn bị và tổ chức họp theo yêu cầu của người có thẩm quyền quản lý trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 5. Thủ tục đăng ký công có quy định và thông báo quản lý

1. Đăng ký và thông báo chi tiết danh sách công có quy định.
 - a. Danh sách công của Công ty được quản lý tập trung tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD). Công ty và các thành viên Hội đồng quản trị phải đăng ký và thông báo chi tiết danh sách công có quy định theo đúng quy định của VSD gửi cho VSD và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX). Ngày thông báo đăng ký trên trang thông tin internet (website) của Công ty.
 - b. Ngày ký kết cùng chi tiết danh sách công có quy định là ngày lập Danh sách công có quy định.
 - c. Công ty và các thành viên Hội đồng quản trị do VSD lập gửi ý kiến. Danh sách công có quy định phải đăng ký công có quy định không sớm quá 10 ngày trước ngày gửi ý kiến đăng ký công có quy định Công ty không quy định khác.
2. Thông báo quản lý và giám sát.

Công ty phải thông báo Hội đồng quản trị cho tất cả các công nhân viên trong ngày họp ít nhất hai mươi (21) ngày theo mô thức theo mô thức hình thức trong số các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.

3. Ng ký đ h p và y quy n tham đ h p.
 - a. Công có trách nhi m thông báo tr c vi c tham đ h p thông qua các hình th c thông tin liên l c phù h p theo h ng đ n c th trong thông báo h p/th m i h p nh m giúp cho Ban T ch c chu n b t t công tác t ch c cu c h p. Công n đ h p t i ngày h p s c Ban T ch c h ng đ n ng ký đ h p, ki m tra t cách c ông, phát tài li u h p và phi u bi u quy t/phi u b u c .
 - b. Công có quy n tr c ti p đ h p ho c thông qua ng i i di n theo y quy n. Th t c y quy n đ h p c ti n hành theo quy nh t i i u 16 i u l Công ty và h ng đ n chi ti t trong thông báo/th m i h p.

i u 6. Ch ng trình, n i dung cu c h p i h i ng c ông

1. Ng i tri u t p cu c h p H C có trách nhi m xây đ ng đ th o Ch ng trình, n i dung cu c h p H C và chu n b tài li u theo n i dung ch ng trình h p.
2. Công, nhóm c ông có i u ki n theo quy nh t i Kho n 2 i u 12 i u l Công ty có quy n ki n ngh , xu t v Ch ng trình, n i dung cu c h p H C theo quy nh t i kho n 6 i u 18 i u l Công ty.

i u 7. i u ki n ti n hành cu c h p i h i ng c ông

Các cu c h p H C c ti n hành khi áp ng các i u ki n quy nh t i i u 19 c a i u l Công ty và quy nh t ng ng c a pháp lu t v doanh nghi p.

i u 8. Trình t và cách th c bi u quy t, b phi u b u c và thông qua biên b n, ngh quy t t i cu c h p i h i ng c ông

1. Cách th c bi u quy t.
 - a. Thông qua các n i dung v th t c t ch c cu c h p.
 - Các n i dung v th t c t ch c cu c h p bao g m: Thông qua ch ng trình ngh s , thông qua danh sách Ban ki m phi u, thông qua quy ch b u c và ki m phi u, thông qua danh sách b u c , thông qua biên b n và ngh quy t phiên h p.
 - Vi c bi u quy t thông qua các v n th t c trong t ch c cu c h p c ti n hành theo ph ng th c c ông gi tay/gi th bi u quy t và l y k t qu theo a s .
 - M i c ông đ h p s c c p m t Th bi u quy t s đ ng khi th c hi n bi u quy t thông qua các n i dung trên.
 - b. Thông qua các quy t nh theo th m quy n c a H C
 - Vi c bi u quy t thông qua các v n trình H C quy t nh (tr vi c b u c H QT và BKS t i kho n 8.2 i u này) c th c hi n b ng phi u bi u quy t theo s c ph n s h u c a c ông, v i các ph ng án bi u quy t là **tán thành, không tán thành** và **không có ý ki n**.
 - Công ty áp d ng các gi i pháp công ngh thông tin ph c v công tác ki m phi u c chính xác, nhanh chóng và thu n ti n cho các c ông. M i c ông đ h p s c c p m t (01) phi u bi u quy t ghi rõ s phi u bi u quy t

theo sơ đồ phân bổ vốn công và trên phiếu quy tắc ghi riêng r
tổng hợp nội dung báo cáo, trình HĐQT thông qua. Công s ch n
phân bổ vốn quy tắc riêng cho tổng hợp.

- Công hoàn tất việc bổ sung vốn phiếu quy tắc vào thùng phiếu vào thời điểm theo nghị quyết của Chủ tịch.

2. Cách thức bổ phiếu bổ vốn HĐQT, BKS.

- a. Việc bổ thành viên HĐQT, thành viên BKS thực hiện bằng phương thức bầu chọn phiếu. Trong phiếu bổ vốn HĐQT và phiếu bổ vốn BKS có các thông tin về số phiếu bổ vốn công tổng hợp nội dung phân bổ, danh sách các thành viên lập, số thành viên bổ và nội dung hướng dẫn tóm tắt cách thức bầu chọn phiếu. Cách thức bổ vốn nêu rõ và chi tiết trong tài liệu của Ban Tổ chức nhân sự.

- b. Công hoàn tất việc bổ vốn bằng phiếu bổ vốn vào thùng phiếu vào thời điểm theo chương trình nghị sự và theo nghị quyết của Chủ tịch.

3. Cách thức kiểm phiếu.

- a. Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu tại khu vực riêng biệt kín đáo của Chủ tịch HĐQT. Ban kiểm phiếu có quyền sử dụng thêm nhân sự giúp việc và áp dụng các giải pháp công nghệ hỗ trợ kiểm phiếu phù hợp, đảm bảo tính chính xác, trung thực, khách quan và khách quan kiểm phiếu. Trong trường hợp có yêu cầu công, Chủ tịch chấp thuận miễn sự công đi để tham gia giám sát quá trình thu và kiểm phiếu bổ vốn.

- b. Việc xác nhận kết quả bổ vốn của HĐQT và việc các nội dung liên quan đến quy trình của Hội đồng Công ty và của pháp luật.

4. Thông báo kết quả kiểm phiếu.

- a. Ban kiểm phiếu hoàn tất công tác kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo về Chủ tịch và việc đã có kết quả kiểm phiếu. Chủ tịch chấp thuận Ban kiểm phiếu lên công bố kết quả kiểm phiếu trước toàn thể HĐQT.

- b. Kết quả kiểm phiếu công bố công khai trước HĐQT là công khai. Thủ ký chấp thuận vào dự thảo Biên bản và dự thảo Nghị quyết của Chủ tịch.

5. Thông qua Biên bản họp và Nghị quyết của Chủ tịch.

Thủ ký chấp thuận trình bày tóm tắt dự thảo Biên bản của Chủ tịch và Nghị quyết của Chủ tịch. Chủ tịch chấp thuận ký tên HĐQT thông qua Biên bản, Nghị quyết của Chủ tịch theo quy định tại khoản 8.1 của Điều này.

Điều 9. Thẩm quyền và thủ tục ký quyết định công bố và bổ vốn thông qua quy tắc của Hội đồng công

Thẩm quyền và thủ tục ký quyết định công bố và bổ vốn thông qua quy tắc của HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 22 của Luật Công ty. Trình tự và thủ tục triển khai công tác ký quyết định công bố và bổ vốn thực hiện theo quy định tại các Điều 3, Điều 4, Điều 5 và Điều 7 Quy chế này.

Điều 10. Trình tự, thủ tục họp Hội đồng công bố và bổ vốn hình thức họp

Hội đồng giao cho HĐQT trách nhiệm xây dựng và ban hành Quy chế về việc

t ch c h p H C tr c tuy n trên c s áp d ng các ph ng th c, gi i pháp công ngh thông tin phù h p, an toàn, tin c y và v n m b o tuân th các nguyên t c, i u ki n quy nh chung v cu c h p H C , áp d ng trong tr ng h p c n thi t.

i u 11. Biên b n h p H C

1. Cu c h p H C theo các hình th c ph i c ghi vào biên b n theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, i u l Công ty và t i Quy ch này. Th ký cu c h p s d ng các ph ng ti n, hình th c phù h p ghi l i toàn b di n bi n cu c h p, các ý ki n phát bi u, th o lu n và k t qu thông qua các n i dung quy t nh c a H C . Biên b n ph i c l p b ng ti ng Vi t, có ch ký xác nh n c a Ch t a và Th ký cu c h p.
2. Ngay sau khi b m c cu c h p, Th ký và Ch t a ph i hoàn t t th th c v n b n c a biên b n và ngh quy t cu c h p theo úng quy nh c a i u l Công ty công b trên website c a Công ty, HNX và UBCKNN trong th i h n quy nh c a pháp lu t.
3. i v i tr ng h p thông qua ngh quy t H C b ng hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n, vi c l p Biên b n t ng h p ý ki n H C th c hi n theo quy nh t i i u 22 i u l Công ty.
4. Biên b n h p và biên b n t ng h p ý ki n c a H C c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c ti n hành t i H C . Biên b n, danh sách c a các c ông d h p, danh sách c ông g i ý ki n b ng v n b n ph i c l u gi t i tr s chính c a Công ty.

CH NG III

H I NG QU N TR

i u 12. Vai trò, quy n và ngh a v c a H QT, trách nhi m c a thành viên H QT:

1. H QT có vai trò, quy n và ngh a v theo quy nh t i i u 27 i u l Công ty.
2. Thành viên H QT có trách nhi m công khai các l i ích có liên quan theo i u 164 Lu t Doanh nghi p và tuân th trách nhi m ng i qu n lý Công ty theo quy nh t i i u 165 Lu t Doanh nghi p.

i u 13. Th t c, trình t c , ng c và t ch c b u c thành viên H QT

1. Nhi m k và s l ng thành viên H QT.
 - S l ng thành viên H i ng qu n tr quy nh t i i u l Công ty là **n m (05) ng i**. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá 05 n m và có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . M t cá nhân ch c b u làm thành viên c l p H i ng qu n tr c a m t công ty không quá 02 nhi m k liên t c. Tr ng h p t t c thành viên H i ng qu n tr cùng k t thúc nhi m k thì các thành viên ó ti p t c là thành viên H i ng qu n tr cho n khi có thành viên m i c b u thay th và ti p qu n công vi c.
2. C c u và i u ki n thành viên H QT, c , ng c thành viên H QT
 - a. i u ki n t ng c ho c c c thành viên H QT

Người góp vốn có thể bỏ vào HĐQT phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên HĐQT theo Điều 155 Luật Doanh nghiệp và các điều kiện khác / nêu sau đây:

- Người góp vốn là công dân tự nhiên phải có ít nhất 10% tổng số phần vốn góp của Công ty. Người góp vốn phải là công dân/nhóm công dân phải có ít nhất 10% tổng số phần vốn của Công ty.
- Người góp vốn và các (sau đây gọi chung là người góp vốn) phải ghi sổ góp vốn và ứng tiền theo quy định.

b. Số lượng người góp vốn HĐQT

- Số lượng người góp vốn bỏ vào HĐQT do các công dân có điều kiện khác, số và mboobng hocolnhns thành viên HĐQT điều kiện bỏ.

3. Cách thức và hồ sơ / người bỏ vào HĐQT

Công ty thông báo nội dung bỏ vào HĐQT điều kiện tiến hành trong cuộc họp HĐQT, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu hồ sơ cần thiết các công dân xem xét thực hiện việc góp vốn, người góp vốn theo quy định Điều 1 Công ty. Công dân/nhóm công dân có điều kiện khác, thực hiện việc góp vốn, theo cách thức và hồ sơ như sau:

a. Hồ sơ / người HĐQT bao gồm:

- Đơn xin tham gia HĐQT có cam kết của người góp vốn thực hiện nhiệm vụ thành viên HĐQT một cách trung thực và bỏ vào HĐQT;
- Sơ yếu lý lịch do người góp vốn khai;
- Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm công dân (trên hợp đồng người góp vốn nhóm công dân);
- Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của người góp vốn.

b. Thời hạn nộp hồ sơ / người HĐQT

- Hồ sơ tham gia / người góp vốn có thể nộp trực tiếp hoặc gửi qua thư bưu điện trực tiếp chính của Công ty trước ngày tổ chức họp HĐQT ít nhất 10 (mười) ngày.
- Chủ tịch hợp đồng / người góp vốn đáp ứng điều kiện khác, người góp vốn và người góp vốn đáp ứng điều kiện là thành viên HĐQT miễn là vào danh sách người góp vốn công bố tiếp tục họp HĐQT.

c. Trình tự danh sách người góp vốn HĐQT

Sau khi hết thời hạn nộp hồ sơ / người góp vốn, HĐQT tiến hành trình tự danh sách các người góp vốn có điều kiện công bố các công dân theo quy định. Trình tự số lượng các người góp vốn HĐQT thông qua số và người góp vốn không số người góp vốn cần thiết, HĐQT tiến hành có thể thêm người góp vốn với các điều kiện như sau:

- Người góp vốn mboobng hocolnhns các tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên HĐQT.
- Người góp vốn phải có ý thức khác.

Danh sách các viên hợp lệ phải có báo cáo với HĐQT tích hợp
HĐT trước khi tiến hành bầu.

4. Phương thức bầu

Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu trực tiếp:

- Các công ty công khai có quy định pháp luật quy định quy trình bầu (bao gồm sơ bộ và quy trình) nhân viên thành viên dự kiến bầu vào HĐQT;
- Các công ty công khai có thể đơn toàn bộ số phiếu bầu của mình bầu cho một các viên hoặc chia số phiếu bầu cho một số các viên khác nhau. Tuy nhiên, các công ty công khai quy định pháp luật bầu cho tất cả các thành viên HĐQT dự kiến bầu trên tổng số các viên HĐQT trong danh sách các viên.

5. Trình tự bầu và kiểm phiếu

- Ban Tổ chức bầu thành viên HĐQT. Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi niêm phong. Việc bầu phải kết thúc trước khi việc phát phiếu bầu hoàn tất và kết thúc khi các công ty cùng bầu vào thùng phiếu.
- Việc kiểm phiếu phải tiến hành ngay sau khi việc bầu kết thúc. Ban kiểm phiếu có thể sử dụng phương tiện kỹ thuật/công nghệ và chuyên viên kỹ thuật hỗ trợ trong việc kiểm phiếu.
- Kết quả kiểm phiếu công khai thành văn bản có chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu và Trưởng Ban kiểm phiếu công bố trên HĐQT.

6. Nguyên tắc trúng thành viên HĐQT

- Số người trúng thành viên HĐQT lý tưởng có số phiếu bầu tính toán cao nhất, bất cứ các viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên dự kiến bầu vào HĐQT.
- Trường hợp có hai các viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau mà phiếu của số người trúng ít hơn thì việc chọn các viên trúng theo nguyên tắc sau: các viên nào có các bộ công/nhóm công nhân giỏi số phần cao hơn là các viên trúng.

Điều 14. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt cách thành viên HĐQT

- Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và chấm dứt cách thành viên HĐQT thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty.
- Trường hợp bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và chấm dứt cách thành viên HĐQT từ Điều này phải có thông báo cho công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật và các Điều lệ Công ty.

Điều 15. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT

- Chủ tịch HĐQT do HĐQT bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên HĐQT. Trong trường hợp tất cả các thành viên HĐQT bầu và bầu lại thì miễn nhiệm thành viên HĐQT thì cùng một thời điểm, Chủ tịch HĐQT sẽ

b u t i phi ̣n h p u ti ̣n c a H QT di n ra sau th i các thành viên c b u vào H QT.

- Trong các tr ̣ng h p khuy t ch c danh Ch t ch H QT do t ch c, b mi n nhi m, b ̣i nhi m và tr ̣ng h p quy nh t i Kho n 5 i u 29 i u l Công ty, tùy theo yêu c u th c t H QT ti n hành h p b u thành viên H QT khác làm Ch t ch H QT ho c phân công thành viên H QT khác m trách vai trò, nhi m v Ch t ch H QT cho n khi có i u ki n b u Ch t ch H QT thay th .

i u 16. Thù lao và l i ích khác c a thành viên H QT

Thành viên H QT c h ng ch ti n l ng, th ng, thù lao, ph c p và l i ích khác theo quy nh t i i u 28 i u l Công ty.

i u 17. Trình t và th t c t ch c h p H QT

1. H QT ti n hành h p nh k , b t th ng theo quy nh t i i u 30 i u l Công ty.
2. Cu c h p th ng k c a H QT do Ch t ch H QT quy t nh tri u t p và ch trì. Thông báo m i h p và ch ng trình h p c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i c g i n cho các thành viên H QT và nh ng thành viên c m i tham d ít nh t ba (03) ngày tr c khi t ch c cu c h p.
3. H QT ph i c tri u t p h p b t th ng khi Ch t ch H QT xét th y c n thi t và/ho c khi nh n c các ngh b ng v n b n c a m t trong các tr ̣ng h p sau:
 - a. Có ngh c a Ban ki m soát ho c thành viên c l p H i ng qu n tr ;
 - b. Có ngh c a Giám c ho c ít nh t 05 ng i qu n lý khác;
 - c. Có ngh c a ít nh t 02 thành viên H i ng qu n tr .
4. Cu c h p b t th ng c a H QT do Ch t ch H QT quy t nh tri u t p và ch trì trong vòng b y (07) ngày k t ngày nh n c ngh h p quy nh t i Kho n 16.3 i u này. Tr ̣ng h p Ch t ch H QT v ng m t thì thành viên H QT c Ch t ch H QT y quy n ho c ng i c các thành viên khác c a H QT l a ch n s tri u t p và ch trì cu c h p. Thông báo m i h p và ch ng trình h p ph i c thông báo n các thành viên H QT và các i t ng d h p khác ít nh t ba (03) ngày tr c khi t ch c h p.
5. N i dung cu c h p b t th ng do Ch t ch H QT ho c do ng i ng h tri u t p cu c h p b t th ng chu n b , t p trung gi i quy t nh ng v n quan tr ng và c p bách c a Công ty. Ng i tri u t p cu c h p có th yêu c u Giám c Công ty chu n b các tài li u, n i dung xem xét th o lu n t i cu c h p.

i u 18. i u ki n c n thi t ti n hành các cu c h p c a H QT

1. Cu c h p H QT tri u t p l n th nh t ch có th c coi là h p l ti n hành và thông qua các ngh quy t khi có t 3/4 s thành viên H QT d h p ho c thông qua ng i c y quy n.
2. Cu c h p H QT c ti n hành khi có t 3/4 t ng s thành viên tr lên d h p. Tr ̣ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh t i kho n này không s thành viên d h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i

h n 07 ngày k t ngày d nh h p l n th nh t. Tr ng h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H QT d h p.

i u 19. Thành ph n tham d các cu c h p c a H QT

1. Thành ph n tham d các cu c h p c a H QT bao g m Ch t ch H QT, các thành viên H QT, thành viên BKS, Th ký Công ty.
2. Ng i tri u t p h p H QT có th m i thành ph n m r ng ngoài kho n 19.1 i u này tham d cu c h p H QT khi c n thi t.
3. Khi th o lu n v các v n có liên quan n quy n l i và ngh a v c a ng i lao ng trong Công ty, H QT có th m i i đi n Ban ch p hành Công oàn Công ty d h p.
4. Nh ng ng i c m i h p không ph i là thành viên H QT có quy n phát bi u ý ki n và th o lu n nh ng không c bi u quy t.

i u 20. Trình t th t c ti n hành các cu c h p c a H QT

1. Chu n b cu c h p
 - Tr khi có quy nh/yêu c u khác c a H QT, Giám c ch u trách nhi m t ch c chu n b tr c các n i dung trình bày t i cu c h p c a H QT.
 - Các thành viên H QT theo s phân công th ng xuyên c a H QT và theo phân công c th c a Ch t ch H QT có trách nhi m nghiên c u h s , tài li u cu c h p, làm vi c v i các b ph n liên quan c a Công ty, chu n b ý ki n b ng v n b n v các v n d ki n a ra th o lu n t i cu c h p.
 - Th ký Công ty và b ph n giúp vi c H QT ch u trách nhi m t ch c h p, t p h p và g i tài li u.
 - Tr ng h p không th tham gia cu c h p, thành viên H QT và ng i c m i h p c n thông báo cho H QT và nêu rõ lý do v ng m t, ng th i g i H QT ý ki n tham gia b ng v n b n v các v n d ki n a ra th o lu n t i cu c h p.
2. Trình t ti n hành cu c h p.
 - Ch t ch H QT ho c ng i c y quy n ch trì cu c h p thông báo thành ph n, n i dung, ch ng trình ngh s cu c h p.
 - Ng i c phân công báo cáo t i cu c h p thuy t trình v các n i dung và ki n ngh H QT xem xét, quy t nh.
 - Các thành viên th o lu n, xem xét các v n theo tài li u, báo cáo và thuy t trình t i cu c h p.
 - Ng i ch trì cu c h p k t lu n và l y bi u quy t thông qua t ng v n th o lu n và n i dung ngh quy t c a cu c h p.
 - Thông qua Ngh quy t, Biên b n cu c h p.
 - Ch t ch H QT, Th ký Công ty ký tên vào Biên b n cu c h p.
3. G i ý ki n bi u quy t và y quy n tham d cu c h p.
 - Thành viên H QT v ng m t có quy n bi u quy t v ngh quy t c a H QT b ng ph ng th c g i ý ki n b ng v n b n. V n b n ý ki n ph i c chuy n

t i Ch t ch H QT ho c ng i c y quy n ch trì cu c h p ch m nh t m t (01) gi tr c gi khai m c cu c h p và c công khai t i t c nh ng thành viên H QT d h p.

- Tr ng h p thành viên H QT v ng m t t i cu c h p, không g i ý ki n bi u quy t b ng v n b n mà y quy n cho ng i khác d h p thì ph i có v n b n y quy n nêu rõ n i dung y quy n cho ng i c y quy n tham d và bi u quy t và cam k t thành viên H QT ch u trách nhi m v ý ki n bi u quy t c a ng i c y quy n.

i u 21. Thông qua ngh quy t c a H QT

1. H QT thông qua ngh quy t v các v n c trình, trao i, th o lu n t i cu c h p b ng ý ki n bi u quy t c a các thành viên H QT tham d h p. Ch t a cu c h p H QT i u hành và l y ý ki n bi u quy t c a các thành viên H QT.
2. Bi u quy t: Ch t ch H QT i u hành l y ý ki n bi u quy t c a các thành viên H QT d h p có quy n bi u quy t, công khai b ng cách gi tay và k t lu n n i dung c H QT thông qua c n c theo k t qu bi u quy t a s tán thành trên t ng s thành viên H QT d h p có quy n bi u quy t, thành viên H QT g i ý ki n bi u quy t b ng v n b n và thông qua ng i c y quy n h p l .
3. Tr ng h p n i dung ngh quy t c a H QT thông qua v giao d ch, h p ng gi a Công ty v i thành viên H QT ho c bên có liên quan c a thành viên H QT, thành viên H QT ó s không có quy n bi u quy t. Ngh quy t c a H QT trong các tr ng h p này s c các thành viên H QT còn l i bi u quy t thông qua.
4. Ngh quy t c a H QT c thông qua theo nguyên t c a s trên t ng s thành viên H QT d h p h p l và có quy n bi u quy t (trên 50%). M i thành viên H QT có m t v i t cách cá nhân, thông qua ng i c u quy n h p l ho c g i ý ki n bi u quy t b ng v n b n có m t phi u bi u quy t v i giá tr ngang nhau. N u s phi u bi u quy t tán thành và s phi u bi u quy t còn l i ngang b ng nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Ch t ch H QT, tr tr ng h p pháp lu t có quy nh khác.
5. Nh ng v n ã c th o lu n và quy t ngh t i các cu c h p c a H QT s c H QT ban hành theo các th th c trình bày v n b n phù h p (Ngh quy t, Quy t nh, Ch th ...) chuy n n các cá nhân, n v có liên quan thi hành. C n c vào n i dung ã c quy t ngh c a H QT, Ch t ch H QT s thay m t H QT ký ban hành các v n b n này.
6. Các v n b n Ngh quy t, Quy t nh và các v n b n khác sau khi ã c Ch t ch H QT ký ban hành ph i c sao g i cho t ng thành viên H QT và Ban ki m soát theo dõi và giám sát th c hi n; ng th i c chuy n cho Ng i công b thông tin thông báo cho các c quan qu n lý nhà n c, c ông và công chúng theo quy nh c a pháp lu t v công b thông tin.

i u 22. Thông qua các ngh quy t c a H QT b ng hình th c l y ý ki n b ng v n b n

1. Trong trường hợp lý kỳ thành viên HĐQT bằng văn bản, các nghị quyết của HĐQT được thông qua theo nguyên tắc đa số (trên 50%) trên tổng số thành viên HĐQT. Nếu số phiếu tán thành và số phiếu còn lại ngang bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Chủ tịch HĐQT và Thủ ký Công ty trình pháp luật khi miễn nhiệm và ghi vào biên bản trình lý kỳ thông qua nghị quyết của HĐQT.
2. Nghị quyết thông qua theo hình thức lý kỳ bằng văn bản có hiệu lực và giá trị như nghị quyết của HĐQT thông qua tại mặt họp của trụ sở và tại các nhánh công ty. Việc ban hành các nghị quyết bằng hình thức này tuân theo quy định tại khoản 21.5 và 21.6 của Điều 21 Quy chế này.

Điều 23. Biên bản họp của HĐQT

1. Nội dung các họp của HĐQT phải được Thủ ký Công ty ghi chép trung thực và đầy đủ trong Biên bản họp của HĐQT. Biên bản họp của HĐQT có hiệu lực kể từ ngày ký và phải có chữ ký của Thủ ký Công ty và Chủ tịch HĐQT hay người ủy quyền chủ trì họp. Biên bản họp HĐQT là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành trong cuộc họp, nội dung mà HĐQT đã quyết định, hoặc những ý kiến bỏ phiếu của thành viên HĐQT.
2. Các tài liệu liên quan đến họp gồm: Biên bản họp, Nghị quyết, các Quyết định và các tài liệu liên quan khác có liên quan tới Văn phòng HĐQT theo chức năng nhiệm vụ của Công ty.
3. Thủ ký Công ty có trách nhiệm sao chụp trích sao Biên bản họp của HĐQT gửi cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Giám đốc thực hiện, theo dõi, giám sát.

Điều 24. Nghĩa vụ trách nhiệm của Công ty

Công ty phải nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của Công ty theo quy định tại Điều 32 của Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 25. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.

1. Ban Kiểm soát (BKS) có vai trò, quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 39 của Điều lệ Công ty.
2. Kiểm soát có trách nhiệm công khai các lợi ích có liên quan theo Điều 164 Luật Doanh nghiệp và tuân thủ trách nhiệm kiểm soát viên theo quy định tại Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Nhiệm kỳ, số lượng và thành phần, trình tự bầu, ứng cử, tái cử thành viên Ban Kiểm soát.

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban Kiểm soát (TV BKS)
Số lượng TV BKS theo quy định tại Điều 1 của Điều lệ Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của TV BKS là không quá 5 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ

không hạn chế.

2. Điều kiện, thành viên BKS, số lượng và vị trí trong danh sách thành viên BKS
 - a. Điều kiện thành viên được bầu vào Ban Kiểm soát
 - Người thành viên được bầu vào BKS phải đáp ứng tiêu chuẩn thành viên BKS theo Điều 169 Luật Doanh nghiệp và các điều kiện khác sau đây:
 - Người thành viên là công nhân, viên chức, người lao động phải ít nhất 10% tổng số thành viên của Công ty.
 - Người thành viên và người khác (sau đây gọi chung là thành viên) phải ghi sổ đăng ký và ứng cử theo quy định.
 - b. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên được bầu vào BKS do các công nhân, viên chức và người lao động của TV BKS đề nghị được bầu vào BKS.
3. Cách thức và hình thức đăng ký thành viên được bầu vào BKS

Công ty thông báo nội dung được bầu vào BKS đề nghị tiến hành trong cuộc họp HĐQT, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện và kèm theo các biểu mẫu sau đây để các công nhân, viên chức và người lao động xem xét, đăng ký theo quy định của Công ty. Công nhân, viên chức có điều kiện, cách thức và hình thức như sau:

 - a. Hình thức đăng ký BKS bao gồm:
 - Người thành viên tham gia BKS có cam kết của thành viên thành viên BKS mà cách trung tâm được bầu vào BKS;
 - Sơ yếu lý lịch do thành viên khai;
 - Biên bản họp nhóm + Danh sách nhóm công nhân (trên hình thành viên của nhóm công nhân);
 - Bản sao có chứng thực: Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp thể hiện trình độ chuyên môn của thành viên.
 - b. Hình thức đăng ký BKS
 - Người thành viên có thể đăng ký trực tiếp hoặc gửi qua thư bưu chính của Công ty trước ngày tổ chức họp HĐQT ít nhất 10 ngày.
 - Công nhân, viên chức đáp ứng điều kiện, thành viên và người thành viên đáp ứng điều kiện là TV BKS mà đưa vào danh sách thành viên công bố tại cuộc họp HĐQT.
 - c. Trình tự danh sách thành viên BKS

Sau khi hoàn thành hình thức đăng ký, HĐQT tiến hành trình tự danh sách các thành viên có điều kiện công bố trên các công nhân theo quy định. Trình tự số lượng các thành viên BKS thông qua và người

vấn không số lượng công viên cần thiết, BKS cũng nên có thể bổ sung thêm công viên với các tiêu chí như sau:

- Công viên mở rộng áp dụng các tiêu chuẩn và tiêu chí của TV BKS.
- Công viên phải có ý nghĩa xã hội.

Danh sách công viên hiện tại phải được thông báo tới Ủy ban H C trước khi tiến hành bước.

4. Phương thức bước, trình tự phê duyệt, kiểm duyệt và nguyên tắc trúng cử

Phương thức bước, trình tự phê duyệt, kiểm duyệt và nguyên tắc trúng cử vào BKS thể hiện trong quy định khoản 13.4, khoản 13.5 và khoản 13.6 của Quy chế này.

Điều 27. Thành viên nhiệm kỳ, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.

1. Thành viên Ban kiểm soát được xem xét miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không còn đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
 - Không thể hiện nhiệm vụ liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của BKS;
 - Có lỗi lầm.

Việc miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát theo khoản 27.1 này do BKS xem xét, quyết định và báo cáo Hội đồng phê chuẩn tới Ủy ban H C phê chuẩn.

2. Thành viên Ban kiểm soát được xem xét bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

Trường hợp TV BKS vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ, có hành vi gây thiệt hại nghiêm trọng cho Công ty, không hoàn thành nhiệm vụ, BKS xem xét và nghị Hội đồng thông qua việc bãi nhiệm theo cách TV BKS.

3. Thông báo về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.

Trường hợp bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm TV BKS do Hội đồng quyết định hoặc do TV BKS đề nghị theo quy định tại Điều 1 Công ty phải được thông báo cho công đồng và công chúng theo quy định về công bố thông tin của pháp luật và của Điều 1 Công ty.

Điều 28. Tiêu chuẩn, thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên BKS có nghĩa vụ tiêu chuẩn, thù lao, phúc lợi và lợi ích khác theo quy định tại Điều 41 Điều 1 Công ty.

**CHƯƠNG V
GIÁM ĐỐC**

Điều 29. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Giám đốc

Giám đốc là người điều hành theo pháp luật, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo quy định tại Điều 34 và Điều 35 Điều 1 Công ty.

Điều 30. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và tiêu chí của Giám đốc

Giám đốc có nhiệm kỳ 5 năm và có thể được bổ nhiệm liên tục nhiệm kỳ

không h n ch . Ng i c b nhi m làm Giám c ph i áp ng các tiêu chu n và i u ki n sau ây:

1. Có n ng l c hành vi dân s và không thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p; có s c kh e, ph m ch t o c t t, trung th c, liên khi t; hi u bi t và có ý th c ch p hành pháp lu t; th ng trú t i Vi t Nam;
2. Là ng i khác có kinh nghi m th c t trong qu n tr kinh doanh ho c trong các ngành, ngh kinh doanh ch y u c a Công ty;
3. Không ng th i làm Giám c ho c T ng giám c ho c tham gia ch c v i u hành m t doanh nghi p khác.
4. Không c là ng i có quan h gia ình c a ng i qu n lý doanh nghi p, Ki m soát viên c a Công ty và công ty m c a Công ty; ng i i di n ph n v n nhà n c, ng i i di n ph n v n c a doanh nghi p t i Công ty và Công ty m c a Công ty.

i u 31. B nhi m Giám c

Ng i c ngh ho c gi i thi u b nhi m vào ch c v Giám c ph i hoàn t t h s ngh b nhi m và gi cho H QT xem xét. H QT th o lu n và quy t nh vi c b nhi m Giám c theo th th c thông qua ngh quy t, quy t nh thông th ng c a H QT.

Quy t nh b nhi m Giám c ph i nêu rõ các c s xác nh ph m vi nhi m v , quy n h n, l i ích và trách nhi m c a Giám c, bao g m pháp lu t, i u l , Quy ch n i b v qu n tr , các quy nh, quy ch khác c a Công ty. Trong tr ng h p c n thi t H QT có th l p h p ng lao ng và/ho c h p ng trách nhi m v i Giám c quy nh c th .

i u 32. Mi n nhi m Giám c

1. H QT mi n nhi m Giám c trong các tr ng h p sau:
 - a. Giám c trong tình tr ng không áp ng các i u ki n quy nh t i i u 30 Quy ch này;
 - b. Giám c có n xin t ch c, ho c có v n b n i u ng c at ch c gi i thi u b nhi m Giám c, ho c Giám c không m b o s c kho m nh n ch c v trong th i gian sáu (06) tháng liên t c;
 - c. Giám c vi ph m ngh a v và trách nhi m trong công tác i u hành Công ty, gây thi t h i nghiêm tr ng cho Công ty;
 - d. N ng l c i u hành kém khi n Công ty kinh doanh thua l hai (02) n m liên ti p mà không ph i do nguyên nhân khách quan;
 - e. Giám c b truy c u trách nhi m hình s ;
 - f. Các tr ng h p khác mà H QT có c n c xác nh Giám c không th ti p t c m nh n ch c v .
2. Vi c mi n nhi m Giám c ph i c H QT thông qua theo quy nh t i i u l Công ty.
3. H QT có th yêu c u Giám c c mi n nhi m b i th ng nh ng thi t h i

ã gây ra cho Công ty (nếu có).

Điều 33. Thông báo về công bố nhiệm vụ, nhiệm vụ Giám đốc

Công ty có trách nhiệm tuân thủ quy định thông báo về công bố nhiệm vụ, nhiệm vụ Giám đốc theo quy định về công bố thông tin của pháp luật và các điều lệ Công ty.

Điều 34. Tính năng và lợi ích khác Giám đốc

Giám đốc chịu trách nhiệm và các lợi ích khác theo điều lệ Công ty và các quy định, chính sách liên quan của Công ty. Công ty có trách nhiệm hạch toán, báo cáo về tính năng và lợi ích khác của Giám đốc theo các quy định liên quan của pháp luật.

**CHƯƠNG VI
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC**

Điều 35. Phân phối lợi ích của HĐQT, BKS và Giám đốc

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, thực hiện chức năng, giám sát Giám đốc và bộ máy điều hành trong công tác điều hành hoạt động của Công ty, trong việc thực hiện nhiệm vụ, quy định của Giám đốc theo quy định của điều lệ Công ty, các quy định, quy định của HĐQT và HĐQT. HĐQT thực hiện quy định quản lý, giám sát bằng các quy định, quy định, chức năng, thông qua hoạt động giám sát trực tiếp và hoạt động báo cáo của Giám đốc.
2. HĐQT không can thiệp trực tiếp vào công tác điều hành của Giám đốc. HĐQT kiểm tra giám sát việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các quy định, quy định của HĐQT kiểm soát lý các kiến nghị có liên quan thuộc thẩm quyền của HĐQT.
3. Thông báo về chức năng HĐQT và lý do kiến nghị HĐQT bằng văn bản:
 - a. Thông báo về chức năng HĐQT và tài liệu hồ sơ/tài liệu xin ý kiến thành viên HĐQT về các thành phần có quy định: Thành viên HĐQT, Giám đốc, Thành viên BKS.
 - b. Giám đốc có trách nhiệm chức năng, hoàn thiện các tài liệu liên quan nội dung trình HĐQT xem xét, phê duyệt và các tài liệu khác theo chức năng hoặc theo yêu cầu giám sát của HĐQT.
 - c. Biên bản cuộc họp HĐQT và nghị quyết kiến nghị thành viên HĐQT chấp thuận theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty. Các nội dung kiến nghị của HĐQT thông qua tài liệu biên bản họp hoặc biên bản nghị quyết kiến nghị thành viên HĐQT, các quy định, quy định và văn bản khác của HĐQT thực hiện theo Quy chế công tác văn thư, mỗn bộ phận có HĐQT, BKS, Giám đốc và các thành phần liên quan khác nếu có.
 - d. Trình bày Giám đốc và BKS xét duyệt HĐQT chức năng cuộc họp thông qua văn thư thuộc thẩm quyền của HĐQT, Giám đốc và BKS gửi văn bản nghị quyết HĐQT theo quy định tại khoản 4 điều 30 điều lệ Công ty. Chức năng HĐQT có trách nhiệm gửi quy định theo quy định tại khoản 5 điều 30 điều lệ Công ty.

4. Báo cáo của Giám đốc và Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao:
 - a. Giám đốc là người trực tiếp khai thác hiện các quy định, quy định của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị. Trong khi thực hiện quy định, quy định của Hội đồng Quản trị và Hội đồng Quản trị, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty, Giám đốc phải báo cáo về Hội đồng Quản trị để xử lý những quy định, quy định. Nếu Hội đồng Quản trị không xử lý những quy định, quy định trong thẩm quyền của mình thì Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền báo cáo và kiến nghị lên Hội đồng Quản trị để xem xét, quyết định. Hội đồng Quản trị trong trường hợp Giám đốc có thẩm quyền xử lý Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Quy chế này và Hội đồng Quản trị Công ty.
 - b. Trường hợp xảy ra sự cố bất khả kháng dẫn đến việc Công ty không thể thực hiện được và/hoặc gián đoạn việc thực hiện các quy định, quy định của Hội đồng Quản trị, Giám đốc có trách nhiệm giải trình về Hội đồng Quản trị và xử lý các giải pháp khắc phục. Các sự cố coi là bất khả kháng khi là sự cố xảy ra một cách khách quan, ngoài ý muốn, không lường trước được và vượt quá tầm kiểm soát của Giám đốc và ban máy chủ hành.
 - c. Giám đốc kiến nghị lên Hội đồng Quản trị về các vấn đề máy chủ, các quy định quản lý nhân sự, các biện pháp nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động của Công ty, sự lãng phí và các chi phí danh sách quản lý mà Công ty cần thu xếp một bộ thực hiện hợp lý và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm, tất cả các mục tiêu chỉ định của Công ty.
 - d. Giám đốc trình Hội đồng Quản trị vào ngày 30 tháng 11 hàng năm kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo để Hội đồng Quản trị xem xét phê duyệt.
 - e. Giám đốc lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật kế toán và các quy định pháp luật khác có liên quan. Báo cáo tài chính hàng năm phải kèm theo kiến nghị phân bổ ngân sách phân phối lợi nhuận, trích tích hợp xử lý lợi trong kinh doanh.
 - f. Giám đốc gửi/sao gửi Hội đồng Quản trị các tài liệu và báo cáo khác theo các quy định, quy định liên quan và theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
 - g. Giám đốc chủ trì ban máy chủ hành chủ nhiệm bộ tài liệu liên quan nhân viên của các kế hoạch Hội đồng Quản trị theo chế độ của Chế độ Hội đồng Quản trị.
 - h. Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Hội đồng Quản trị Công ty.
5. Nhiệm vụ việc thực hiện quy định và các vấn đề quy định khác của Hội đồng Quản trị về Giám đốc:
 - a. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Giám đốc có trách nhiệm tổ chức báo cáo, cập nhật tình hình, tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Hội đồng Quản trị giao, tình hình, tiến độ thực hiện các nội dung khác theo các quy định, quy định, văn bản chỉ đạo, nội dung quy định của Hội đồng Quản trị.
 - b. Ngoài việc báo cáo tình hình thực hiện theo định kỳ hàng năm này, trong trường hợp cần thiết và theo chế độ của Hội đồng Quản trị, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng Quản trị nội dung liên quan theo yêu cầu.

6. Cung cấp thông tin cho HĐQT, BKS: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin và công tác quản lý, điều hành kinh doanh của Công ty cho HĐQT, BKS bao gồm các báo cáo định kỳ, báo cáo theo vốn, báo cáo theo yêu cầu. Các văn bản báo cáo, cung cấp thông tin gửi HĐQT/BKS cần có sao gửi riêng cho BKS/HQT.
7. HĐQT tôn trọng quy định của BKS trong công tác kiểm tra tính hợp lý và hợp pháp trong hoạt động quản lý, điều hành Công ty, riêng thì tổ chức kiểm tra BKS tiến hành kiểm tra các hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ và quy định trong Điều lệ Công ty và nghị quyết của HĐQT.
8. HĐQT có trách nhiệm tiếp thu và có biện pháp chấn chỉnh các thiếu sót hoặc khiếm khuyết trong công tác quản lý, điều hành theo kết luận kiểm tra của BKS, riêng thì có trách nhiệm chỉ đạo Giám đốc thực hiện các biện pháp cần thiết xử lý các sai phạm (nếu có) và/hoặc khắc phục các thiếu sót trong công tác điều hành, trong ghi chép sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Công ty.
9. BKS thực hiện việc thẩm định các Báo cáo tài chính của Công ty, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT riêng thì định kỳ thông báo cho HĐQT về kết quả kiểm tra tình hình kinh doanh, kết quả kiểm tra kiểm soát nội bộ hoạt động quản lý, điều hành và tình hình ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính của Công ty.

Điều 36. Quan hệ công việc giữa BKS với ban máy điều hành

1. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
2. BKS phải lập kế hoạch hoạt động hàng năm và thông báo cho HĐQT, Giám đốc Công ty biết trước khi thực hiện, trừ trường hợp cần kiểm tra đột xuất.

CHƯƠNG VII ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ CÔNG TY, KHEN THƯỞNG VÀ KẾT LUẬN

Điều 37. Quy định về đánh giá hàng năm nội bộ hoạt động khen thưởng và kết luận nội bộ thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác.

1. Đánh giá hoạt động:
 - Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả công việc, việc đánh giá thực hiện theo phân công như sau:
 - Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành công việc được phân công của từng thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty và cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm.
 - Nội bộ cán bộ quản lý do HĐQT bổ nhiệm, Giám đốc điều hành báo cáo kết

quy định giá cả Hội đồng thi đua khen thưởng/klu t HĐQT xem xét, quy t nh.

- Trưởng Ban kiểm soát chỉ trì vị c t chỉ c đánh giá m c hoàn thành nhiệm vụ ã c phân công c a t ng thành viên BKS.
 - Giám c Công ty chỉ trì Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty th c hi n công tác đánh giá cán b qu n lý g m Phó Giám c, Kế toán trưởng, Trưởng phó Phòng chuyên môn.
2. Khen thưởng, k lu t:
- Công tác thi đua khen thưởng và k lu t áp d ng i v i thành viên HĐQT, BKS, Ban Giám c và các cán b qu n lý khác c th c hi n theo quy nh c a Công ty và các v n b n có liên quan c a nhà n c.

CHƯƠNG VIII **I U KHO N THI HÀNH**

i u 38. Vi phạm và xử lý các vi phạm Quy ch

1. HĐQT, thành viên HĐQT, Thành viên BKS, Giám c và cá nhân có liên quan trong Công ty có trách nhiệm tuân thủ nghiêm túc các quy nh trong Quy ch này.
2. n v ho c cá nhân nào vi phạm các quy nh trong Quy ch này, tùy theo m c và tính chất vi phạm, s b thi hành k lu t v i các hình thức t ng x ng theo quy nh hi n hành c a Công ty.

i u 39. Thẩm quyền s a i, b sung Quy ch

Quy ch này s c s a i, b sung theo quy t nh thông qua c a i h i ng c ông trên c s ngh c a các thành viên HĐQT, BKS, Giám c, theo yêu c u c a c quan qu n lý c p trên ho c khi có s i u ch nh khác c a pháp lu t v nh ng n i dung có liên quan.

i u 40. Hi u l c áp d ng

Quy ch này có hi u l c k t ngày ký quy t nh ban hành và thay th cho Quy ch qu n tr n i b ã c ban hành tr c ây. Các thành viên HĐQT, BKS, Giám c, Công ty có trách nhiệm tri n khai th c hi n Quy ch này.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC TH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng 04 năm 2021.

T T R Ì N H

**V vi c thông qua D th o Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr
Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B**

Kính g i: i h i ng c ông Công ty c ph n
Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B

C n c :

- C n c Lu t Doanh nghi p s 59/2020/QH14 c Qu c h i khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 có hi u l c t ngày 01/01/2021 (LDN 2020); và Lu t Ch ng khoán s 54/2019/QH14 c Qu c h i khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019 có hi u l c t ngày 01/01/2021 (LCK 2019);
- Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 c a B Tài chính h ng đ n m t s i u v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chúng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- i u l Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u khí ông Nam B ;

Nh m áp ng quy nh c a Lu t và i u l Công ty, H i ng qu n tr ã xây d ng Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr Công ty.

H i ng qu n tr Công ty kính trình i h i ng c ông xem xét, thông qua Quy ch nh đ th o ính kèm.

Trân tr ng!

N i nh n:

- H C ;
- L u VT, H QT.

**TM. H I NG QU N TR
CH T CH**

**QUY CH HO T NG C A H I NG QU N TR
CÔNG TY C PH N PHÂN BÓN VÀ HOÁ CH T D U KHÍ
ÔNG NAM B**

C n c :

- Lu t Ch ng khoán ngày 26 tháng 11 n m 2019;
- Lu t Doanh nghi p ngày 17 tháng 6 n m 2020;
- Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- Thông t s 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a B tr ng B Tài chính h ng d n m t s i u v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chúng t i Ngh nh s 155/2020/N -CP ngày 31 tháng 12 n m 2020 c a Chính ph quy nh chi ti t thi hành m t s i u c a Lu t Ch ng khoán;
- i u l Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u Khí ông Nam B .
- Ngh quy t i h i ng c ông s ... ngày.. tháng 06 n m 2021.

H i ng qu n tr ban hành Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u Khí ông Nam B .

Quy ch Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr Công ty c ph n Công ty c ph n Phân bón và Hóa ch t D u Khí ông Nam B bao g m các n i dung sau:

Ch ng I

QUY NH CHUNG

i u 1. Ph m vi i u ch nh và i t ng áp d ng

1. Ph m vi i u ch nh: Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr quy nh c c u t ch c nhân s , nguyên t c ho t ng, quy n h n, ngh a v c a H i ng qu n tr và các thành viên H i ng qu n tr nh m ho t ng theo quy nh t i Lu t Doanh nghi p, i u l Công ty và các quy nh khác c a pháp lu t có liên quan.
2. i t ng áp d ng: Quy ch này c áp d ng cho H i ng qu n tr , các thành viên H i ng qu n tr .

i u 2. Nguyên t c ho t ng c a H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr làm vi c theo nguyên t c t p th . Các thành viên c a H i ng qu n tr ch u trách nhi m cá nhân v ph n vi c c a mình và cùng ch u trách nhi m tr c i h i ng c ông, tr c pháp lu t v các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr i v i s phát tri n c a Công ty.
2. H i ng qu n tr giao trách nhi m cho Giám c t ch c i u hành th c hi n các ngh quy t, quy t nh c a H i ng qu n tr .

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quy định và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có ý thức các quy định theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quy định cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của công ty và của Công ty;
 - b. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ về Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị cụ thể về những giao dịch giữa Công ty và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước khi tham gia giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch có phi lợi nhuận của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quy định cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quy định yêu cầu Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Người quản lý có yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Mọi cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.
3. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị cùng một lúc thực hiện nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

4. Điều lệ Công ty quy định số lượng, quy định, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phân phối lợi nhuận của các thành viên Hội đồng quản trị công ty.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc diện quy định khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không phải là công nhân của Công ty;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị công ty theo quy định điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, con nuôi, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột là công nhân của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số phần vốn quy định của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp đặc biệt liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
3. Thành viên công ty Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đồng thời không còn là thành viên công ty Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản thành viên công ty Hội đồng quản trị không còn đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp hội đồng quản trị hoặc tại cuộc họp hội đồng quản trị bổ sung hoặc thay thế thành viên công ty Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên công ty Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chức vụ Hội đồng quản trị

1. Chức vụ Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chức vụ Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chức vụ Hội đồng quản trị có quy định và nghĩa vụ sau đây:

- a. Lập kế hoạch trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị kế hoạch trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chuẩn bị và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình thực hiện các nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp hội đồng;
 - f. Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có một trong các hành vi sau đây, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được một trong các hành vi nêu trên. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ của mình thì phải yêu cầu ngân hàng hoặc thành viên khác thực hiện quy định và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp không có người yêu cầu ngân hàng hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì, điều hành, giám sát, chỉ đạo, phê duyệt, giám sát, điều hành các hoạt động kinh doanh, tài chính, nhân sự, pháp lý, hành chính, thuế, kế toán, quản lý rủi ro, môi trường, xã hội, trách nhiệm xã hội, các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc của thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quy định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quy định bổ nhiệm thẩm ký Công ty. Thẩm ký Công ty có quy định và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hỗ trợ chủ trì triệu tập họp hội đồng, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quy định và nghĩa vụ của giao;
 - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;
 - d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ công đồng và báo cáo quy định, lợi ích hợp pháp của công đồng; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thực hiện hành chính;
 - e. Quy định và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Nhiệm vụ, bổ nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng giám sát và điều hành của công đồng bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

- b. Có n t ch c và c ch p thu n;
 - c. Tr ng h p khác quy nh t i i u l Công ty.
2. i h i ng c ông bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:
- a. Không tham gia các ho t ng c a H i ng qu n tr trong 06 tháng liên t c, tr tr ng h p b t kh kháng;
 - b. Tr ng h p khác quy nh t i i u l Công ty.
3. Khi xét th y c n thi t, i h i ng c ông quy t nh thay th thành viên H i ng qu n tr; m i n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr ngoài tr ng h p quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u này.
4. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông b u b sung thành viên H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:
- a. S thành viên H i ng qu n tr b gi m quá m t ph n ba so v i s quy nh t i i u l Công ty. Tr ng h p này, H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n 60 ngày k t ngày s thành viên b gi m quá m t ph n ba;
 - b. S l ng thành viên c l p H i ng qu n tr gi m xu ng, không b o m t l theo quy nh t i i m b kho n 1 i u 137 Lu t doanh nghi p;
 - c. Tr tr ng h p quy nh t i i m a và i m b kho n này, i h i ng c ông b u thành viên m i thay th thành viên H i ng qu n tr ã b m i n nhi m, bãi nhi m t i cu c h p g n nh t.

i u 9. Cách th c b u, m i n nhi m, bãi nhi m thành viên H i ng qu n tr

1. Công ho c nhóm c ông s h u t 10% t ng s c ph n ph thông tr lên có quy n c ng i vào H i ng qu n tr. Vi c c ng i vào H i ng qu n tr th c hi n nh sau:
- a. Các c ông ph thông h p thành nhóm c ng i vào H i ng qu n tr ph i thông báo v vi c h p nhóm cho các c ông đ h p bi t tr c khi khai m c i h i ng c ông;
 - b. C n c s l ng thành viên H i ng qu n tr, c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n này c quy n c m t ho c m t s ng i theo quy t nh c a i h i ng c ông làm ng c viên H i ng qu n tr. Tr ng h p s ng c viên c c ông ho c nhóm c ông c th p h n s ng c viên mà h c quy n c theo quy t nh c a i h i ng c ông thì s ng c viên còn l i do H i ng qu n tr và các c ông khác c .
2. Tr ng h p s l ng ng c viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t theo quy nh t i kho n 5 i u 115 Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ho c t ch c c theo quy nh t i i u l Công ty, Quy ch n i b v qu n tr Công ty và Quy ch ho t ng c a H i ng qu n tr. Vi c H i ng qu n tr ng nhi m gi i thi u thêm ng c viên ph i c công b rõ ràng tr c khi i h i ng c ông b phi u b u thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a pháp lu t.

3. Vì c bị u quy t b u thành viên H i ãng qu n tr ph i th c hi n theo ph ãng th c b u d n phi u, theo ó m i c ãng có t ãng s phi u bị u quy t t ãng ãng v i t ãng s c ph ãng s h u nh ãn v i s thành viên c b u c a H i ãng qu n tr và c ãng có quy n d n h t ho c m t ph ãn t ãng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ãng c viên. Ng i tr ãng c thành viên H i ãng qu n tr c xác ãnh theo s phi u b u tính t cao xu ãng th p, b t u t ãng c viên có s phi u b u cao nh t cho ãn khi s thành viên quy ãnh t i i u l Công ty. Tr ãng h p có t 02 ãng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh ãnh nhau cho thành viên cu i cùng c a H i ãng qu n tr thì ãng c viên do nhóm c ãng n m gi s c ph ãn l ãnh ãn c l a ch ãn tr ãng c .
4. Vì c b u, m i n nhi m, b ãi nhi m thành viên H i ãng qu n tr do i h i ãng c ãng quy t ãnh theo nguyên t c b phi u

i u 10. Thông báo v b u, m i n nhi m, b ãi nhi m thành viên H i ãng qu n tr

1. Tr ãng h p ã xác ãnh c ãng c viên H i ãng qu n tr , Công ty ph i công b thông tin liên quan ãn các ãng c viên t i thi u 10 ngày tr c ngày khai m c h p i h i ãng c ãng trên trang thông tin i n t c a Công ty c ãng có th tìm hi u v các ãng c viên này tr c khi b phi u, ãng c viên H i ãng qu n tr ph i có cam k t b ãng v ãn b ãn v tính trung th c, chính xác c a các thông tin cá ãnh ãn công b và ph i cam k t th c hi n nhi m v m t cách trung th c, c ãn tr ãng và vì l i ích cao nh t c a Công ty ãn c b u làm thành viên H i ãng qu n tr . Thông tin liên quan ãn ãng c viên H i ãng qu n tr c công b bao g m:
 - a. H tên, ngày, tháng, ãm sinh;
 - b. Trình ã chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các ch c danh qu n lý khác (bao g m c ch c danh H i ãng qu n tr c a công ty khác);
 - e. L i ích có liên quan t i Công ty và các bên có liên quan c a Công ty;
 - f. Các thông tin khác (n u có) theo quy ãnh t i i u l Công ty;
 - g. Công ty ph i có trách nhi m công b thông tin v các công ty mà ãng c viên ãng n m gi c h c v thành viên H i ãng qu n tr , các ch c danh qu n lý khác và các l i ích có liên quan t i Công ty c a ãng c viên H i ãng qu n tr (n u có).
2. Vì c thông báo v k t qu b u, m i n nhi m, b ãi nhi m thành viên H i ãng qu n tr th c hi n theo các quy ãnh h ãng d ãn v công b thông tin.

Ch ãng III

H I ãNG QU N TR

i u 11. Quy n và ãng a v c a H i ãng qu n tr

1. H i ãng qu n tr là c quan qu n lý Công ty, có toàn quy n ãnh danh Công ty quy t ãnh, th c hi n quy n và ãng a v c a Công ty, tr c các quy n và ãng a v thu c th m quy n c a i h i ãng c ãng.

- 2 Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l Công ty và i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy n h n và ngh a v sau:
- a. Quy t nh chi n l c, k ho ch phát tri n trung h n và k ho ch kinh doanh h ng n m c a Công ty;
 - b. Ki n ngh lo i c ph n và t ng s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i;
 - c. Quy t nh bán c ph n ch a bán trong ph m vi s c ph n c quy n chào bán c a t ng lo i; quy t nh huy ng thêm v n theo hình th c khác;
 - d. Quy t nh giá bán c ph n và trái phi u c a Công ty;
 - e. Quy t nh mua l i c ph n theo quy nh t i kho n 1 và kho n 2 i u 133 Lu t Doanh nghi p;
 - f. Quy t nh ph ng án u t và d án u t trong th m quy n và gi i h n theo quy nh c a pháp lu t;
 - g. Quy t nh các chi n l c b ph n v phát tri n th tr ng, ti p th , công ngh ...;
 - h. Thông qua h p ng mua, bán, vay, cho vay và h p ng, giao d ch khác có giá tr t 35% t ng giá tr tài s n tr lên c ghi trong báo cáo tài chính g n nh t c a Công ty và h p ng, giao d ch thu c th m quy n quy t nh c a i h i ng c ông theo quy nh t i i m d kho n 2 i u 138, kho n 1 và kho n 3 i u 167 Lu t Doanh nghi p;
 - i. B u, mi n nhi m, bãi nhi m Ch t ch H i ng qu n tr ; quy t nh b nhi m, mi n nhi m i v i Giám c, các phó Giám c, K toán tr ng và các ch c danh cán b qu n lý khác tr c thu c H i ng qu n tr ; quy t nh chính sách ti n l ng, thù lao, th ng và l i ích khác c a nh ng ng i qu n lý ó; c ng i i di n ph n v n và ng i i di n khác tham gia H i ng thành viên, H i ng qu n tr , Ban ki m soát, tham d i h i ng c ông công ty khác có v n góp u t c a Công ty;
 - j. Giám sát, ch o Giám c và ng i qu n lý khác trong i u hành công vi c kinh doanh h ng ngày c a Công ty;
 - k. Quy t nh c c u t ch c, quy ch qu n lý n i b c a Công ty, quy t nh thành l p, chi nhánh, v n phòng i di n và vi c góp v n, mua c ph n c a doanh nghi p khác;
 - l. Duy t ch ng trình, n i dung tài li u ph c v h p i h i ng c ông, tri u t ph p i h i ng c ông ho c l ý ki n i h i ng c ông thông qua ngh quy t;
 - m. Trình báo cáo tài chính h ng n m ã c ki m toán lên i h i ng c ông;
 - n. Ki n ngh m c c t c c tr ; quy t nh th i h n và th t c tr c t c ho c x lý l phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - o. Ki n ngh vi c t ch c l i, gi i th Công ty; yêu c u phá s n Công ty;
 - p. Quy t nh ban hành Quy ch ho t ng H i ng qu n tr , Quy ch n i b v qu n tr Công ty sau khi c i h i ng c ông thông qua; Quy ch v công b thông tin c a Công ty;

- q. Quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, quy nh khác c a pháp lu t và i u l Công ty.
3. H i ng qu n tr thông qua ngh quy t, quy t nh b ng bi u quy t t i cu c h p, l y ý ki n b ng v n b n ho c hình th c khác do i u l Công ty quy nh. M i thành viên H i ng qu n tr có m t phi u bi u quy t.
4. Tr ng h p ngh quy t, quy t nh do H i ng qu n tr thông qua trái v i quy nh c a pháp lu t, ngh quy t i h i ng c ông, i u l Công ty gây thi t h i cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua ngh quy t, quy t nh ó ph i cùng liên i ch u trách nhi m cá nhân v ngh quy t, quy t nh ó và ph i n bù thi t h i Công ty; thành viên ph n i thông qua ngh quy t, quy t nh nói trên c mi n tr trách nhi m. Tr ng h p này, c ông c a Công ty có quy n yêu c u Tòa án ình ch th c hi n ho c h y b ngh quy t, quy t nh nói trên.

i u 12. Nhi m v và quy nh n c a H i ng qu n tr trong vi c phê duy t, ký k t h p ng giao d ch

1. H i ng qu n tr ch p thu n các h p ng, giao d ch có giá tr nh h n 35% ho c giao d ch đ n n t ng giá tr giao d ch phát sinh trong vòng 12 tháng k t ngày th c hi n giao d ch u tiên có giá tr nh h n 35% t ng giá tr tài s n ghi trên báo cáo tài chính g n nh t ho c m t t l , giá tr khác nh h n theo quy nh t i i u l Công ty gi a Công ty v i m t trong các i t ng sau:
 - a. Thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát, Giám c, ng i qu n lý khác và ng i có liên quan c a các i t ng này;
 - b. C ông, ng i i di n y quy n c a c ông s h u trên 10% t ng v n c ph n ph thông c a Công ty và nh ng ng i có liên quan c a h ;
 - c. Doanh nghi p có liên quan n các i t ng quy nh t i kho n 2 i u 164 Lu t Doanh nghi p.
2. Ng i i di n Công ty ký h p ng, giao d ch ph i thông báo cho thành viên H i ng qu n tr , thành viên Ban ki m soát v các i t ng có liên quan i v i h p ng, giao d ch ó và g i kèm theo đ th o h p ng ho c n i dung ch y u c a giao d ch. H i ng qu n tr quy t nh vi c ch p thu n h p ng, giao d ch trong th i h n 15 ngày k t ngày nh n c thông báo, tr tr ng h p i u l Công ty quy nh m t th i h n khác; thành viên H i ng qu n tr có l i ích liên quan n các bên trong h p ng, giao d ch không có quy n bi u quy t.

i u 13. Trách nhi m c a H i ng qu n tr trong vi c tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

1. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:
 - a. H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
 - b. S l ng thành viên H i ng qu n tr , Ban ki m soát còn l i ít h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh c a pháp lu t;
 - c. Theo yêu c u c a c ông ho c nhóm c ông quy nh t i kho n 2 i u 115 c a Lu t Doanh nghi p; yêu c u tri u t p h p i h i ng c ông ph i c

th hiện bản vẽ bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có chữ ký của các công đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu lập thành văn bản và tiếp hợp chữ ký của các công đồng có liên quan;

- d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. **Trình tự hợp nhất công bố thông tin**
- Hội đồng quản trị trình trình trình trình trình công đồng trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày sáng lập thành viên Hội đồng quản trị, thành viên lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít nhất sáng lập thành viên tối thiểu theo quy định Điều lệ Công ty hoặc nội dung yêu cầu quy định nội dung và nội dung khoản 1 Điều này;
3. **Ngài trình trình trình trình trình công bố thông tin các công việc sau đây:**
 - a. Lập danh sách công đồng có quy định hợp;
 - b. Cung cấp thông tin và ghi quy định khi liên quan đến danh sách công đồng;
 - c. Lập chương trình và nội dung cụ thể hợp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cụ thể hợp;
 - e. Điều tra quy định của hội đồng theo nội dung điều kiện của cụ thể hợp; danh sách và thông tin chi tiết của các công đồng viên trong trường hợp báo thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm hợp;
 - g. Gửi thông báo mời họp nội dung công đồng có quy định hợp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phù hợp cụ thể hợp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực tiếp chịu trách nhiệm chính sách phát triển, nhân sự, sáng tạo, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Sáng lập thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và bị quy định thông qua tại cụ thể hợp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực tiếp của Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ và quản trị Công ty.

Chương IV

CỤ CHẾ TRÌNH TRÌNH TRÌNH QUẢN TRỊ

Điều 15. Chế độ trình trình trình

1. Trong trường hợp tất cả các thành viên Hội đồng quản trị cùng bắt đầu nhiệm kỳ trong một kỳ bầu thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản

tr c b u trong cu c h p u tiên c a H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày k t thúc b u c các thành viên H i ng qu n tr ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t ho c t l phi u b u cao nh t tri u t p và ch tr i. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u ho c t l phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên b u theo nguyên t c a s ch n 01 ng i trong s h tri u t p h p H i ng qu n tr . Trong tr ng h p khác, vi c b u Ch t ch H i ng qu n tr th c hi n theo quy nh t ng ng t i kho n 4, kho n 5 i u 29 i u l Công ty.

2. H i ng qu n tr ph i h p ít nh t m i quý 01 l n và có th h p b t th ng.
3. Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr trong tr ng h p sau ây:
 - a. Có ngh c a Ban ki m soát ho c thành viên c l p H i ng qu n tr ;
 - b. Có ngh c a Giám c ho c ít nh t 05 ng i qu n lý khác;
 - c. Có ngh c a ít nh t 02 thành viên H i ng qu n tr ;
 - d. Tr ng h p khác do i u l công ty quy nh.
4. ngh quy nh t i kho n 3 i u này ph i c l p thành v n b n, trong ó nêu rõ m c ích, v n c n th o lu n và quy t nh thu c th m quy n c a H i ng qu n tr .
5. Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr trong th i h n 07 ngày làm vi c k t ngày nh n c ngh quy nh t i kho n 3 i u này. Tr ng h p không tri u t p h p H i ng qu n tr theo ngh thì Ch t ch H i ng qu n tr ph i ch u trách nhi m v nh ng thi th i x y ra i v i Công ty; ng i ngh có quy n thay th Ch t ch H i ng qu n tr tri u t p h p H i ng qu n tr .
6. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p h p H i ng qu n tr ph i g i thông báo m i h p ch m nh t là 03 ngày làm vi c tr c ngày h p. Thông báo m i h p ph i xác nh c th th i gian và a i m h p, ch ng trình, các v n th o lu n và quy t nh. Thông báo m i h p ph i kèm theo tài li u s d ng t i cu c h p và phi u bi u quy t c a thành viên.
Thông báo m i h p H i ng qu n tr có th g i b ng gi y m i, i n tho i, fax, ph ng ti n i n t ho c ph ng th c khác do i u l Công ty quy nh và b o m n c a ch liên l c c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i Công ty.
7. Ch t ch H i ng qu n tr ho c ng i tri u t p g i thông báo m i h p và các tài li u kèm theo n các thành viên Ban Ki m soát nh i v i các thành viên H i ng qu n tr .
Thành viên Ban Ki m soát có quy n d các cu c h p H i ng qu n tr ; có quy n th o lu n nh ng không c bi u quy t.
8. Cu c h p H i ng qu n tr c ti n hành khi có t 3/4 t ng s thành viên tr lên d h p. Tr ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh t i kho n này không s thành viên d h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n 07 ngày k t ngày d nh h p l n th nh t. Tr ng h p này, cu c h p c ti n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr

d h p.

9. Thành viên Hội đồng quản trị coi là tham dự và biểu quyết tất cả các họp trong trường hợp sau đây:
 - a. Tham dự và biểu quyết tất cả các họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 điều này;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức tuyển, bỏ phiếu internet hoặc hình thức internet khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết theo các họp thông qua thư, fax, thư internet;
 - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết theo các họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải niêm phong bì dán kín và phải chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chậm trễ sẽ không được tính vào tổng số phiếu.
11. Thành viên phải tham dự tất cả các họp Hội đồng quản trị. Thành viên ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu cần sẽ là thành viên Hội đồng quản trị dự thụ quyền.
12. Các họp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo hình thức hình thức tuyển, bỏ phiếu hoặc các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả các thành viên đang vắng mặt khác nhau và nếu không thì là thành viên tham gia họp có thể:
 - a. Nghe tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong các họp;
 - b. Phát biểu và tất cả các thành viên tham dự khác một cách riêng biệt. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua internet hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia các họp như vậy sẽ coi là “có mặt” tất cả các họp. Các họp sẽ thực hiện theo quy định này là vắng mặt mà có ông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là vắng mặt có mặt Chủ tịch các họp.Các quy định được thông qua trong các họp qua internet thực hiện và tiến hành một cách hợp pháp, có hiệu lực ngay khi kết thúc các họp như quy định của pháp luật về các chủ ký trong biên bản các họp Hội đồng quản trị tham dự các họp này
13. Nghị quyết, quy định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu các thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quy định như cũ cùng thu về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các họp Hội đồng quản trị phải ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức internet khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian, địa điểm họp;
 - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - d. Hội đồng, tên từng thành viên dự họp hoặc người ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; hội đồng, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - e. Văn bản chào mừng và biểu quyết tại cuộc họp;
 - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - h. Văn bản công thông qua và tài liệu biểu quyết thông qua từng nghị quyết;
 - i. Hội đồng, tên, chữ ký, chức vụ và người ghi biên bản, trình tự họp quy định tại khoản 2 điều này.
2. Trình bày chi tiết, người ghi biên bản tự ký biên bản họp những nội dung của từng thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có ý kiến nội dung theo quy định tại các điều a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 điều này thì biên bản này có hiệu lực.
 3. Chức vụ, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải công bố lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
 5. Biên bản họp báo cáo và báo cáo ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trình bày có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản họp báo cáo và báo cáo ngoài thì nội dung trong biên bản họp báo cáo áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hàng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Hội đồng công báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;
 - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điều a, b và c khoản 1 điều này phải gửi Ban Kiểm soát thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Hội đồng công thông thường niên nếu Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định các khoản 1, 2 của Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được gửi tới cơ quan chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp thường niên của Công ty không quy định khác dài hạn. Các ông/s các thành viên của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chức năng hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định của Điều này.

Điều 19. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả tiền lương, thù lao, phúc lợi, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kế hoạch và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên hoặc người không chuyên trách hưởng thù lao công việc. Thành viên hoặc người chuyên trách hưởng lương hoặc phúc lợi thù. Tiền lương, thù lao, phúc lợi, tiền thưởng cho Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng thông qua. Việc phân bổ thù lao và quy định mức lương, phúc lợi cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy định/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.
3. Hội đồng quản trị sẽ hưởng tiền thưởng thành tích theo kế hoạch hoặc kinh doanh hàng năm của Công ty trước và vượt mức kế hoạch. Tiền thưởng cho Hội đồng quản trị do Hội đồng thông qua. Việc phân bổ tiền thưởng cho từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định hoặc theo quy định/chính sách do Hội đồng quản trị ban hành.
4. Tiền thưởng thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị và thưởng thù lao, tiền lương, tiền thưởng cho từng thành viên phải ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không được chi tiêu hành trong bất kỳ hành vi của Công ty cá nhân riêng theo chức danh chuyên trách bất kỳ hành vi của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được thêm tiền thù lao dựa trên mức độ công việc gắn theo từng lần, tháng, hoặc năm, phụ thuộc mức độ như sau, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí lãi, nợ, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng.
7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc phạm pháp luật và Điều của Công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trên đây là Điều của Công ty không có quy định khác chi tiết hơn, việc công

khải lợi ích và nghĩa có liên quan của Công ty thành viên theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sự hợp tác góp vốn; tài sản và thẩm định sự hợp tác góp vốn;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có liên quan cùng họ hoặc sự hợp tác riêng phần góp vốn trên 10% vốn.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 của điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải thông báo với Tổng công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác thực hiện công việc để hình thành trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty ưu tiên lợi ích cá nhân, nội dung của công việc có thể Hội đồng quản trị và chức vụ thực hiện khi các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nhưng thực hiện mà không khai báo hoặc không chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có thể họ thu được thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ bình đẳng, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc của phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị của phân công chịu trách nhiệm chính phải chịu trách nhiệm xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lợi ích do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc đề nghị họp để lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lợi ích giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban kiểm soát

Về vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các quy định Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và công lập, cùng tham gia phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo thành quả của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chỉnh đốn công tác.

Chương VII

I. UKHO N THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng 06 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC T CH**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 04 năm 2021.

T TRÌNH

Về việc thông qua Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Ông Nam B

Kính gửi: **Hội đồng Công ty Cổ phần
Phân bón và Hóa chất Dầu khí Ông Nam B**

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (LDN 2020); và Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 26/11/2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 (LCK 2019);
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn miễn thuế thu nhập công ty áp dụng đối với công ty chứng khoán Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành miễn thuế của Luật Chứng khoán;
- Hội đồng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Ông Nam B;

Nhằm đáp ứng quy định của Luật và Hội đồng Công ty, Hội đồng quản trị đã xây dựng Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Hội đồng xem xét, thông qua Quy chế như đã thảo đính kèm.

Trân trọng!

N i nh n:

- H C ;
- L u VT, H QT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

TÊN CÔNG TY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

QUY CHẾ HO TỌNG CẢ BAN KẾ M SỎÁT

Căn cứ Luật Kế toán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số quy định công ty áp dụng trong công ty liên quan tới Nghị quyết 155/2020/N-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kế toán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu Khí Đông Nam Bộ.

Căn cứ Nghị quyết nội bộ công đồng ... ngày... tháng... năm...

Ban kế toán ban hành Quy chế tổng của Ban kế toán Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu Khí Đông Nam Bộ.

Quy chế tổng của Ban kế toán Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu Khí Đông Nam Bộ bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và tính áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế tổng của Ban kế toán quy định các nội dung, nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kế toán và các thành viên Ban kế toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Tính áp dụng: Quy chế tổng của Ban kế toán áp dụng cho Ban kế toán và các thành viên Ban Kế toán và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

i u 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm tập thể với công đồng, trừ pháp luật về các công việc, quy định của Ban Kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

i u 3. Quy định, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ pháp luật, nội quy công ty, nghị quyết hội đồng công đồng và các nghị quyết trong các hội nghị quy định và nghĩa vụ công giao.
2. Thực hiện quy định và nghĩa vụ công giao một cách trung thực, cẩn trọng, tận tâm và trung thực, không lợi ích cho pháp luật của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và công đồng; không lợi dụng quyền, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, kinh doanh, tài sản khác của Công ty để lợi ích cho cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và nội quy công ty.
5. Trừng phạt vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 của điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trừng phạt phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong các hội nghị quy định và nghĩa vụ công giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

i u 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là công nhân của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có ít nhất 02 thành viên thuộc trụ sở Việt Nam.
4. Trừng phạt thành viên Ban Kiểm soát có cùng thẩm quyền thúc đẩy nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa bầu thì thành viên Ban kiểm soát phải bầu nhiệm kỳ mới tiếp tục thực hiện quy định và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu và nhận nhiệm vụ.

i u 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc diện cấm theo quy định khoản 2 điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Chưa có án hình sự trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
 - d. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là công nhân viên lao động của Công ty (trừ trường hợp là công ty có quy định khác);
 - e. Chưa làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - f. Chưa là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 88 của Luật Doanh nghiệp không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đi diện pháp nhân của doanh nghiệp, người đi diện pháp nhân nhà chức trách công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trường hợp Ban kiểm soát

1. Trường hợp Ban kiểm soát phải có báo cáo đề nghị phê duyệt trên thực tế trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trường hợp Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; vì vậy bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc sau.
3. Quy định và nghĩa vụ của Trường hợp Ban kiểm soát do điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát

1. Công nhân viên nhóm công suất 10% tổng số nhân viên thông tin phải có quy định về nghĩa vụ vào Ban kiểm soát. Trường hợp là công ty không có quy định khác, vì vậy công nhân viên vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các công nhân viên thông tin phải thành lập nhóm công nhân viên vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hình thành nhóm cho các công nhân viên bị từ chối khi khai mạc hội nghị công nhân viên;
 - b. Công nhân viên là thành viên Ban Kiểm soát, công nhân viên nhóm công nhân viên quy định tại khoản này phải quy định một hoặc một số nghĩa vụ theo quy định.

c a i h i n g c ô n g l à m n g c v i ê n B a n k i m s o á t . T r n g h p s n g c v i ê n c c ô n g h o c n h ó m c ô n g c t h p h n s n g c v i ê n m à h c q u y n c t h e o q u y t n h c a i h i n g c ô n g t h i s n g c v i ê n c ò n l i d o H i n g q u n t r , B a n K i m s o á t v à c á c c ô n g k h á c c .

2. T r n g h p s l n g n g c v i ê n B a n k i m s o á t t h o n g q u a c v à n g c v n k h o n g s l n g c n t h i t t h e o q u y n h t i k h o n 5 i u 115 L u t D o a n h n g h i p , B a n k i m s o á t n g n h i m g i i t h i u t h ê m n g c v i ê n h o c t c h c c t h e o q u y n h t i i u l c o n g t y , Q u y c h n i b v q u n t r c o n g t y v à Q u y c h h o t n g c a B a n k i m s o á t . V i c B a n K i m s o á t n g n h i m g i i t h i u t h ê m n g c v i ê n p h i c c o n g b r ò r à n g t r c k h i i h i n g c ô n g b i u q u y t b u t h à n h v i ê n B a n k i m s o á t t h e o q u y n h c a p h á p l u t .

i u 8. C á c h t h c b u , m i n n h i m , b á i n h i m t h à n h v i ê n B a n k i m s o á t

1. V i c b u , m i n n h i m , b á i n h i m t h à n h v i ê n B a n k i m s o á t t h u c t h m q u y n c a i h i n g c ô n g .
2. V i c b i u q u y t b u t h à n h v i ê n B a n k i m s o á t p h i t h c h i n t h e o p h n g t h c b u d n p h i u , t h e o ó m i c ô n g c ó t n g s p h i u b i u q u y t t n g n g v i t n g s c p h n s h u n h à n v i s t h à n h v i ê n c b u c a B a n K i m s o á t v à c ô n g c ó q u y n d n h t h o c m t p h n t n g s p h i u b u c a m ì n h c h o m t h o c m t s n g c v i ê n . N g i t r ú n g c t h à n h v i ê n B a n k i m s o á t c x á c n h t h e o s p h i u b u t í n h t c a o x u n g t h p , b t u t n g c v i ê n c ó s p h i u b u c a o n h t c h o n k h i s t h à n h v i ê n q u y n h t i i u l c o n g t y . T r n g h p c ó t 02 n g c v i ê n t r l ê n t c ù n g s p h i u b u n h n h a u c h o t h à n h v i ê n c u i c ù n g c a B a n k i m s o á t t h i s t i n h à n h b u l i t r o n g s c á c n g c v i ê n c ó s p h i u b u n g a n g n h a u h o c l a c h n t h e o t i ê u c h i q u y n h t i q u y c h b u c h o c i u l c o n g t y .

i u 9. C á c t r n g h p m i n n h i m , b á i n h i m t h à n h v i ê n B a n k i m s o á t

1. i h i n g c ô n g m i n n h i m t h à n h v i ê n B a n K i m s o á t t r n g h p s a u â y :
 - a. K h o n g c ò n t i ê u c h u n v à i u k i n l à m t h à n h v i ê n B a n K i m s o á t t h e o q u y n h t i i u 169 c a L u t D o a n h n g h i p ;
 - b. C ó n t c h c v à c c h p t h u n ;
 - c. T r n g h p k h á c d o i u l c o n g t y q u y n h .
2. i h i n g c ô n g b á i n h i m t h à n h v i ê n B a n k i m s o á t t r n g h p s a u â y :
 - a. K h o n g h o à n t h à n h n h i m v , c o n g v i c c p h à n c o n g ;
 - b. K h o n g t h c h i n q u y n v à n g h a v c a m ì n h t r o n g 06 t h á n g l i ê n t c , t r t r n g h p b t k h k h á n g ;

- c. Vi phạm nhiệm vụ, vi phạm nghiêm trọng nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và luật công ty;
- d. Trùng hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo về bổn phận, nhiệm vụ, bổn phận thành viên Ban kiểm soát

1. Trùng hợp phải xác định công việc của thành viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các công việc từ ngày 10 ngày trước ngày khai mạc họp của pháp luật trên trang thông tin internet của Công ty. Công ty cũng có thể tìm hiểu về các công việc này trước khi bổ nhiệm, công việc của Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân của công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, công bằng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu công bố làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến công việc của Ban Kiểm soát của công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định của pháp luật công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà công việc đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của công việc Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về bổn phận, nhiệm vụ, bổn phận thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định của pháp luật công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quy định, nghiệp vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ công bằng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hợp pháp, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định nội dung họp, giao dịch và những việc có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc pháp luật.

- công và ra khuyến nghị về việc, giao dịch có phê duyệt của Hội đồng quản trị hiện nay.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
 5. Xem xét sơ đồ toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, hiệu quả hoạt động của Công ty khi xét thực tiễn thị trường theo quy định hiện nay của Công ty hoặc theo yêu cầu của Công ty hoặc nhóm công ty như tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp.
 6. Khi có yêu cầu của Công ty hoặc nhóm công ty như tại khoản 2 điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề yêu cầu kiểm tra của Hội đồng quản trị và Công ty hoặc nhóm công ty có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
 7. Kiểm tra Hội đồng quản trị hiện nay bị pháp sư, bổ sung, cắt giảm chức năng quản lý, giám sát và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty.
 8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả.
 9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp hiện nay của Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
 10. Sẵn sàng về mặt pháp lý của Công ty thực hiện nhiệm vụ giao.
 11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Hội đồng quản trị.
 12. Kiểm tra những vấn đề liên quan đến quản lý, hiệu quả hoạt động của Công ty theo quy định của Công ty.
 13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải ưu tiên phát triển hiện nay của Công ty.
 14. Thay thế Hội đồng quản trị ưu tiên phát triển hiện nay của Công ty trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không ưu tiên phát triển hiện nay của Công ty theo quy định tại khoản 3 điều 140 Luật Doanh nghiệp.
 15. Thành lập Hội đồng quản trị ưu tiên phát triển hiện nay của Công ty.
 16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan của kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. xu t và ki n ngh i h i ng c ông phê duy t danh sách t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m toán Báo cáo tài chính c a Công ty; t ch c ki m toán c ch p thu n th c hi n ki m tra các ho t ng c a Công ty khi xét th y c n thi t.
18. Ch u trách nhi m tr c c ông v ho t ng giám sát c a mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, vi c tuân th pháp lu t c a thành viên H i ng qu n tr , Giám c, ng i qu n lý khác trong các ho t ng.
20. m b o ph i h p ho t ng v i H i ng qu n tr , Giám c và c ông.
21. Tr ng h p phát hi n hành vi vi ph m pháp lu t ho c vi ph m i u l công ty c a thành viên H i ng qu n tr , Giám c và ng i i u hành doanh nghi p khác, Ban ki m soát ph i thông báo b ng v n b n cho H i ng qu n tr trong vòng 48 gi , yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .
22. Xây d ng, s a i, b sung Quy ch ho t ng c a Ban ki m soát và trình i h i ng c ông thông qua.
23. Xây d ng K ho ch ho t ng hàng n m c a Ban ki m soát và trình i h i ng c ông thông qua.
24. Ch ng ki n H i ng qu n tr t ch c ki m phi u và l p biên b n ki m phi u n u c H i ng qu n tr yêu c u trong tr ng h p l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua ngh quy t c a i h i ng c ông.
25. Tr ng Ban ki m soát i u hành i h i ng c ông b u ch t a cu c h p i v i tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c mà các thành viên H i ng qu n tr còn l i không b u c ng i làm ch t a. Tr ng h p này, ng i có s phi u b u cao nh t làm ch t a cu c h p.
26. Th c hi n các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, i u l công ty và Ngh quy t c a i h i ng c ông.

i u 12. Quy n c cung c p thông tin c a Ban ki m soát

1. Tài li u và thông tin ph i c gi n thành viên Ban ki m soát cùng th i i m và theo ph ng th c nh i v i thành viên H i ng qu n tr , bao g m:
 - a. Thông báo m i h p, phi u l y ý ki n thành viên H i ng qu n tr và tài li u kèm theo;
 - b. Ngh quy t, quy t nh và biên b n h p c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr ;
 - c. Báo cáo c a Giám c trình H i ng qu n tr ho c tài li u khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban ki m soát có quy n ti p c n h s , tài li u c a Công ty l u gi t i tr s chính, chi nhánh và a i m khác; có quy n n a i m làm vi c c a ng i qu n lý và nhân viên c a Công ty trong gi làm vi c.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu và công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triu t p h p b t th ng i h i ng c ông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triu t p h p i h i ng c ông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triu t p h p i h i ng c ông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của các công đoàn hoặc nhóm công đoàn quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Khi có yêu cầu triu t p h p b t th ng i h i ng c ông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triu t p h p i h i ng c ông theo quy định thì Ban kiểm soát phải báo thị trường phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triu t p và tiến hành họp i h i ng c ông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ do Công ty hoàn trả.

Chương IV

CỦNG CHẾ BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cấu trúc của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải có ít nhất hai (02) thành viên trong đó, số lượng thành viên tham dự phải ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành kế toán báo cáo thu nhập và trả lời các vấn đề liên quan làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát phải rõ ràng, chi tiết và minh bạch. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tích hợp hàng công nghệ năm bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc trình bày hàng công nghệ thông qua tích hợp hàng công nghệ năm.
2. Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên nhóm liên kết (50%) trở lên và ngược lại với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát về Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sơ bộ về hoạt động của Ban kiểm soát về Hội đồng quản trị, Giám đốc và các công đồng.
8. Xu hướng và kiến nghị hàng công nghệ phê duyệt danh sách thành viên kiểm toán độc lập thu nhận trách nhiệm kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; thành viên kiểm toán độc lập thu nhận trách nhiệm tra các hoạt động của Công ty khi xét thực hiện thi t.

Điều 17. Tín dụng và quyền lợi khác

Tín dụng, thù lao, thù và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tín dụng, thù lao, thù và lợi ích khác theo quy định của hàng công nghệ. Hàng công nghệ quy định về thù m c tín dụng, thù lao, thù, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí, lãi, chi phí sử dụng dịch vụ và các chi phí khác. Tổng thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được hàng công nghệ chấp thuận, trừ trường hợp hàng công nghệ có quy định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải công bố thành phần riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tên và thẩm định làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ đang nắm giữ có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 điều này phải thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung thông tin.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát phải công bố những thông tin có thể ảnh hưởng đến lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên nhóm mẹ và phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ và thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các quy định này theo quy định của pháp luật về kế toán và công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được công bố hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ về thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cùng tác động trong công việc chung nhằm bảo vệ lợi ích tốt nhất của công ty, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người chịu trách nhiệm công việc

chung c a Ban ki m soát nh ng không có quy n chi ph i các thành viên Ban ki m soát.

i u 20. M i quan h v i H i ng qu n tr

Ban ki m soát có m i quan h c l p v i H i ng qu n tr Công ty.

H i ng qu n tr Công ty (H QT) ch u s giám sát c a Ban Ki m soát i v i vi c th c hi n nhi m v c a mình. Trong các phiên h p H QT, Ch t ch H QT ho c ng i tri u t p ph i g i thông báo m i h p và các tài li u kèm theo n các thành viên Ban Ki m soát nh i v i các thành viên H QT. Th ký Công ty ph i b o m r ng toàn b b n sao ch p các thông tin tài chính, các thông tin khác cung c p cho các thành viên H QT và b n sao các biên b n h p H QT s ph i c cung c p cho thành viên Ban Ki m soát vào cùng th i m chúng c cung c p cho H QT.

Các báo cáo tình hình kinh doanh hàng n m c a Công ty, báo cáo ánh giá công tác qu n lý c a H QT chu n b trình lên i h i ng c ông t i cu c h p th ng niên ph i c g i cho Ban Ki m soát ch m nh t là 30 ngày tr c ngày khai m c cu c h p i h i ng c ông th ng niên n u i u l Công ty không có quy nh khác th m nh.

Ban Ki m soát thông báo cho H QT và tham kh o ý ki n c a H QT v các v n c nêu trong báo cáo c a Ban Ki m soát tr c khi g i lên/trình i h i ng c ông.

i u 21. M i quan h v i Giám c Công ty.

Ban ki m soát có m i quan h c l p v i Giám c Công ty.

Giám c ch u s ki m tra, giám sát c a Ban Ki m soát i v i vi c th c hi n nhi m v c a mình.

Các báo cáo Giám c g i t i H QT thì ng th i g i cho Ban Ki m soát.

Giám c ch o các n v cung c p y thông tin, tài li u và các ph ng ti n ph c v công tác ki m tra, ki m soát theo yêu c u c a Ban Ki m soát.

Giám c có trách nhi m th c hi n nh ng ki n ngh c a Ban ki m soát ho c báo cáo v i H QT nh ng i m không th ng nh t v i các ki n ngh c a Ban ki m soát, và th c hi n theo ý ki n ch o c a H QT ng th i thông báo cho Ban ki m soát nh ng ý ki n ch o này.

Thông báo ngay cho Ban ki m soát khi phát hi n nh ng y u kém, t n t i, các sai ph m, r i ro, th t thoát l n v tài s n ho c khi có nh ng thay i trong h th ng ki m tra, ki m soát n i b t i Công ty, ho c các thông tin, các quy t nh, k ho ch s n xu t kinh doanh tác ng ngay, nh y c m n tâm lý các c ông.

Các n v c ki m tra, ki m soát ph i ch u trách nhi m tr c H QT, tr c pháp lu t, v tính chính xác, y , trung th c và h p lý c a các thông tin, tài li u cung c p cho Ban ki m soát.

Ch  ng VII
I U KHO N THI H  NH

i u 22. Hi u l c thi h  nh

Quy ch   ho t  ng c  a Ban ki m so  t C  ng ty c   ph  n Ph  n b  n v   H  a ch  t
D  u Kh  i  ng Nam B   bao g  m 7 ch  ng, 22 i u v   c   hi u l c thi h  nh k
t  ng  y ban h  nh.